

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1
PC1 GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: **2 185** / CBTT-PC1
No: **2 185** / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày **11** tháng 08 năm 2025
Hanoi, August **11**, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: *The State Securities Commission*
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: PC1

Tầng 1, 2 và KT Tòa CT2, số 583 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 1st, 2nd and KT Floor CT2 Building, No. 583 Nguyen Trai Street, Thanh Liet Ward, Hanoi, Vietnam

- Điện thoại/Tel.: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pc1group.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: **Đính chính một số nội dung tại Báo cáo thường niên năm 2024/ Correction of Contents in the 2024 Annual Report:**

Ngày 20/04/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 đã Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024 (song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh). Nay Công ty đính chính nội dung, cụ thể như sau/ On April 20, 2025, PC1 Group Joint Stock Company announced the 2024 Annual Report (bilingual in Vietnamese and English). The Company now issues the following correction:

Bản tiếng Việt: Tại Mục Sở hữu của cổ đông lớn - Trang 66:

Trước đính chính

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ (cổ đông cá nhân)/ Trụ sở (cổ đông tổ chức)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trịnh Văn Tuấn	038062002196	04/01/2017	66.497.271	21,38%

2	Công ty cổ phần chứng khoán VIX	73/GCNTVLK	10/12/2007	53.860.338	17,32%
---	------------------------------------	------------	------------	------------	--------

Sau đính chính

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Ngày cấp	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trịnh Văn Tuấn	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	Công ty cổ phần chứng khoán VIX	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

Bản tiếng anh: Tại Mục Ownership of major shareholders - Trang 66:

Trước đính chính

No	Name	Business Registration Certificate/Business Registration Certificate of the Investor	Address (individual shareholders)/ Head office (institutional shareholders)	Number of Shares	Ownership ratio/ Capital as of 31/12/2024 (%)
1	Trinh Van Tuan	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	VIX Securities Joint Stock Company	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

Sau đính chính

No	Name	Business Registration Certificate/Business Registration Certificate of the Investor	Date of issue	Number of Shares	Ownership ratio/ Capital as of 31/12/2024 (%)
1	Trinh Van Tuan	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	VIX Securities Joint Stock Company	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

Vietnamese version – Section: Ownership of major shareholders – Page 66:

Before correction

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ (cổ đông cá nhân)/ Trụ sở (cổ đông tổ chức)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----	----------------------	-----------------------------	---	-------------------	------------------

1	Trịnh Văn Tuấn	038062002196	04/01/2017	66.497.271	21,38%
2	Công ty cổ phần chứng khoán VIX	73/GCNTVLK	10/12/2007	53.860.338	17,32%

After correction

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Ngày cấp	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trịnh Văn Tuấn	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	Công ty cổ phần chứng khoán VIX	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

English version – Section: Ownership of major shareholders – Page 66:

Before correction

No	Name	Business Registration Certificate/Business Registration Certificate of the Investor	Address (individual shareholders)/ Head office (institutional shareholders)	Number of Shares	Ownership ratio/ Capital as of 31/12/2024 (%)
1	Trinh Van Tuan	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	VIX Securities Joint Stock Company	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

After correction

No	Name	Business Registration Certificate/Business Registration Certificate of the Investor	Date of issue	Number of Shares	Ownership ratio/ Capital as of 31/12/2024 (%)
1	Trinh Van Tuan	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	VIX Securities Joint Stock Company	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

Reason: Errors in report compilation and design

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/08/2025 tại đường dẫn: <https://pclgroup.vn> /This information was published on the company's website on 11/08/2025, as in the link <https://pclgroup.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được ủy quyền CBTT

Person authorised to disclose information



Hoàng Văn Sáng





NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

1	PC1 VÀ THÀNH TỰU 2024	
	• Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	08
	• Thông điệp của Tổng giám đốc	10
	• Điểm nhấn 2024	12
	• Giải thưởng tiêu biểu	14
	• Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	16
2	TỔNG QUAN VỀ PC1	
	• Thông tin chung	20
	• Quá trình hình thành và phát triển	22
	• Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	24
	• Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh	30
	• Định hướng phát triển	42
	• Quản trị rủi ro	44
3	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024	
	• Tình hình hoạt động SXKD năm 2024	52
	• Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	58
	• Tình hình tài chính	62
	• Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	65

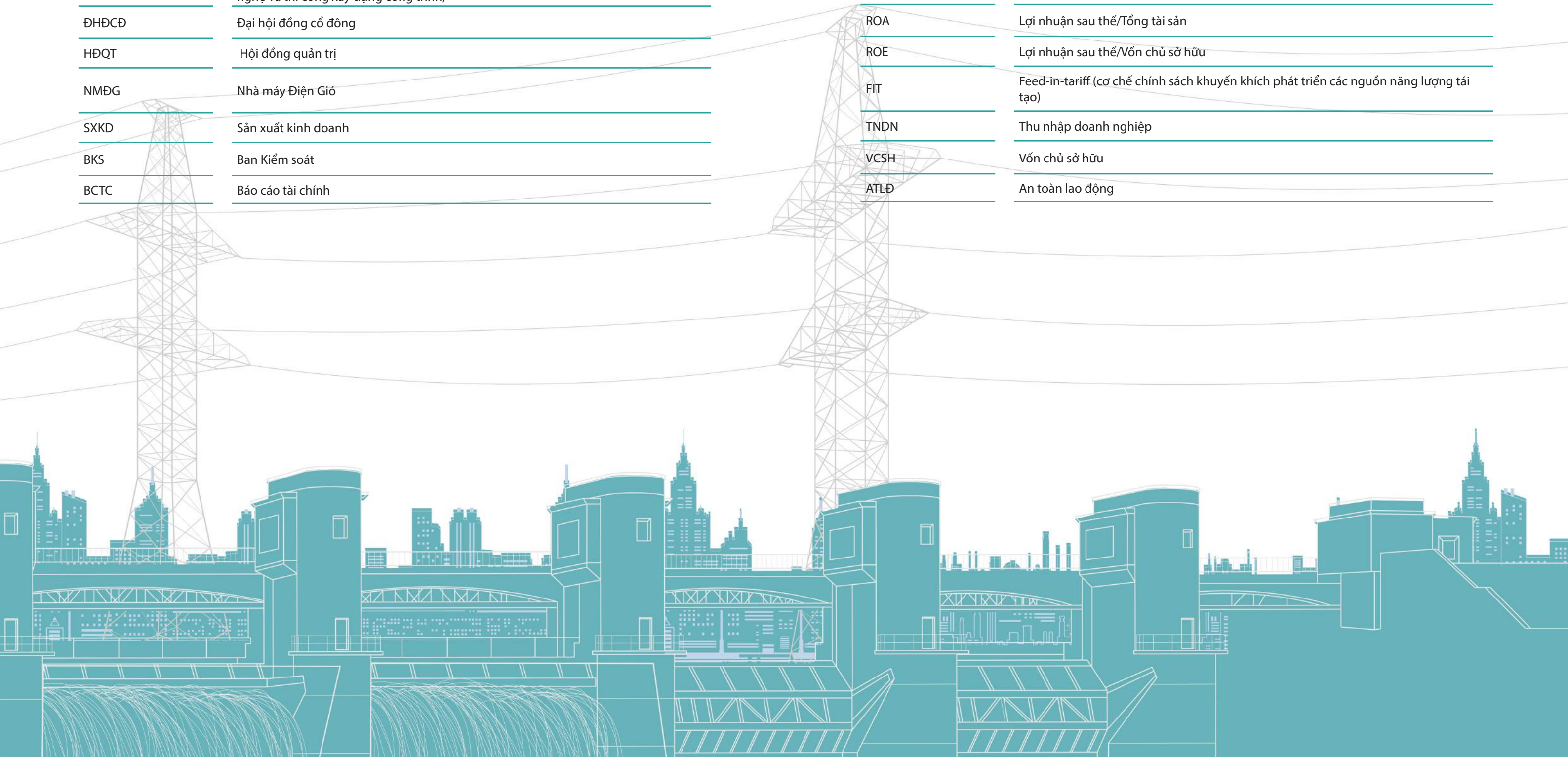
4	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
	• Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	70
	• Tình hình tài chính	74
	• Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	75
	• Kế hoạch phát triển trong tương lai	76
5	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN	
	• Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của PC1	80
	• Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	86
	• Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	86
6	QUẢN TRỊ CÔNG TY	
	• Hội đồng quản trị	90
	• Ban kiểm soát	95
	• Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS	96
7	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
	• Tổng quan về Báo cáo	110
	• Mô hình phát triển bền vững	112
	• Định hướng phát triển bền vững	113
	• Các chỉ tiêu phát triển bền vững	131
8	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP HỢP NHẤT NĂM 2024	132



DANH MỤC VIẾT TẮT

TBA	Trạm biến áp
TGD	Tổng Giám đốc
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
VCSH	Vốn chủ sở hữu
CBNV	Cán bộ nhân viên
EPC	Engineering - Procurement - Construction (Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình)
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
NMĐG	Nhà máy Điện Gió
SXKD	Sản xuất kinh doanh
BKS	Ban Kiểm soát
BCTC	Báo cáo tài chính

HĐQT	Hội đồng quản trị
CTCP	Công ty cổ phần
PC	"Procurement - Construction (hợp đồng tổng thầu cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình)"
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
PC1	Mã chứng khoán CTCP Tập đoàn PC1
ROA	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
ROE	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
FIT	Feed-in-tariff (cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng tái tạo)
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
VCSH	Vốn chủ sở hữu
ATLĐ	An toàn lao động



01

PC1 VÀ THÀNH TỰU 2024

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT [08-09]

Thông điệp của Tổng giám đốc [10-11]

Điểm nhấn 2024 [12-13]

Giải thưởng tiêu biểu [14-15]

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi [16-17]





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1,

Năm 2025, trong bối cảnh toàn cầu nhiều biến động, mọi yếu tố kinh tế – chính trị – công nghệ đều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo hơn bao giờ hết. Chiến tranh thương mại, rủi ro địa chính trị, sức ép cạnh tranh và biến động vĩ mô đặt ra những thách thức lớn đối với doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tự tin là một tổ chức có nền tảng, bản lĩnh, có tầm nhìn và khát vọng hội nhập, phát triển, tiến bộ.

Tập đoàn PC1 triển khai kế hoạch 2025 dưới sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo có tầm nhìn, trí tuệ và chính trực, với tinh thần:

- i. Tư duy chiến lược linh hoạt, thích ứng nhanh;
- ii. Tập trung các lĩnh vực cốt lõi: Năng lượng, công nghiệp và bất động sản;
- iii. Tối ưu hóa nguồn lực, tinh gọn và hiệu quả;
- iv. Phát triển đội ngũ, nguồn nhân lực năng động và đổi mới;
- v. Chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo;
- vi. Quản trị tài chính hiệu quả và minh bạch;
- vii. Phát triển thương hiệu PC1 và trách nhiệm xã hội.

Với tầm nhìn PC1 là Tập đoàn quốc tế, uy tín, chuyên nghiệp trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, bất động sản xanh và thông minh. Sứ mệnh của PC1 là kiến tạo hệ sinh thái kinh tế xanh, số hóa và phát triển bền vững, đồng hành cùng Kỷ nguyên vươn mình của đất nước. PC1 vững tin “Kiến tạo giá trị vượt trội.”

Đội ngũ PC1 luôn thấu hiểu:

Niềm tin và sự đóng góp của nhà đầu tư và Quý cổ đông tạo nền tảng cho sự phát triển;
Động lực và tận tâm của đội ngũ, trên nền tảng giá trị cốt lõi, đem đến cho khách hàng những trải nghiệm mới, sự hài lòng và sự tin cậy – là nhân tố then chốt kiến tạo nên những thành công mới;
Sự cố vũ mạnh mẽ từ cộng đồng, cùng lan tỏa những giá trị tri thức và nhân văn, giúp PC1 vượt qua những khó khăn, tạo nên những dấu ấn phát triển năm 2025, tiếp nối hành trình kiến tạo giá trị vượt trội trong giai đoạn mới.

Tôi tin tưởng rằng, trong năm 2025, Ban lãnh đạo và mỗi thành viên PC1 sẽ tiếp tục phát huy tinh thần sáng tạo, trách nhiệm và nhiệt huyết trong công việc. Cùng nhau lan tỏa tinh thần tích cực, chinh phục những mục tiêu thách thức, mang lại những thành công ấn tượng, rực rỡ và đầy ý nghĩa.

Trân trọng tri ân sự đồng hành của Quý vị.

Và cùng nhau, chúng ta sẽ viết tiếp hành trình thịnh vượng – nhân văn – bền vững!

Trịnh Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên Tập đoàn PC1!

Năm 2025, bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu tiếp tục có nhiều biến động, trong khi các xu hướng công nghệ, thị trường vốn và cạnh tranh quốc tế diễn biến nhanh chóng. Trong môi trường đó, PC1 định hướng chiến lược mở rộng hoạt động ra thị trường khu vực và quốc tế, hướng tới mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững.

Với tinh thần hành động tập trung và quyết liệt, PC1 tập trung các ưu tiên chiến lược trong năm 2025 như sau:

- Đạt mức tăng trưởng doanh thu trên 30% và lợi nhuận sau thuế trên 18% thông qua tối ưu danh mục đầu tư, kiểm soát chi phí hiệu quả và ưu tiên lĩnh vực kinh doanh có tiềm năng cao.

- Phát triển thị trường quốc tế với trọng tâm là xây dựng quan hệ hợp tác dài hạn và triển khai các dự án quy mô lớn tại khu vực APAC trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, tổng thầu EPC và sản xuất thiết bị công nghiệp.

- Tăng tốc tiến độ các dự án bất động sản khu công nghiệp như một động lực tăng trưởng, tập trung vào các khu công nghiệp tích hợp, có hạ tầng giá trị gia tăng, phù hợp với dòng vốn FDI và xu hướng sản xuất xanh.

- Triển khai toàn diện chương trình LEAN & AI nhằm số hóa vận hành, giảm thiểu lãng phí, nâng cao hiệu suất tại tất cả các đơn vị - từ đầu tư, kinh doanh, sản xuất đến tài chính và quản trị. Mục tiêu là tối ưu hóa phân bổ nguồn lực và tiết kiệm chi phí toàn hệ thống.

Năm 2025, PC1 sẽ tận dụng tối đa các cơ hội đến từ động lực thị trường mới và chính sách thúc đẩy đầu tư hạ tầng, năng lượng sạch và công nghiệp. Với định hướng rõ ràng, năng lực thực thi mạnh mẽ và kỷ luật tài chính, chúng tôi quyết tâm xây dựng nền tảng vững chắc cho năng lực cạnh tranh quốc tế dài hạn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Hội đồng Quản trị vì sự lãnh đạo chiến lược, cảm ơn đội ngũ cán bộ nhân viên vì tinh thần trách nhiệm và chuyên nghiệp; đồng thời gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Đối tác, Khách hàng và Cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng khát vọng phát triển của PC1.

Chúng tôi cam kết triển khai hiệu quả các ưu tiên chiến lược của năm 2025, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong mở rộng thị trường, tối ưu vận hành và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và thịnh vượng!

Tổng Giám đốc
Vũ Ánh Dương



DOANH THU VƯỢT
10.000 Tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2024
710 Tỷ đồng
Vượt 135% so với kế hoạch



Thi công hoàn thành xuất sắc ĐZ 500kV mạch 3 - dự án trọng điểm quốc gia



Khởi công xây dựng 2 nhà máy thủy điện mới, nâng tổng số nhà máy điện của PC1 lên 12 nhà máy với tổng công suất 356 MW



Phát triển thành công thị trường quốc tế qua các hợp đồng tổng thầu thi công và xuất khẩu sản phẩm công nghiệp sang Philippines, Lào, Australia



Nhận chấp thuận chủ trương đầu tư từ Chính phủ cho Khu công nghiệp Nomura 2 Hải Phòng diện tích gần 200ha, tổng mức đầu tư 2.800 tỷ đồng



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) và Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)

Đây là lần thứ 10 liên tiếp PC1 nằm trong Bảng xếp hạng VNR500 và lần thứ 8 liên tiếp thuộc PROFIT500 - Các danh hiệu do Vietnam Report đánh giá dựa trên những nghiên cứu và đánh giá độc lập theo tiêu chuẩn quốc tế, nhằm tôn vinh những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có khả năng tạo ra lợi nhuận cao và bền vững.



Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - nhóm ngành phi tài chính

Lần thứ 2 liên tiếp, Báo cáo thường niên của PC1 được trao giải tại Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức. Danh hiệu này khẳng định chất lượng vượt trội của báo cáo thường niên PC1, được đầu tư kỹ lưỡng cả về nội dung lẫn hình thức, nhằm cung cấp thông tin minh bạch và đầy đủ đến cổ đông cũng như nhà đầu tư.



Giải thưởng Nhà phát triển Bất động sản công nghiệp có chiến lược chuyển đổi xanh

Giải thưởng do Liên Chi hội Bất động sản công nghiệp Việt Nam phối hợp với Báo Đầu tư tổ chức, nhằm vinh danh những chủ đầu tư có chiến lược phát triển các khu công nghiệp (KCN) sinh thái, KCN xanh, cũng như các nhà đầu tư thứ cấp thuê đất trong các KCN có chiến lược phát triển xanh, sử dụng năng lượng sạch, hạ tầng cơ sở bền vững, quản lý nguồn nước thông minh và tài nguyên trong hệ sinh thái, góp phần thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững.



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tập đoàn quốc tế, uy tín, chuyên nghiệp trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp xanh và thông minh

PC1 kiến tạo hệ sinh thái kinh tế xanh, số hóa và phát triển bền vững; đồng hành cùng đất nước trong kỷ nguyên mới.



-  **SÁNG TẠO**
-  **TỐC ĐỘ**
-  **TIN CẬY**

02

TỔNG QUAN VỀ PC1

Thông tin chung	[20-21]
Quá trình hình thành và phát triển	[22-23]
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	[24-29]
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh	[30-41]
Định hướng phát triển	[42-43]
Quản trị rủi ro	[44-49]



THÔNG TIN CHUNG VỀ PC1



Tên doanh nghiệp	: Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Tên viết tắt	: PC1 Group
Tên tiếng anh	: PC1 Group Joint Stock Company
Giấy chứng nhận ĐKDN	: 0100100745
Trụ sở chính	: Tòa CT2, số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại	: 024 3845 6329
Email	: info@pc1group.vn
Website	: http://pc1group.vn
Logo	: 
Mã chứng khoán	: PC1
Nơi niêm yết	: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ (Vốn đầu tư của chủ sở hữu)

3.576.421.210.000

ĐỒNG



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2024 - nay



PC1 thành công tổng thầu các Dự án năng lượng Quốc tế
Phát triển Văn hóa PC1
Vận hành Trung tâm Phát triển bền vững PC1

2023



PC1 phát triển lĩnh vực khoáng sản – Khánh thành Nhà máy tuyển quặng Niken

2022



Chuyển đổi mô hình Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, thay đổi nhận diện thương hiệu
PC1 mua Công ty Nomura từ Tập đoàn Nomura Nhật Bản – Sở hữu KCN Nomura Hải Phòng

2009



PCC1 mua lại Công ty Chế tạo cột thép Đông Anh (DAST) từ Tập đoàn Hyundai Hàn Quốc; Vượt mốc doanh thu 1.000 tỷ VNĐ

2010



PCC1 phát triển lĩnh vực kinh doanh Bất động sản - Khánh thành Dự án Bất động sản đầu tiên

2016



PCC1 đầu tư & phát điện 2 nhà máy thủy điện đầu tiên; IPO trên sàn HOSE

2021



PCC1 mở rộng đầu tư & phát điện thành công các Nhà máy Điện gió tại Quảng Trị; Vượt mốc doanh thu trên 10.000 tỷ VNĐ

2005



Cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 (PCC1)

1988



Công ty Xây lắp Điện 1 (PCC1) trực thuộc Bộ Năng lượng

1967

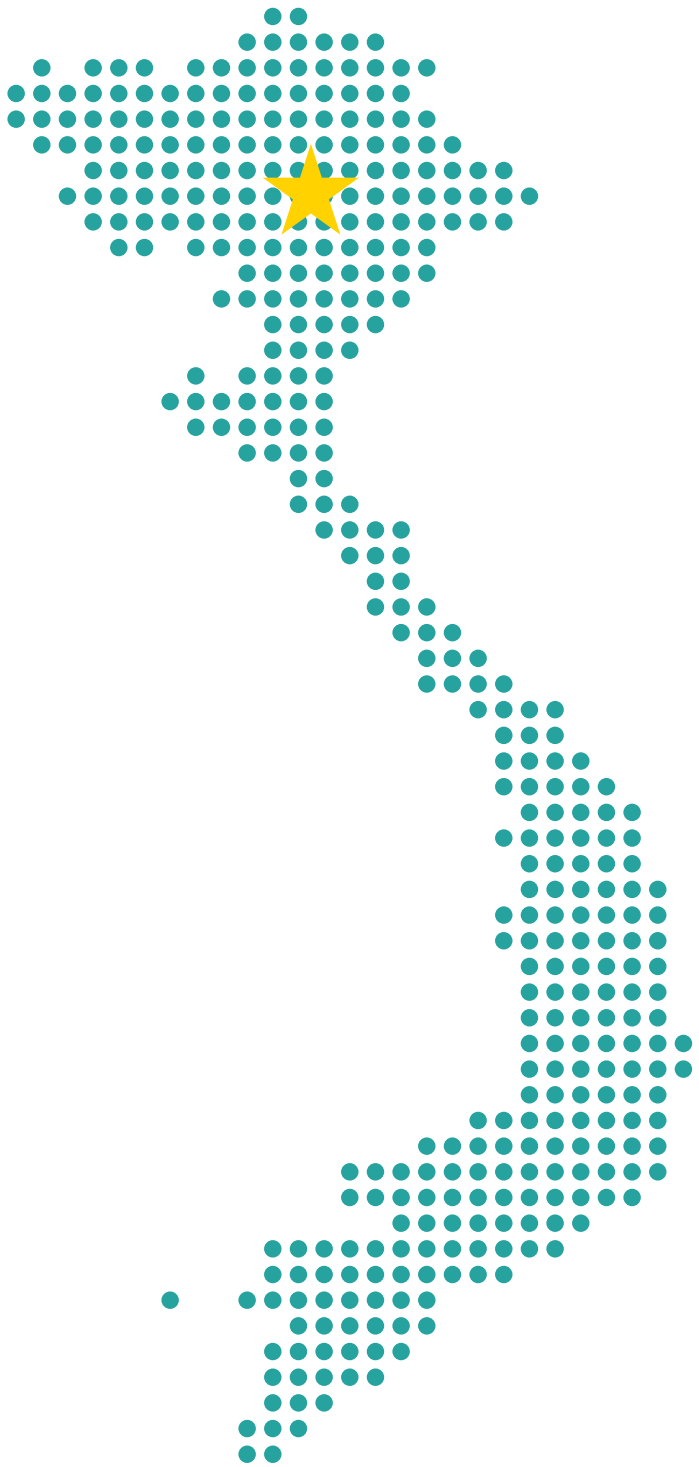


Trở thành Công ty Xây lắp Đường dây & Trạm (Cục Điện lực)

02/03/1963



Thành lập Công ty Xây lắp Mỏ và Đường dây (Bộ Bộ Công nghiệp nặng)



Trải khắp 3 miền Bắc,
Trung, Nam.



Công ty con tại Singapore
Australia và văn phòng đại
diện tại Lào



Sản phẩm xuất khẩu sang
thị trường nước ngoài như
Úc, Mỹ, Nhật Bản, Indonesia,
Lào, Myanmar, Phillipines

1

TỔNG THẦU CÔNG TRÌNH, NHÀ MÁY ĐIỆN VÀ HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP

Với hơn 60 năm kinh nghiệm, hiện PC1 đang dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực xây lắp điện với kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án truyền tải điện quốc gia, đặc biệt là các dự án tổng thầu EPC, PC tới cấp điện áp 500 KV và các dự án có tính đặc thù cao (trạm Gis, dự án cấp điện ra đảo, dự án cáp ngầm...) bằng đội ngũ nhân sự trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề cứng, kết hợp với việc sử dụng công nghệ thiết bị hiện đại, điển hình là công nghệ Navifly.

Tập đoàn cũng đã phát triển trở thành nhà tổng thầu chuyên nghiệp, trình cấp quốc tế với các nhà máy điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp



2

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH KHOÁNG SẢN, VẬT LIỆU MỚI

PC1 đang sở hữu 57,27% vốn của Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát – chủ đầu tư Dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken – Đồng tại xã Quang Trung huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng với Tổng mức đầu tư hơn 1.700 tỷ đồng; quy mô công suất thiết kế là 600.000 tấn/năm. Dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng lắp đặt, chạy thử và đi vào sản xuất chính thức từ tháng 2/2023.

Kinh doanh thương mại: chủ yếu kinh doanh các sản phẩm phôi thép, thép xây dựng và than cốc. Bên cạnh đó, PC1 đang tiếp tục nghiên cứu đầu tư các vật liệu mới có tính ứng dụng và hiệu quả cao.



3 ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG

Đầu tư thủy điện

Trong lĩnh vực đầu tư năng lượng, PC1 khẳng định năng lực đầu tư chuyên nghiệp với nguồn lực sẵn sàng, quy trình quản lý chuyên nghiệp, công nghệ tiên tiến, luôn luôn kiểm soát chất lượng và tiến độ. Đến nay, PC1 Group đã vận hành thành công 7 nhà máy thủy điện và đang thi công xây dựng 2 nhà máy, tổng công suất thủy điện là 212 MW tương ứng tổng mức đầu tư hơn 6.800 tỷ đồng”



Dự án	Địa điểm	Thời gian triển khai	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Công suất (MW)	Sản lượng thiết kế (Triệu kWh)
Đã hoàn thành và đi vào hoạt động					
Trung Thu	Điện Biên	2013-2016	910	30	113
Bảo Lâm 1	Cao Bằng	2014-2017	767	30	104
Bảo Lâm 3	Cao Bằng	2015-2017	890	46	173
Bảo Lâm 3A	Cao Bằng	2016-2017	330	8	30
Mông Ân	Cao Bằng	2017-2020	916	30	104
Bảo Lạc B	Cao Bằng	2018-2020	559	18	72
Sông nhiệm 4	Hà Giang	2018-2020	228	7	24
Đang thi công xây dựng					
Bảo Lạc A	Cao Bằng	2024-2026	1.166	30	104
Thượng Hà	Cao Bằng	2024-2026	524	13	44

Đầu tư điện gió

Cùng với các nhà máy thủy điện đã và đang đầu tư, đến nay PC1 tiếp tục phát triển các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió tại các khu vực có lợi thế, góp phần tích cực vào việc bảo đảm an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch của quốc gia. Tháng 10/2021, PC1 chính thức vận hành thương mại cụm nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên tại Quảng Trị với tổng công suất 144 MW, đủ điều kiện được bán điện giá FIT.



Dự án	Địa điểm	Thời gian triển khai	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Công suất (MW)	Sản lượng thiết kế (Triệu kWh)
Đã hoàn thành và đi vào hoạt động					
Liên Lập	Quảng Trị	2019-2021	1.921	48	145
Phong Huy	Quảng Trị	2020-2021	1.921	48	177
Phong Nguyên	Quảng Trị	2020-2021	1.921	48	173

Mục tiêu: Sở hữu 1.000MW công suất các nhà máy điện sạch vào năm 2030, 1.300MW vào năm 2032.

4 ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Bất động sản nhà ở

Tính đến nay, PC1 đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng nhiều dự án bất động sản nhà ở được thị trường và khách hàng đánh giá cao, qua đó nâng cao uy tín và hình ảnh PC1. Có thể kể đến như các dự án PCC1 Nàng Hương, PCC1 Complex Hà Đông, Mỹ Đình Plaza 2, PCC1 Thanh Xuân...

- PCC1 Nàng Hương tại Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội với 2 tháp cao 21 tầng; biệt thự và nhà liền kề. Mỹ Đình Plaza 1 tại 140 Trần Bình, Cầu Giấy, Hà Nội với quy mô gồm Tháp căn hộ cao cấp 25 tầng nổi trong đó có 3 tầng thương mại; 352 căn hộ.
- PCC1 Complex Hà Đông tại Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội với 04 tháp cao 15 tầng, 03 tầng cho thuê; 540 căn hộ.
- Mỹ Đình Plaza 2 tại số 2 Nguyễn Hoàng, Nam Từ Liêm, Hà Nội với 2 tháp chung cư cao cấp 28 tầng, 4 tầng thương mại; 472 căn hộ.
- PCC1 Thanh Xuân tại Số 44 Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội với 2 tháp chung cư 27 tầng, 3 tầng hầm, trường mầm non và 480 căn chung cư.

Năm 2024, PC1 đã đấu giá thành công và triển khai đầu tư dự án khu nhà ở Tháp Vàng tại xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội với diện tích 5,2 ha, Tổng mức đầu tư hơn 1.500 tỷ đồng bao gồm 182 căn liền kề.

Quý dự án của PC1 đang có kế hoạch đầu tư còn bao gồm các dự án PC1 Gia Lâm (Yên Thường), PC1 Định Công, PC1 Vĩnh Hưng, PC1 Bắc Thăng Long và các dự án đang phát triển, dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030."

Bất động sản công nghiệp

PC1 ưu tiên nguồn lực để phát triển khu công nghiệp sinh thái, tích hợp năng lượng xanh, có lợi thế khác biệt về logistics, cảng sông, cảng biển.

PC1 là chủ đầu tư Khu công nghiệp Nomura 2 Hải Phòng diện tích gần 200ha; đồng thời là đối tác liên doanh chiếm 70% vốn tại Công ty Phát triển khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (NHIZ), sở hữu KCN Nomura Hải Phòng 153 ha (NHIZ); và 30% vốn Công ty CTCP Western Pacific - chủ sở hữu các Khu công nghiệp Yên Phong II-A Bắc Ninh 159ha, Đồng Văn V 237ha, Đồng Văn VI 250 ha, Yên Lư 119 ha.



5 SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, PC1 là đơn vị duy nhất và có quy mô lớn nhất Việt Nam về thiết kế, chế tạo cột thép đơn thân 110 KV, 220 KV – 1, 2, 4 mạch và cột thép liên kết thanh đến 750kV, với dây truyền công nghệ hiện đại tích hợp hệ thống điều khiển CNC tổng công suất trên 50.000 tấn sản phẩm/năm.

Các sản phẩm cột thép mới của PC1 với nhiều tính năng ưu việt đã được lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đối tác, khách hàng đánh giá cao về tính phù hợp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các công trình truyền tải điện Quốc gia.

Năng lực thiết kế và sản phẩm cột thép của Tập đoàn ngày càng được chứng minh qua các công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước và xuất khẩu sang các nước như Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Chi lê, ... đồng thời mở rộng các thị trường nước ngoài như Banglades, Papua New Guinea, Myanmar nhằm tăng doanh thu xuất khẩu.



6 TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ

Với vai trò đồng bộ với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trên, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung và nâng cao uy tín của PC1, Tập đoàn đã phát triển mạnh hoạt động:

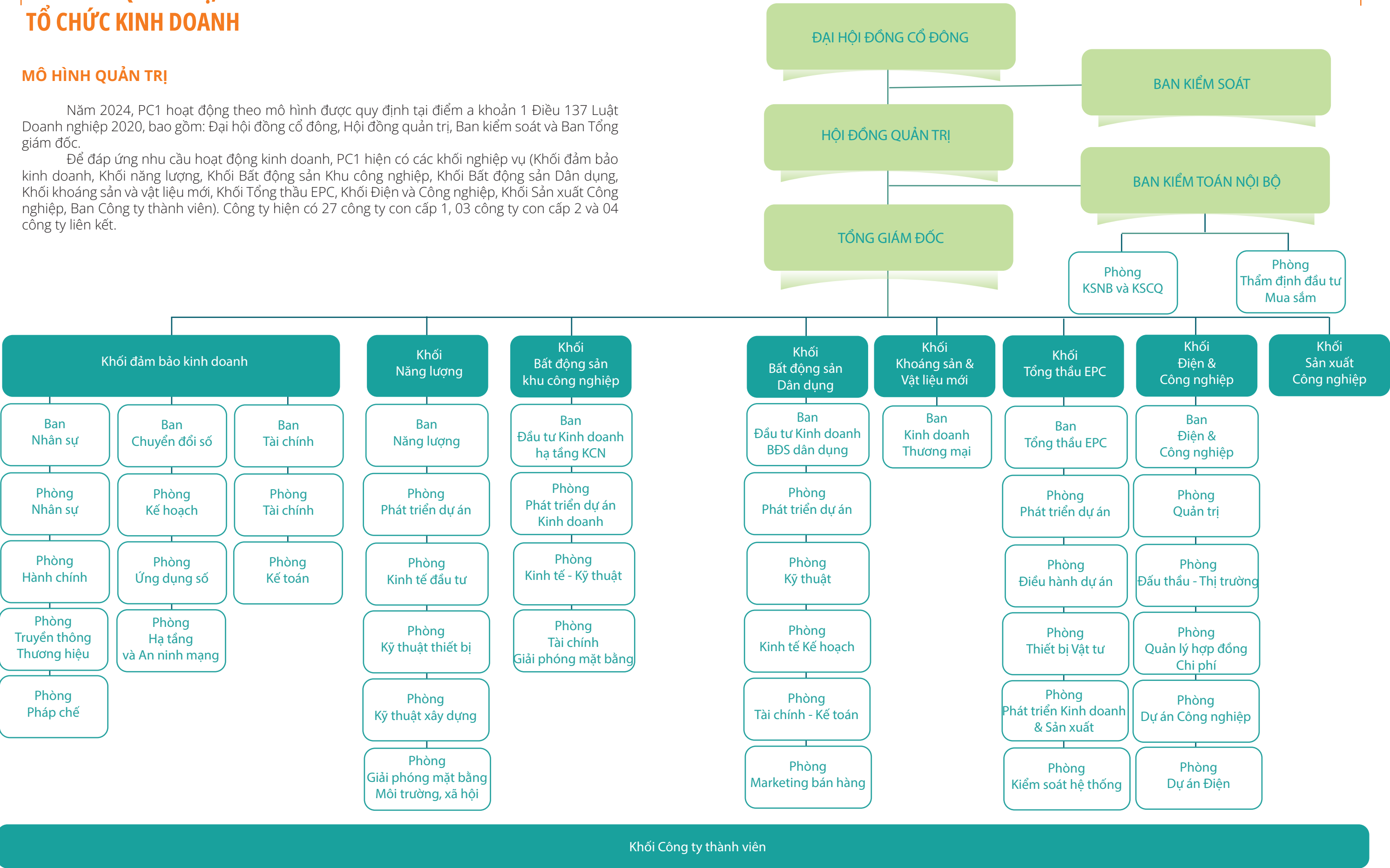
- Tư vấn thiết kế các công trình điện; Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng; đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình.
- Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện
- Dịch vụ quản lý toà nhà

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Năm 2024, PC1 hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, PC1 hiện có các khối nghiệp vụ (Khối đảm bảo kinh doanh, Khối năng lượng, Khối Bất động sản Khu công nghiệp, Khối Bất động sản Dân dụng, Khối khoáng sản và vật liệu mới, Khối Tổng thầu EPC, Khối Điện và Công nghiệp, Khối Sản xuất Công nghiệp, Ban Công ty thành viên). Công ty hiện có 27 công ty con cấp 1, 03 công ty con cấp 2 và 04 công ty liên kết.



CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 31/12/2024, Danh sách các công ty con và công ty liên kết của PC1 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Vốn điều lệ PC1 thực góp	Tỷ lệ sở hữu của PC1	Vốn điều lệ
CÔNG TY CON CẤP 1					
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp điện	3.519.064.933	66,00%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19, khu phố 5, phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Xây lắp điện	20.000.000.000	80,00%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	Phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp điện	10.236.009.597	100%	10.236.009.597
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp điện	24.000.000.000	80,00%	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Hà Đông	Thôn Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp điện	5.942.874.315	100%	5.942.874.315
Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	Dịch vụ	725.509.851	100%	725.509.851
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	Ninh Bình	Xây lắp điện	6.781.764.370	66,00%	10.000.000.000
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Số 471, đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Xây lắp điện	3.566.251.625	66,00%	15.000.000.000
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ về mạ. mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép. mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện	28.832.168.426	90%	81.257.437.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Số nhà 157, tổ dân phố 16 phường Tân Thanh, Điện Biên Phủ	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ. Sản xuất và kinh doanh điện năng	151.200.000.000	60%	290.178.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Thôn Đình Thôn, phường Mỹ đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	102.338.000.000	99,39%	100.000.000.000

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Vốn điều lệ PC1 thực góp	Tỷ lệ sở hữu của PC1	Vốn điều lệ
CÔNG TY CON CẤP 1 (Tiếp)					
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	2.550.000.000	51,00%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Số 44 phố Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản	184.005.518.217	99,83%	119.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Thôn Nà Pổng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Quản lý sau đầu tư thủy điện về điện gió	33.966.000.000	99,90%	34.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Miền Bắc	Thôn Nà Pổng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Sản xuất và kinh doanh điện năng.	141.693.000.000	51,00%	287.840.970.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tiến Bộ	Số 1, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản	154.145.058.545	99,95%	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Thôn Cúa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất điện từ năng lượng gió	409.614.856.402	55,54%	592.150.150.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Thôn Cúa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất điện từ năng lượng gió	412.479.556.800	54,73%	573.567.320.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Thôn Cúa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất điện từ năng lượng gió	412.426.000.000	54,70%	573.915.380.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Tầng 2, toà nhà PCC1 Thanh Xuân, số 44 Triều Khúc, phường Thanh Xuân Nam, TP Hà Nội	Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện	1.876.851.000	51,00%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Khách sạn Tây Giang, tổ 22, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Thăm dò khoáng sản, khai thác khoáng sản. Khai thác quặng sắt, Bán buôn kim loại và quặng kim loại.	477.590.600.000	57,27%	478.000.000.000
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Gâm	Thôn Nà Rò, xã Bảo Toàn, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Sản xuất và kinh doanh điện năng.	93.600.000.000	60,00%	156.000.000.000

CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp)

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Vốn điều lệ PC1 thực góp	Tỷ lệ sở hữu của PC1	Vốn điều lệ
CÔNG TY CON CẤP 1 (Tiếp)					
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Số 1 ngõ 120 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Đầu tư kinh doanh bất động sản	311.652.469.517	99,75%	150.000.000.000
Asean Dragon Trading Pte.Tld	10 Collyer Quay, #10-01 Ocean Financial Center, Singapore (049315)	Quản lý bất động sản nhà ở (ngoài hội đồng thành phố), khu dân cư, thương mại và công nghiệp	140.950.895.451	100,00%	140.950.895.451
Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng	Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp	703.098.368.940	70,00%	880.209.734.400
CTCP KCN Quốc tế Hải Phòng	Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Xã Tân Tiến, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp	424.800.000.000	99,00%	425.000.000.000
PC1 Australia Pty Ltd	Australia	Kinh doanh sản phẩm thép	5.118.723.000	100%	5.118.723.000

CÔNG TY CON CẤP 2

Công ty Cổ phần Cốt thép Mạ kẽm Thái Nguyên	Lô CN2-1 và CN2-2 Khu công nghiệp Điểm Thủy B, xã Điểm Thủy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất các loại cốt thép mạ kẽm, kết cấu thép	36.000.000.000	81,00%	40.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Từ Liêm	Số 32, phường Phương Canh, tổ 2, Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp điện	6.760.812.315	80,00%	10.549.569.422

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Km5 Đê Thám thị Xã Cao Bằng, P. Hợp giang, Cao Bằng	Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản.	124.748.756.168	25,09%	430.063.660.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Tầng 21, tòa nhà Capital Town, 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản	300.000.000.000	49,00%	612.245.000.000
Công ty Cổ phần Western Pacific	Số 13, đường số 12, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư Bất động sản khu công nghiệp		30,08%	915.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	Tổ 4, khu phố Hải Đình, Phường Kim Đình, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cho thuê kho, nhà xưởng,t lưu giữ hàng	68.400.000.000	36,00%	50.000.000.000

Trong Quý 4 năm 2024, PC1 đã hoàn thành việc thanh lý 200.000 cổ phần tại Công ty con cấp 2 - Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK

BỘ MÁY QUẢN LÝ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRỊNH VĂN TUẤN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 6/1999 - 3/2001

:

Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp xây dựng điện;
- Từ 4/2001 - 6/2002

:

Phó giám đốc Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện;
- Từ 7/2002 - 11/2002

:

Phòng Kế hoạch - tổng hợp Công ty Xây lắp 1;
- Từ 12/2002 - 10/2003

:

Trưởng Ban chỉ huy công trình ĐZ 500kV Pleiku - Đà Nẵng Công ty Xây lắp 1;
- Từ 10/2003 - 8/2005

:

Giám đốc Xí nghiệp lắp trạm và xây dựng dân dụng - Công ty Xây lắp 1;
- Từ 9/2005 - 9/2007

:

Chủ tịch HĐQT kiêm GD Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long;
- Từ 10/2007 - 3/2010

:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 4/2010 - 12/2021

:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 12/2021 - nay

:

Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn PC1.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp)



Ông VŨ ÁNH DƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 2003 - 2009: Chuyên viên Phòng Kế hoạch tổng hợp - CTCP Xây lắp điện I;
Từ 2009 - 2012: Phó Trưởng phòng Kế hoạch thị trường - CTCP Xây lắp điện I;
Từ 2012 - 2013: Trưởng phòng Phát triển thị trường - CTCP Xây lắp điện I;
Từ 2013 - 2018: Trưởng Ban Quản lý dự án Năng lượng - CTCP Xây lắp điện I;
Từ 1/2019 - 12/2021: Phó Tổng Giám đốc CTCP Xây lắp điện I;
Từ 6/2020 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PC1.
Từ 12/2021 - nay: Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1.



Ông VŨ HỒNG QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Sinh năm: 1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Từ 7-2001 - 5/2002: Phó phòng Marketing Công ty Xây lắp 1;
Từ 6-2002 - 6/2007: Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Xây lắp 1;
Từ 5/2006 - 3/2008: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Ban đại diện Miền Nam CTCP Xây lắp Điện I;
Từ 4/2008 - nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1.



Ông NGUYỄN MINH ĐỆ

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Sinh năm: 1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Từ 1999 - 2000: Chỉ huy trưởng 4/7 TBA 110KV dự án Phú Mỹ (Phòng Marketing) - Công ty CP Xây lắp điện I
Từ 2000 - 2001: Chỉ huy trưởng TBA 220KV Bắc Giang, Sóc Sơn (Phòng Marketing) - Công ty CP Xây lắp điện I
Từ 2001 - 2002: Chỉ huy trưởng TBA 110Kv Đức Phổ, Thăng Bình và một số dự án khác (P.KH tổng hợp) - Công ty CP Xây lắp điện I
Từ 2003 - 2005: Trưởng phòng kỹ thuật - Xí nghiệp Xây lắp điện và công trình công nghiệp
Từ 10/2005: Phó phòng kỹ thuật - Công ty CP Xây lắp điện I.
Từ 11/2005 - 9/2006: Phó Giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long
Từ 10/2006 - 7/2008: Giám đốc - Công ty CP thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long 07/2008 - 04/2009: TP kỹ thuật công nghệ - Công ty CP Xây lắp điện I
Từ 4/2009 - nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh
Từ 4/2014 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn PC1
Từ 4/2015 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PC1

Ông PHAN NGỌC HIẾU

Thành viên Hội đồng quản trị
Sinh năm: 1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Từ 1997 - 2015: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Kết cấu thép Sóc Sơn
Từ 2010 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Đại Dũng
Từ 2010 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Điện lực LICOGI 16
Từ 05/2016 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần LICOGI 16 (nay là Công ty cổ phần Lizen - Mã CK: LCG)
Từ 4/2017 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam (Mã CK: CAV)
Từ 4/2018 - 2023: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16
Từ 5/2023 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ điện miền Trung
Từ 04/2024 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn PC1

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ HẢI HÀ

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

- Từ 5/1998 - 1/2003 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Xây lắp 1;
- Từ 2/2003 - 5/2004 Phó phòng TCKT Công ty Xây lắp 1;
- Từ 6/2004 - 10/2005 Trưởng phòng TCKT Công ty Xây lắp 1;
- Từ 11/2005 - 4/2008 Chuyên viên phòng Hành chính tổng hợp - Trung tâm đào tạo Bưu chính viễn thông;
- Từ 5/2008 - 12/2009 Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty PCC1 - Ba La;
- Từ 1/2010-3/2010 Chuyên viên phòng TCKT CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 4/2010 - nay Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn PC1

Ông HOÀNG VĂN SÁNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kiểm toán; Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam

Quá trình công tác

- Từ 7/2013 - 3/2017 : Kiểm toán viên - Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Từ 3/2017 - 11/2021 : Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 6/2020 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn PC1
- Từ 12/2021 - nay : Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Công ty CP Tập đoàn PC1



Ông HOÀNG VĂN CƯỜNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam

Quá trình công tác

- Từ 1/2012 - 2/2016 : Trưởng nhóm Kiểm toán Tài chính Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Từ 3/2016 - 12/2016 : Chuyên viên Kế toán quản trị - Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT;
- Từ 3/2019 - 5/2020 : Thư ký công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty Công ty CP Xây lắp điện I;
- Từ 2/2017 - 3/2021 : Chuyên viên Quản trị rủi ro và Kiểm toán nội bộ - Công ty CP Xây lắp điện I
- Từ 6/2020 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn PC1



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông VŨ ÁNH DƯƠNG

Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Ông VŨ HỒNG QUANG

Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN MINH ĐỆ

Phó Tổng giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin chi tiết xem ở mục Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN NHẬT TÂN

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 10/1998 - 6/2003: Phó giám đốc Điện lực Tuyên Quang;
- Từ 7/2003 - 12/2003: Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang;
- Từ 1/2004 - 3/2004: Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang;
- Từ 4/2004 - 4/2009: Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Từ 5/2009 - 3/2010: Phó giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang;
- Từ 4/2010 - 5/2011: Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang;
- Từ 6/2011 - nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1

Ông ĐẶNG QUỐC TƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 7/2004 - 6/2008: Kỹ sư Ban đại diện Miền Nam - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 7/2008 - 8/2008: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 9/2008 - 10/2009: Phó phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 11/2009 - 6/2018: Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 11/2018 - 9/2019: Trưởng phòng QLDA EPC - CTCP Xây lắp điện I;
- Từ 10/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn PC1.



Ông TRỊNH QUANG THÀNH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Hành chính

Quá trình công tác:

Từ 7/1987 - 8/1996: Quản đốc Công ty Sản xuất, Xuất nhập khẩu Thanh Niên Hà Nội – Thành đoàn Hà Nội

Từ 8/1996 - 11/2002: Cán bộ Đội Quản lý trật tự Xây dựng - Đô thị quận Tây Hồ

Từ 12/2002 - 2/2005: Chuyên viên, Phòng Thanh tra - Pháp chế Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội

Từ 3/2005 - 7/2010: Phó phòng Tổ chức Hành chính Tài vụ (nay là Văn phòng Sở) - Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội

Từ 8/2010 - 12/2010: Phó Chánh Văn phòng, phụ trách điều hành Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội

Từ 01/2011 - 01/2017: Chánh Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội

Từ 02/2017 - 8/2024: Chánh Thanh tra Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội

Từ tháng 10/ 2024 - nay: Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1



Ông TRỊNH NGỌC ANH

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1991

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 12/2015 - 07/2017: Trưởng phòng kinh doanh khối doanh nghiệp, Công ty HP Việt Nam

Từ 9/2018 - 7/2020: Phó phòng Kinh tế kế hoạch, Công ty CP khoáng sản Tấn Phát

Từ 1/2020 - 7/2020: Quản lý đầu thầu, hợp đồng kinh tế, Công ty CP Hoàng Gia Cao Bằng

Từ 8/2020 - 10/2020: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Xây lắp điện I

Từ 11/2020 - 7/2024 :Chuyên viên quản lý kinh tế, Ban Quản lý dự án Năng lượng - Công ty CP Xây lắp điện I

Từ 15/7/2024 - nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn PC1



Bà TRẦN THỊ MINH VIỆT

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Từ năm 2000 - 4/2003: Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp điện;

Từ 4/2003 - 10/2006: Phó phòng tài chính kế toán Xí nghiệp Dịch vụ và xây lắp điện;

Từ 5/2006 - 9/2007: Chuyên viên Phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây lắp điện I ;

Từ 10/2007 - 3/2014: Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây lắp điện I ;

Từ 4/2014 - nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán CTCP Tập đoàn PC1.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT



KIẾN TẠO GIÁ TRỊ VƯỢT TRỘI
Phát triển PC1 Thương hiệu,
Thịnh vượng
và Trách nhiệm



1

Tăng trưởng

Doanh thu tăng bình quân 15-18%/năm, tỷ suất lợi nhuận duy trì >10%. Mốc năm 2028 giá trị công ty đạt 1 tỷ USD; năm 2030 giá trị công ty đạt 1,5 tỷ USD.

2

Năng lượng

Sở hữu > 800 MW, phát triển dịch vụ và giải pháp thông minh, tiết kiệm năng lượng.

3

Công nghiệp

Xuất khẩu + doanh thu kinh doanh thị trường quốc tế bình quân đạt >200 triệu USD/năm, đạt chuẩn xanh & công nghệ cao.

4

Bất động sản

Phát triển Bất động sản sinh thái, tích hợp năng lượng, thông minh, tăng trưởng bền vững.

5

Quản trị

Chuẩn hóa ESG, chuyển đổi số toàn diện, tổ chức tinh gọn - hiệu quả.

CÁC TRỤ CỘT KINH DOANH

TRỤ CỘT KINH DOANH CỐT LÕI



Là trụ cột xây dựng nền tảng có tính bền vững, ổn định; Tạo giá trị gia tăng cao và sức mạnh dài hạn cho Tập đoàn, gồm:

- Đầu tư Năng lượng;
- Đầu tư Hạ tầng KCN;
- Đầu tư lĩnh vực chế biến khoáng sản;
- Giải pháp công nghệ riêng, chuyên ngành.

TRỤ CỘT KINH DOANH CHIẾN LƯỢC



Là trụ cột thực hiện các mục tiêu kinh doanh cụ thể trong trung - dài hạn; Dễ linh hoạt, dễ thay đổi theo bối cảnh thị trường; Đáp ứng mục tiêu mở rộng thị trường; Đổi mới sản phẩm và vận hành tinh gọn, gồm:

- Đầu tư kinh doanh Bất động sản nhà ở;
- Tổng thầu EPC;
- Xây lắp điện và Công nghiệp;



QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là quá trình xuyên suốt, là một phần không thể thiếu trong tất cả các quy trình của Tập đoàn. Đặc biệt, quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Tập đoàn, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Tập đoàn.

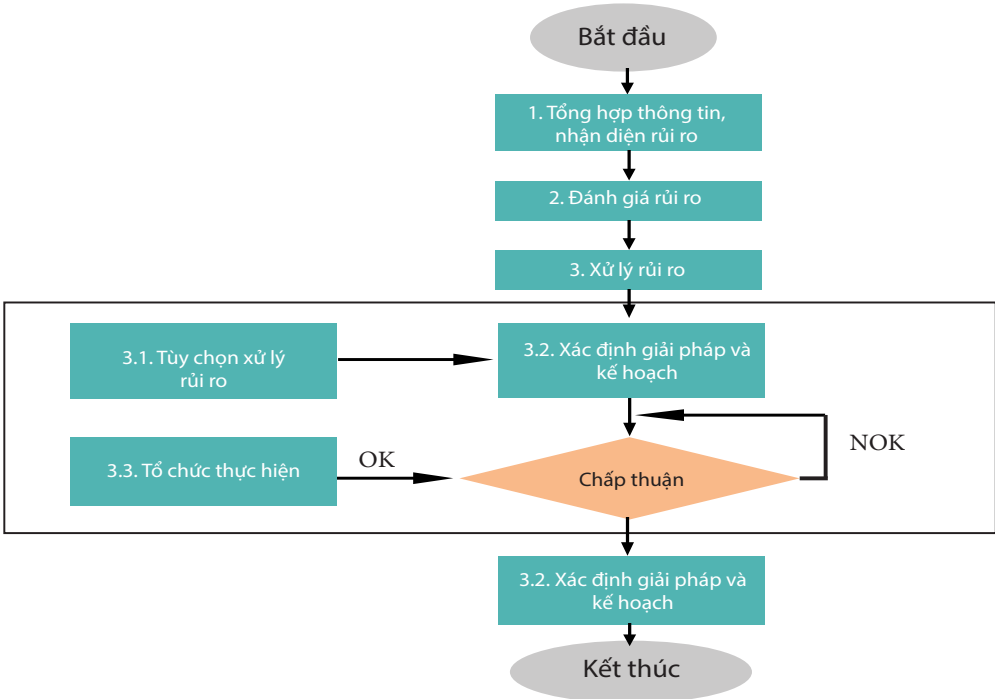
NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO

Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của Tập đoàn và bối cảnh thị trường.

Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán.

Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Tập đoàn, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Tập đoàn.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO





RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Sự biến động khó lường của kinh tế thế giới cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, các yếu tố lạm phát, lãi suất... cùng với sự vướng mắc trong chính sách và thủ tục pháp lý có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn nói riêng.

CÁCH QUẢN TRỊ

PC1 luôn chủ động cập nhật, theo dõi sát sao và phân tích, dự báo tình hình biến động của điều kiện môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế, thường xuyên cập nhật các biến động về lãi suất, tỷ giá, lạm phát... chủ động xây dựng các kịch bản rủi ro và biện pháp sẵn sàng ứng phó đối với các nguy cơ, diễn biến xấu của nền kinh tế - xã hội. Đồng thời bám sát Chiến lược Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2035, PC1 tập trung vào các trụ cột kinh doanh đồng thời nghiên cứu, mở rộng thị trường, kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải đối mặt với rủi ro nguyên vật liệu, vật tư thiết bị nhập khẩu biến động về giá cả; tình trạng khan hiếm nhân lực, máy móc thiết bị đặc chủng vào những thời điểm nhất định. Đối với lĩnh vực tổng thầu công trình điện, đơn giá xây dựng công trình thấp, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc, khó khăn dẫn đến công trình thi công chậm kéo dài, không hoàn thành theo kế hoạch cũng là những nguy cơ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

CÁCH QUẢN TRỊ

Để hạn chế ảnh hưởng của giá vật tư, nguyên vật liệu đầu vào, Tập đoàn luôn cập nhật tình hình thị trường, thông tin giá cả trên thế giới, đồng thời mã hóa toàn bộ các nguyên vật liệu, so sánh và đa dạng nhà cung cấp - lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu cạnh tranh nhất và lập kế hoạch mua/bán kịp thời. Đồng thời, PC1 luôn sẵn sàng, chủ động dự báo nguy cơ và xây dựng các kịch bản rủi ro, phương án ứng phó với các biến động về nguồn lực đối với thi công các công trình điện, giảm thiểu tối đa tác động của sự thay đổi tới hiệu quả hoạt động kinh doanh Tập đoàn.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

Trong lĩnh vực tổng thầu EPC và xây lắp công trình điện, hoạt động chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại các khu vực có địa hình phức tạp do đó điều kiện thời tiết và địa hình ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả và mức độ an toàn trong lĩnh vực này. Việc phụ thuộc vào thời tiết và địa hình thi công trong ngành xây lắp điện như thi công ngầm dưới mặt đất, thi công trên vùng đồi núi hiểm trở, thi công ngoài khơi gây rất nhiều khó khăn và phát sinh rủi ro bởi nguy cơ xảy ra tai nạn lao động. Thời tiết và địa hình tự nhiên không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thi công nhà máy điện mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh điện của các nhà máy. Với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, trường hợp hạn hán kéo dài dẫn đến giảm lượng mưa và mực nước trên các sông hồ, đập gần nhà máy thủy điện sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lượng điện sản xuất của các nhà máy thủy điện. Tương tự, đầu tư và sản xuất điện gió, điện mặt trời cũng chịu rủi ro về mức nắng, tốc độ gió, hướng gió...

CÁCH QUẢN TRỊ

PC1 luôn chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho cả Tập đoàn và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Tập đoàn. Đồng thời, PC1 luôn chủ động khảo sát đo đạc, theo sát dự báo khí hậu và thủy văn, thiên văn để có phương án kịp thời nhằm vận hành hiệu quả các nhà máy điện, quản trị việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.



RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU

Là Công ty niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu PC1, các cổ đông của Tập đoàn và Tập đoàn sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu PC1. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố thuộc về kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật...

CÁCH QUẢN TRỊ

PC1 luôn tuân thủ nghiêm Quy chế Công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, đồng thời hàng quý Tập đoàn luôn cung cấp Bản tin Nhà đầu tư cập nhật tình hình SXKD, đầu tư hàng quý một cách đầy đủ và kịp thời tới quý vị cổ đông, tổ chức Hội nghị tiếp xúc nhà đầu tư, ...

QUẢN TRỊ RỦI RO (Tiếp)

CÁC RỦI RO (Tiếp)



RỦI RO PHÁP LÝ

Lĩnh vực bất động sản các chính sách đầu tư, Luật quy hoạch đều thắt chặt, quỹ đất khan hiếm là thách thức lớn để triển khai kế hoạch phát triển của lĩnh vực bất động sản trong dài hạn. Đối với đất quy hoạch cho các dự án bất động sản đang được sử dụng, khai thác bởi dân cư, công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp, kéo dài và tiềm ẩn nhiều tranh chấp pháp lý. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định và có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp.

CÁCH QUẢN TRỊ

Với chủ trương chỉ thực hiện các dự án bất động sản trên quỹ đất của Tập đoàn quản lý hoặc khu đất có mặt bằng sạch, Tập đoàn có thể chủ động hạn chế được tối đa rủi ro về đền bù giải phóng mặt bằng. Đồng thời, Tập đoàn cũng chủ động nghiên cứu, tìm hiểu các quy định pháp lý về đầu tư, đất đai, bất động sản, để giảm thiểu các rủi ro do chính sách mang lại.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Hiện nay, PC1 có mô hình hoạt động gồm nhiều công ty con, công ty liên kết bên cạnh việc đầu tư phát triển dự án năng lượng, bất động sản, sản xuất thương mại vật liệu mới đặt ra nhu cầu cao về quản trị tài chính kế hoạch và thu xếp nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh đó, bối cảnh thị trường tài chính, tiền tệ và tín dụng biến động mạnh trong năm 2024 cũng làm gia tăng các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị dòng tiền phát sinh trong quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁCH QUẢN TRỊ

PC1 luôn chủ động xây dựng kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, đồng thời chủ động tiếp cận thị trường đối tác để lựa chọn và thu xếp thành công các nguồn vốn với chi phí hợp lý, tối ưu chi phí tài chính để quản trị rủi ro tài chính.



03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 [52-57]

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án [58-61]

Tình hình tài chính [62-64]

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu [65-67]



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.822	10.089	93%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	525	710	135%

Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2018-2024

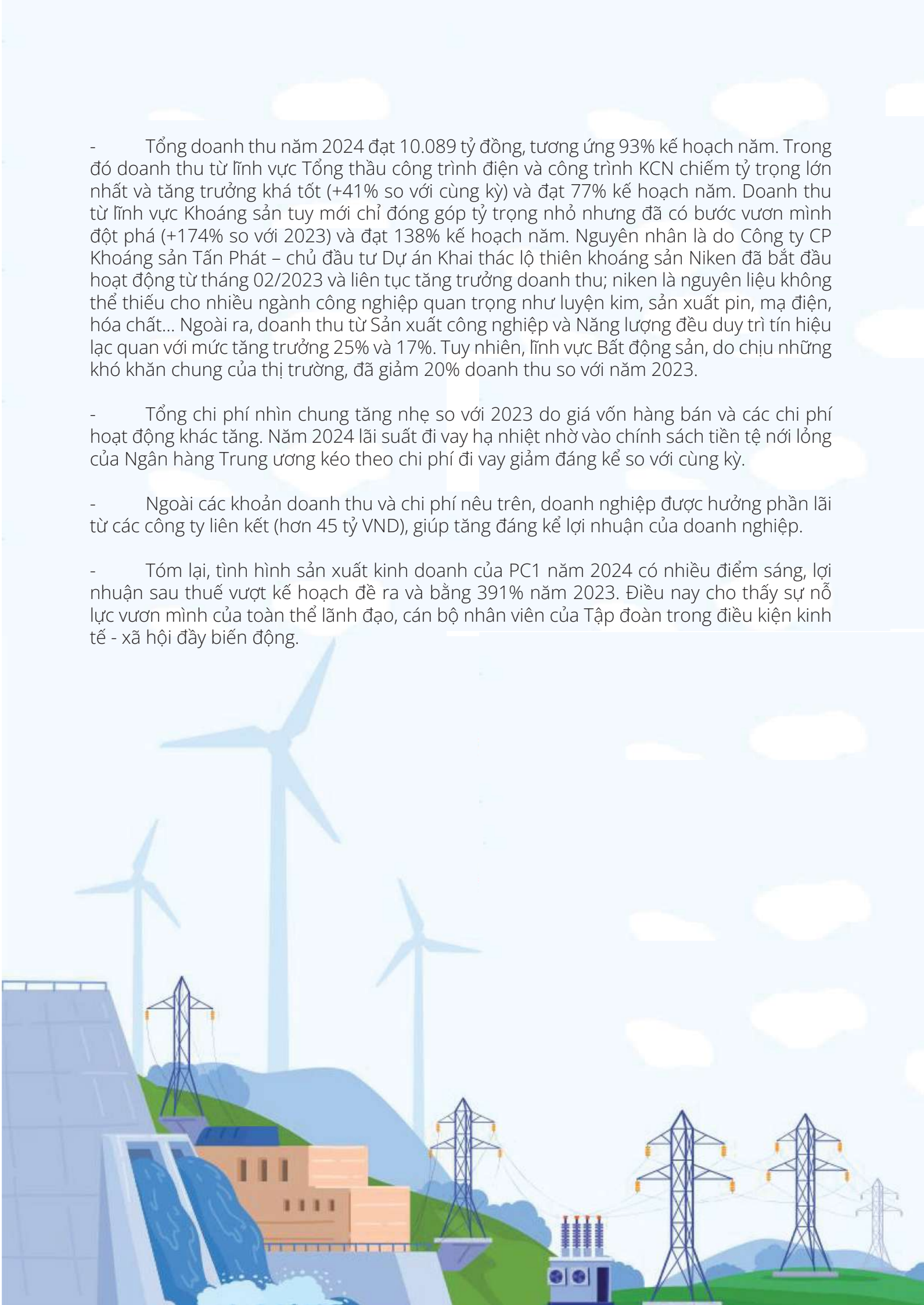
Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	Tỷ trọng 2024	2024/2023
Tổng doanh thu	5.160	5.891	6.744	10.175	8.473	7.969	10.246	100,0%	130%
Doanh thu	5.084	5.845	6.679	9.828	8.358	7.775	10.089	98,5%	131%
Doanh thu hoạt động tài chính	28	38	37	319	95	183	138	1,3%	76%
Doanh thu khác	47	8	28	28	20	11	19	0,2%	179%
Tổng chi phí	4.538	5.402	6.040	9.364	7.807	7.581	9.453	100,0%	124%
Giá vốn hàng bán	4.219	5.026	5.517	8.673	6.763	6.194	7.997	84,6%	128%
Chi phí tài chính	150	172	244	359	767	967	882	9,3%	91%
Chi phí hoạt động	161	202	268	296	277	391	566	6,0%	145%
Chi phí khác	8	2	11	36	61	29	9	0,1%	30%
Lợi nhuận trước thuế	579	433	652	896	605	389	839	-	328%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	540	427	635	905	647	407	828	-	302%

- Tổng doanh thu năm 2024 đạt 10.089 tỷ đồng, tương ứng 93% kế hoạch năm. Trong đó doanh thu từ lĩnh vực Tổng thầu công trình điện và công trình KCN chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng trưởng khá tốt (+41% so với cùng kỳ) và đạt 77% kế hoạch năm. Doanh thu từ lĩnh vực Khoáng sản tuy mới chỉ đóng góp tỷ trọng nhỏ nhưng đã có bước vươn mình đột phá (+174% so với 2023) và đạt 138% kế hoạch năm. Nguyên nhân là do Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát – chủ đầu tư Dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken đã bắt đầu hoạt động từ tháng 02/2023 và liên tục tăng trưởng doanh thu; niken là nguyên liệu không thể thiếu cho nhiều ngành công nghiệp quan trọng như luyện kim, sản xuất pin, mạ điện, hóa chất... Ngoài ra, doanh thu từ Sản xuất công nghiệp và Năng lượng đều duy trì tín hiệu lạc quan với mức tăng trưởng 25% và 17%. Tuy nhiên, lĩnh vực Bất động sản, do chịu những khó khăn chung của thị trường, đã giảm 20% doanh thu so với năm 2023.

- Tổng chi phí nhìn chung tăng nhẹ so với 2023 do giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động khác tăng. Năm 2024 lãi suất đi vay hạ nhiệt nhờ vào chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Trung ương kéo theo chi phí đi vay giảm đáng kể so với cùng kỳ.

- Ngoài các khoản doanh thu và chi phí nêu trên, doanh nghiệp được hưởng phần lãi từ các công ty liên kết (hơn 45 tỷ VND), giúp tăng đáng kể lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Tóm lại, tình hình sản xuất kinh doanh của PC1 năm 2024 có nhiều điểm sáng, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề ra và bằng 391% năm 2023. Điều này cho thấy sự nỗ lực vươn mình của toàn thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên của Tập đoàn trong điều kiện kinh tế - xã hội đầy biến động.

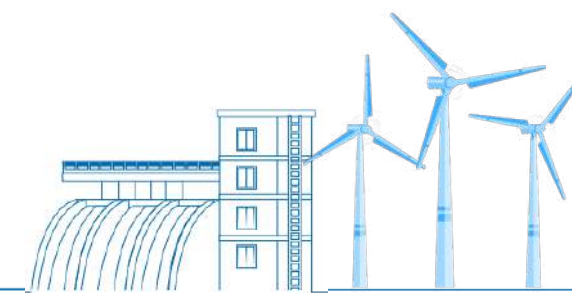
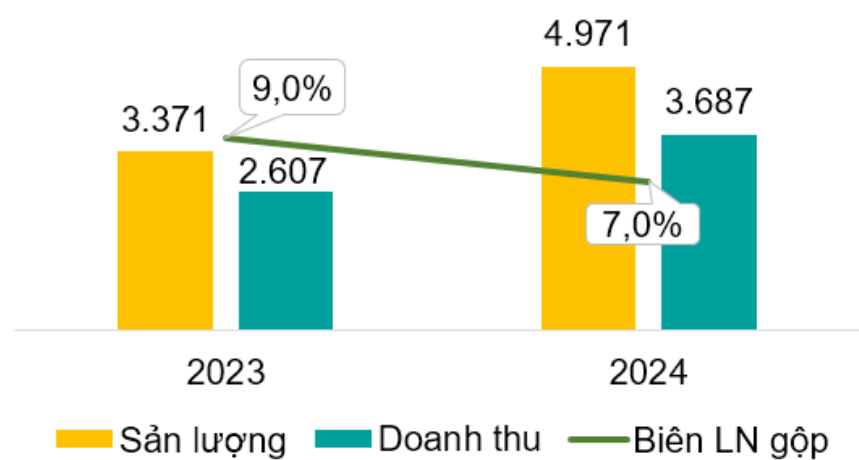


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

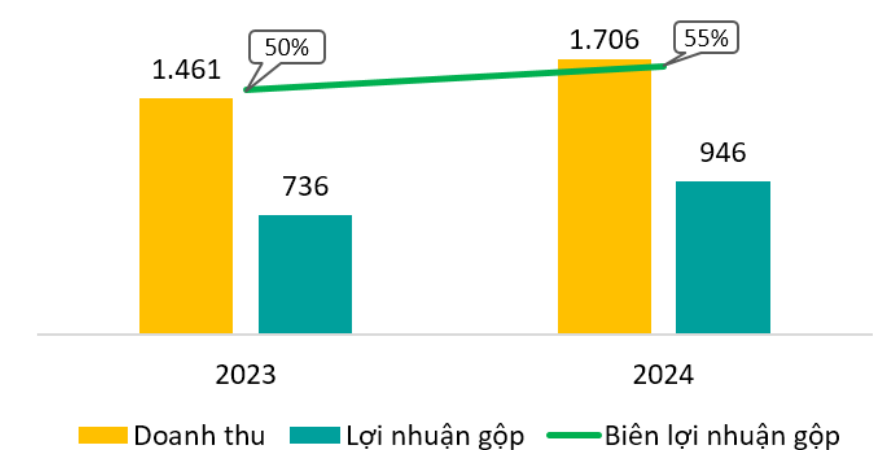
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

TỔNG THẦU CÔNG TRÌNH ĐIỆN

- Doanh thu năm 2024 đạt 3.687 tỷ đồng, tăng 41 % so với cùng kỳ năm trước, trong năm công ty tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trong EVN, nâng cao uy tín với các CĐT qua việc điều hành và thực hiện các dự án trọng điểm, đặc biệt gia tăng quy mô qua dự án Đường dây 500 KV mạch 3. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu tiến độ, Công ty đã tập trung huy động nguồn lực thi công dẫn đến chi phí giá vốn tăng nên biên lợi nhuận gộp đạt mức 7%.
- Giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2024 đạt 6.710 tỷ đồng, backlog đạt 6.892 tỷ đồng.
- Năm 2025, kế hoạch doanh thu lĩnh vực xây lắp tổng thầu đạt trên 6.500 tỷ đồng.
- Các dự án tiêu biểu đã ký năm 2024 sẽ thực hiện trong năm 2025: tổng thầu EPC Nhà máy điện gió Camarines Sur tại Philippines, công suất 58,5 MW, giá trị 1.200 tỷ đồng; EPC cáp ngầm Côn Đảo giá trị 1.800 tỷ đồng.



NĂNG LƯỢNG

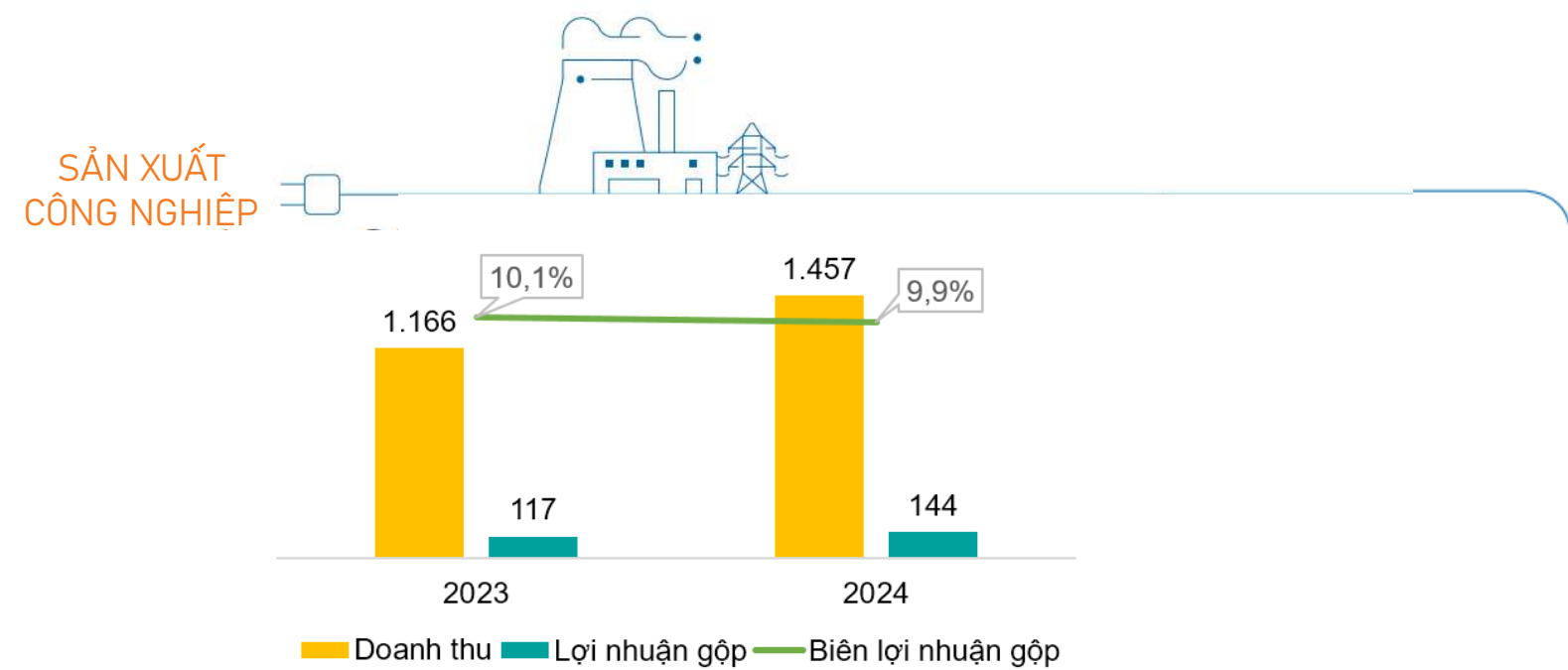


- Doanh thu năm 2024 đạt 1.706 tỷ đồng, tương ứng 107% kế hoạch năm, tăng 17% so với cùng kỳ. Tổng lượng nước về trong năm 2024 vượt trung bình các năm trước khoảng 57%, đồng thời cũng thuận lợi về năng lượng gió, vận hành các nhà máy đảm bảo tính sẵn sàng phát điện cao.
- Kế hoạch doanh thu dự kiến năm 2025 đạt trên 1.600 tỷ đồng.
- Các dự án thủy điện Bảo Lạc A (30 MW) và Thượng Hà (13 MW) đang thi công xây dựng theo tiến độ.

Nhà máy điện	Công suất (MW)	Thực hiện 2024		Kế hoạch 2024		Kế hoạch 2025	
		Sản lượng (Triệu Kwh)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Sản lượng (Triệu Kwh)	Doanh thu (Tỷ đồng)	Sản lượng (Triệu Kwh)	Doanh thu (Tỷ đồng)
Thủy điện	169	636	777	521	688	562	743
Điện gió	144	448	921	447	900	431	886
Tổng cộng	313	1.084	1.698	967	1.588	993	1.629

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC (Tiếp)



- Doanh thu năm 2024 đạt 1.457 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ 2023, đạt 113% kế hoạch năm 2024 (1.290 tỷ đồng). Kế hoạch 2025 ghi nhận doanh thu hơn 1.500 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng ký mới năm 2024 đạt 1.763 tỷ đồng, giá trị backlog tại 31/12/2024 là 493 tỷ đồng.
- Năm 2025, đối với thị trường trong nước, công ty tập trung khẳng định vị thế dẫn đầu cung cấp cột thép ngành điện, đưa sản phẩm mới (cột thanh cái ống) vào thị trường, tinh gọn sản xuất, và nâng cao chất lượng dịch sản phẩm và dịch vụ. Thị trường xuất khẩu hướng đến mở rộng tại Úc và ASEAN, đào tạo nhân sự đạt chuẩn quốc tế, cùng phối hợp hiệu quả với các đối tác để tăng cường cơ hội kinh doanh.

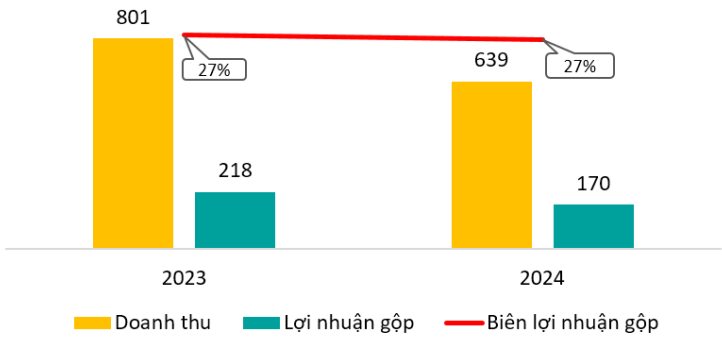
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU MỚI

Trong năm công ty xuất khẩu hơn 65 nghìn tấn tinh quặng, ghi nhận doanh thu lĩnh vực khai thác khoáng sản đạt hơn 1.700 tỷ đồng vượt 138% kế hoạch năm. Kế hoạch năm 2025 công ty sẽ xuất khẩu 53 nghìn tấn tinh quặng, doanh thu trên 1000 tỷ đồng.

Công tác vận hành sản xuất luôn đảm bảo an toàn – chất lượng – hiệu quả thông qua các giải pháp nghiên cứu, cải tiến quy trình nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, đảm bảo vận hành ổn định, gia tăng giá trị khoáng sản và phát triển giai đoạn 2 của dự án đúng tiến độ



BẤT ĐỘNG SẢN



Bất động sản công nghiệp

- + Doanh thu đến từ hoạt động khai thác, vận hành khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (NHIZ) trong năm 2024 đạt 599 tỷ đồng tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 614 tỷ đồng ở năm trước. Kế hoạch năm 2025 doanh thu đạt 610 tỷ đồng. Công ty đã hoàn thành và vận hành hiệu quả trung tâm IOC đồng thời tiếp tục cập nhật hiệu chỉnh cho hệ thống an ninh thông minh, đo đếm từ xa, ứng dụng cổng thông tin và app chăm sóc khách hàng.
- + Dự án KCN Nomura giai đoạn 2 (200 ha) đã được cấp chủ trương đầu tư vào 31/12/2024; Đang triển khai GPMB và dự kiến khởi công trong năm 2025.
- + Dự án KCN tại Vũng Tàu đang thực hiện thủ tục trình phê duyệt quy hoạch và dự kiến nộp hồ sơ đề xuất trong quý 4/2025.
- + Công ty liên kết WPG (trong đó PC1 sở hữu 30%) đã được cấp chủ trương đầu tư tại KCN Yên Lư GD1 (Bắc Giang) và Đồng Văn V (Hà Nam) vào Quý 3/2024, sẽ khởi công trong nửa sau năm 2025; đồng thời tiếp tục bàn giao đất Thương phẩm tại KCN Yên Phong 2A Bắc Ninh. Doanh thu WPG năm 2025 dự kiến trên 2.200 tỷ đồng, LNST trên 1.100 tỷ đồng.

Bất động sản dân dụng

- + Dự án Tháp Vàng – Gia Lâm: Đã khởi công tháng 10/2024, đang thi công xây dựng, sẽ bán hàng và bàn giao toàn bộ vào năm 2025, doanh thu gần 2000 tỷ đồng.
- + Các dự án khác: Tập trung xin gia hạn, điều chỉnh chủ trương đầu tư với các dự án cũ; nghiên cứu phân tích M&A/đầu giá các dự án mới trong 2025.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP

Dự án 1		
	Tên dự án	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Nomura - Hải Phòng (giai đoạn 2)
	Tên nhà đầu tư	Công ty CP KCN Quốc tế Hải Phòng
	Hình thức đầu tư	Công ty con trực tiếp đầu tư
	Mục tiêu đầu tư	Kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN
	Quy mô dự án	197,16 ha
1	Năng lực sản xuất	138 ha đất xây dựng nhà máy, 8ha đất thương mại dịch vụ
	Địa điểm thực hiện dự án	quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
	Tổng mức đầu tư dự án	3.500 tỷ
	Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại	Kinh doanh, khai thác trong năm 2026, vận hành trong năm 2027
	Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm	Hoàn thành quy hoạch 1/2000 và chủ trương đầu tư dự án



ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Dự án 1		
	Tên dự án:	Thủy điện Bảo Lạc A
	Tên nhà đầu tư	Công ty CP Thủy điện Sông Gâm
	Hình thức đầu tư	Thực hiện dự án đầu tư
	Mục tiêu đầu tư	Sản xuất điện năng và truyền tải điện năng
1	Quy mô dự án	Công suất 30MW
	Năng lực sản xuất	Điện lượng bình quân năm khoảng 116,581 triệu kWh
	Địa điểm thực hiện dự án	xã Cô Ba, xã Khánh Xuân, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng
	Tổng mức đầu tư dự án	1166,282 tỷ đồng
	Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại	Quý IV/2026
Dự án 2		
	Tên dự án:	Thủy điện Thượng Hà
	Tên nhà đầu tư	Công ty CP Thủy điện Sông Gâm
	Hình thức đầu tư	Thực hiện dự án đầu tư
	Mục tiêu đầu tư	Sản xuất điện năng và truyền tải điện năng
2	Quy mô dự án	Công suất 13MW
	Năng lực sản xuất	Điện lượng bình quân năm khoảng 44,375 triệu kWh
	Địa điểm thực hiện dự án	xã Thượng Hà, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng
	Tổng mức đầu tư dự án	524,194 tỷ đồng
	Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại	Quý III/2026

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN (TIẾP)

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty con	Thực hiện năm 2024			Thực hiện năm 2023			Thực hiện năm 2024/Thực hiện năm 2023		
		Tổng Tài Sản (tỷ đồng)	Doanh Thu (tỷ đồng)	Lợi Nhuận (tỷ đồng)	Tổng Tài Sản (tỷ đồng)	Doanh Thu (tỷ đồng)	Lợi Nhuận (tỷ đồng)	Tổng Tài Sản	Doanh Thu	Lợi Nhuận
1	Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	204	514	5	212	433	3	1,0	1,2	1,7
2	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Nam	349	443	5	214	411	2	1,6	1,1	2,5
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Miền Bắc	33	0	-1	39	3	-2	0,8	0,1	0,4
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	371	903	9	286	383	4	1,3	2,4	2,3
5	Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	7	32	1	7	30	1	1,0	1,1	1,0
6	Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	168	371	5	122	202	2	1,4	1,8	2,7
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hà Đông	8	-	0	12	2	-0,1	0,7	-	2,4
8	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	784	1600	50	701	1225	32	1,1	1,3	1,6
9	Công ty CP Thủy điện Trung Thu	571	141	54	621	108	22	0,9	1,3	2,5
10	Công ty CP Cơ khí Ô tô Hòa Bình	129	4	4	152	68	14	0,8	0,1	0,3
11	Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	105	95	4	116	78	-14	0,9	1,2	-0,3
12	Công ty CP Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	27	65	1	63	96	3	0,4	0,7	0,4
13	Công ty CP Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	139	1	4	107	1,3	4	1,3	1,1	1,0
14	Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	97	207	3	80	132	2,3	1,2	1,6	1,3
15	Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	686	134	32	707	104	1	1,0	1,3	31,9
16	Công ty CP Đầu tư Thương mại Tiến Bộ	159	-	4	274	-	4	0,6	-	1,0
17	Công ty CP Điện gió Liên Lập	1788	281	15	1942	277	27	0,9	1,0	0,6
18	Công ty CP Điện gió Phong Huy	1828	322	55	1973	322	67	0,9	1,0	0,8
19	Công ty CP Điện gió Phong Nguyên	1824	319	51	1937	312	60	0,9	1,0	0,8
20	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ công nghệ	59	71	2	110	134	5	0,5	0,5	0,4
21	Công ty CP Thủy điện Sông Gâm	355	-	-	62	-	-	5,7	-	-
22	Công ty CP Khoáng sản Tấn Phát	2139	1267	8	2113	527	117	1,0	2,4	2,2
23	Công ty CP Thiết bị Thương mại	156	0	154	185	-	2	0,8	-	0,4
24	Asean Dragon Trading Pte.Tld	32	1711	-	66	853	8	0,5	2,0	12,5
25	CTCP KCN Quốc tế Hải Phòng	446	-	(2)	19	-	-	23,5	-	-
26	Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng	974	600	139	953	614	154	1,0	1,0	0,9
27	PC1 Australia Pty Ltd	17	-	-3	4	-	-2	4,3	-	1,3

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2024/2023
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	8.315	10.722	18.687	21.754	20.175	20.988	104%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.845	6.679	9.828	8.358	7.694	10.089	131%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	427	635	905	647	274	828	302%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	6	17	(8)	(42)	-18	11	-59%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	433	652	896	605	256	839	328%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	376	544	764	537	182	710	391%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	85	70	46	76	39	199	510%

Giai đoạn 5 năm 2019-2024, PC1 có tốc độ tăng trưởng CAGR tổng tài sản là 20,3%/năm; doanh thu thuần tăng trưởng trung bình 11,5%; lợi nhuận thuần và lợi nhuận sau thuế có CAGR lần lượt là 14,2% và 13,6%.

Năm 2024 tổng tài sản chỉ tăng nhẹ 4% so với năm trước. Trong đó, mức tăng chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn; hàng tồn kho tăng mạnh 66% so với cùng kỳ, các khoản phải thu tăng 12%, đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 30%. Tài sản dài hạn giảm nhẹ 4,4% so với năm 2023.

Doanh thu thuần năm 2024 tăng 31% so với năm trước. Một phần nguyên nhân là do mức nền thấp của năm 2023. Bên cạnh đó, động lực chính đến từ những tăng trưởng vượt trội trong lĩnh vực Điện và Khoáng sản, lĩnh vực Sản xuất công nghiệp và Năng lượng tiếp tục duy trì đà tăng ổn định.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 đạt hơn 710 tỷ đồng, cao gấp gần 4 lần so với năm 2023. Nguyên nhân là do năm 2024 chi phí lãi vay giảm nhờ vào chính sách tiền tệ nới lỏng. Ngoài ra, doanh nghiệp được nhận thêm khoản lãi từ công ty liên kết (hơn 45 tỷ đồng) đã làm tăng đáng kể lợi nhuận. Lợi nhuận khác cũng tăng lên một phần do thanh lý tài sản cố định, một phần do không còn phân bổ chi phí quyền khai thác khoáng sản và phân bổ chi phí tại khu 120 Định Công.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán hiện hành	1,66	1,53	1,14	1,33	1,40	1,59
Khả năng thanh toán nhanh	1,04	1,32	0,96	1,14	1,20	1,20
Khả năng thanh toán lãi vay	3,53	3,69	3,84	2,00	1,30	2,20

Khả năng thanh toán của PC1 luôn được đảm bảo an toàn với các chỉ số khả năng thanh toán luôn ở mức lớn hơn 1, nghĩa là PC1 đủ khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán lãi vay đều tăng, khả năng thanh toán nhanh duy trì bằng với năm 2023. Trong đó, khả năng thanh toán lãi vay tăng mạnh do lợi nhuận trước thuế và lãi vay của Tập đoàn trong năm 2024 cao gấp nhiều lần so với cùng kỳ, đồng thời chi phí lãi vay giảm mạnh.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,56	0,66	0,67	0,65	0,63
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1,25	1,25	1,98	2,03	1,82	1,82

Tại 31/12/2024, hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ, tiếp tục duy trì ở mức an toàn và ổn định so với các doanh nghiệp cùng ngành. Việc duy trì lượng nợ tài chính ở mức ổn định giúp PC1 có được hiệu quả sử dụng vốn tốt, đồng thời vẫn đảm bảo sự cân bằng trong quá trình huy động vốn và đầu tư các dự án của mình. Trong năm, Tập đoàn phát hành thêm cổ phiếu làm tăng vốn cổ phần năm 2024; đồng thời, giảm các khoản vay dài hạn và tăng các khoản nợ ngắn hạn.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Vòng quay hàng tồn kho	4,58	5,1	10,62	7,54	6,76	6,28
Vòng quay tổng tài sản	0,78	0,7	0,67	0,41	0,37	0,49

Vòng quay hàng tồn kho năm 2024 tiếp tục đà giảm kể từ năm 2021, cho thấy doanh nghiệp đang mất nhiều thời gian hơn để bán hết hàng tồn kho. Hàng tồn kho năm 2024 tăng mạnh, chủ yếu do hàng mua đang trên đường đi và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cao gấp nhiều lần với cùng kỳ, cụ thể là các dự án bất động sản (PC1 Gia Lâm, PC1 Bắc Từ Liêm, PC1 Vĩnh Hưng...) và các công trình đường dây điện thuộc dự án Trường Sơn Đô Lương và vành đai 4 tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2024, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ, chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng tốt. Nhìn chung, tổng tài sản năm 2024 chỉ tăng nhẹ trong khi doanh thu thuần có bước tiến đột phá nhờ vào tăng trưởng trong lĩnh vực Điện và Khoáng sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ suất lợi nhuận ròng	6,4%	8,1%	7,8%	6,4%	2,4%	7,0%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	14,0%	17,4%	11,8%	19,1%	18,8%	20,7%
Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	5,0%	5,7%	5,2%	2,7%	0,9%	3,4%
Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE)	10,8%	12,9%	13,8%	8,0%	2,5%	9,2%

Trong năm 2024, các chỉ tiêu sinh lời của doanh nghiệp có dấu hiệu phục hồi tích cực sau giai đoạn suy giảm mạnh trước đó. Tỷ suất lợi nhuận ròng tăng lên mức 7,0%, cao hơn đáng kể so với mức đáy 2,4% của năm 2023, cho thấy doanh nghiệp đã cải thiện hiệu quả hoạt động và kiểm soát chi phí tốt hơn, đặc biệt là chi phí lãi vay. Tỷ suất lợi nhuận gộp cũng đạt mức cao nhất trong giai đoạn 7 năm, lên tới 20,7%, phản ánh khả năng kiểm soát giá vốn hàng bán hiệu quả và cải thiện biên lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi.

Bên cạnh đó, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) đều tăng mạnh so với năm trước, lần lượt đạt 3,4% và 9,2%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và vốn, đồng thời tạo ra giá trị tốt hơn cho cổ đông. Mặc dù các chỉ tiêu này vẫn chưa phục hồi về mức cao như các năm 2018–2020, nhưng xu hướng cải thiện rõ rệt trong năm 2024 là một tín hiệu tích cực cho thấy hoạt động kinh doanh đang dần ổn định trở lại.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU
THÔNG TIN CỔ PHIẾU

TÊN CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1

MÃ CHỨNG KHOÁN

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 50 %

PC1

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU TỰ DO CHUYỂN NHƯỢNG: 357.642.121 Cổ phiếu

357.642.121

Cổ phiếu

NGÀY BẮT ĐẦU NIÊM YẾT

16/11/2016

MỆNH GIÁ CỔ PHẦN

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG: 0 Cổ phiếu

10.000

Đồng/ Cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	97.171.860	27,17%	2	1	1
	- Trong nước	97.171.860	27,17%	2	1	1
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	260.470.261	72,83%	16.968	122	16.846
	- Trong nước	204.509.716	57,18%	16.792	66	16.726
	- Nước ngoài	55.960.545	15,65%	176	56	120
	Tổng cộng	357.642.121	100,00%	16.968	122	16.846
	Trong đó: - Trong nước	301.681.576	84,35%	16.792	16.726	66
	- Nước ngoài	55.960.545	15,65%	176	120	56
	- Cá nhân	256.691.716	71,77%	16.846	-	16.846
	- Tổ chức	100.950.405	28,23%	122	122	-

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cá nhân/Tổ chức	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Ngày cấp	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Trịnh Văn Tuấn	038062002196	04/01/2017	76.471.860	21,38%
2	Công ty cổ phần chứng khoán VIX	73/GCNTVLK	10/12/2007	20.700.000	5,79%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm	Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng)	Nội dung tăng vốn	Đơn vị cấp
2005	50.000.000.000	Cổ phần hóa	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2009	66.670.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu để đầu tư dự án Khu nhà ở và Dịch vụ thương mại Nàng Hương	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2010	100.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ để Đầu tư giai đoạn 2 dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2011	140.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu để Huy động vốn đầu tư cho dự án Mỹ Đình và các dự án đầu tư khác	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2013	180.000.000.000	Phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2014	201.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2015	341.694.850.000	Phát hành và trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T7/2016	637.821.960.000	Phát hành để trả cổ tức và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T10/2016	752.629.140.000	Phát hành riêng lẻ để huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T8/2017	978.413.200.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T12/2017	1.154.528.420.000	Phát hành riêng lẻ để bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Mông Ân (Bảo Lâm 4), Thủy điện Bảo Lạc B (Bảo Lâm 2A) và dự án Bất động sản Thanh Xuân	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2018	1.327.702.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2019	1.593.239.290.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T01/2020	1.911.811.590.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T12/2021	2.351.596.490.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
T12/2022	2.704.330.020.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2023	3.109.955.580.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội
2024	3.576.421.210.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Năm 2024, Tập đoàn không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

CHỨNG KHOÁN KHÁC: Năm 2024, Tập đoàn không phát hành các loại chứng khoán khác.

04

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh [70-73]

Tình hình tài chính [74-74]

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý [75-75]

Kế hoạch phát triển trong tương lai [76-77]



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024



Năm 2024, kinh tế toàn cầu tăng trưởng khoảng 3,2%, tương đương năm trước nhưng phân hóa rõ rệt giữa các khu vực. Lạm phát toàn cầu giảm xuống 4,5% nhưng vẫn cao hơn mục tiêu của nhiều quốc gia, ảnh hưởng đến tiêu dùng và đầu tư. Nhiều ngân hàng trung ương đã nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng. Thị trường lao động cải thiện, song vẫn đối mặt với bài toán chất lượng việc làm và tiền lương. Căng thẳng địa chính trị và thương mại tiếp tục là yếu tố rủi ro lớn đối với triển vọng tăng trưởng toàn cầu.

Trong tình hình thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tích cực với GDP tăng 7,09%, vượt chỉ tiêu đề ra. Xuất nhập khẩu tăng mạnh, xuất siêu đạt 24,77 tỷ USD; thu ngân sách Nhà nước vượt dự toán. Lạm phát được kiểm soát tốt với CPI tăng 3,63%, phản ánh sự ổn định vĩ mô. Ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục là động lực tăng trưởng dù một số lĩnh vực như bất động sản và năng lượng tái tạo còn gặp khó khăn. Du lịch phục hồi mạnh mẽ và thương mại điện tử đạt tốc độ tăng trưởng hàng đầu thế giới.

Sau một năm 2023 đầy khó khăn, năm 2024, Tập đoàn PC1 đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phục hồi và thúc đẩy hoạt động sản xuất – kinh doanh. Nhờ bám sát chiến lược phát triển bền vững, tăng cường quản trị hiệu quả và linh hoạt thích ứng với biến động thị trường, kết quả kinh doanh năm 2024 đã ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực so với năm trước. Các lĩnh vực chủ lực như năng lượng, xây lắp, sản xuất công nghiệp và bất động sản đều đạt được sự tăng trưởng ổn định, đóng góp vào bức tranh tài chính khả quan hơn, từng bước khẳng định vị thế và uy tín của Tập đoàn trên thị trường.

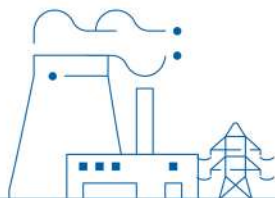
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Kết quả TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.822	10.089	93%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	525	710	135%
3	Cổ tức	%	15%	15%	100%

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC ĐẾN KẾ HOẠCH 2024

- Chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng hạch toán khoản vay USD của PC1;
- Việc giải ngân đầu tư công chậm đối với các dự án hạ tầng điện ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hợp đồng của PC1.
- Giá kim loại màu thế giới giảm sâu làm giảm kết quả kinh doanh hợp nhất của PC1.
- Những vướng mắc về luật định, cấp phép cho các Dự án BĐS tiếp tục chậm trễ kế hoạch đầu tư của PC1.
- Những bất cập trong Quy hoạch điện VIII, về đơn giá xây dựng ngành điện ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, đến kế hoạch và hiệu quả kinh doanh xây lắp.

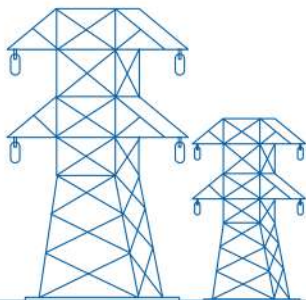
VỀ ĐẦU TƯ

- Vận hành tin cậy, tối ưu các nguồn lực đối với: Các nhà máy điện, Công ty khoáng sản Tấn phát; Khu công nghiệp NHIZ.
- Tập trung phát triển KCN mới, Dự án BĐS mới. Xây dựng kế hoạch hoàn thiện thủ tục pháp các Dự án BĐS đang tồn đọng.
- Tiếp tục cập nhật chính sách và phát triển các Dự án năng lượng tái tạo theo tổng sơ đồ điện VIII điều chỉnh.



VỀ EPC, XÂY LẮP, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

- Xác định cụ thể sản phẩm mục tiêu, thị trường mục tiêu có ưu tiên chọn lọc theo lợi thế cạnh tranh của PC1;
- Tập trung các Dự án trọng điểm, các Dự án, các Hợp đồng thể mạnh trong nước mà PC1 quan tâm.
- Phát triển một số thị trường quốc tế có chọn lọc, thành lập công ty con tại nước ngoài thực hiện vai trò nhà thầu, EPC các dự án điện, xuất khẩu cột điện, nghiên cứu đầu tư NLTT.
- Các hoạt động hỗ trợ tạo giải pháp đồng bộ đáp ứng khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, giải pháp vận hành thông minh, thiết kế chế tạo máy thiết bị chuyên dùng, kinh doanh thương mại ...



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng tài sản đạt 20.988 tỷ, tăng 812 tỷ đồng tương ứng tăng 4% so với đầu năm. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 8.086 tỷ đồng, giảm 1.402 tỷ đồng tương ứng giảm 21% so với đầu năm; chiếm 39% quy mô tổng tài sản, chủ yếu đến từ các chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền và Các khoản phải thu ngắn hạn tăng lần lượt tương ứng 28% và 38% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho năm 2024 tăng mạnh, chủ yếu do hàng mua đang trên đường đi và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cao gấp nhiều lần với cùng kỳ, cụ thể là các dự án bất động sản (PC1 Gia Lâm, PC1 Bắc Từ Liêm, PC1 Vĩnh Hưng...) và các công trình đường dây điện thuộc dự án Trường Sơn Đô Lương và vành đai 4 tỉnh Bắc Ninh. Phải thu ngắn hạn của khách hàng cũng tăng đáng kể, các khách hàng có số dư lớn đa số đều là Ban Quản lý các dự án điện lực. Ngoài ra, các khoản mục khác thuộc tài sản ngắn hạn không có nhiều thay đổi quan trọng.

- Tài sản dài hạn của tập đoàn chiếm 61% tổng tài sản, 590 tỷ đồng tương đương giảm 4,57% so với đầu năm, chủ yếu do giảm Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư và Tài sản dài hạn khác. Hiệu quả sử dụng tài sản thể hiện qua chỉ số Vòng quay tổng tài sản, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ, chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng tốt. Nhìn chung, tổng tài sản năm 2024 chỉ tăng nhẹ trong khi doanh thu thuần có bước tiến đột phá nhờ vào tăng trưởng trong lĩnh vực Điện và Khoáng sản.

Nợ phải thu quá hạn quá hạn tại 31/12/2024, dự phòng phải thu khó đòi của Tập đoàn là 95.060 tỷ đồng, cao gấp 7,7 lần so với đầu năm. PC1 cần sát sao quyết toán, tích cực thu hồi một phần nợ quá hạn của công trình và hoàn nhập dự phòng.

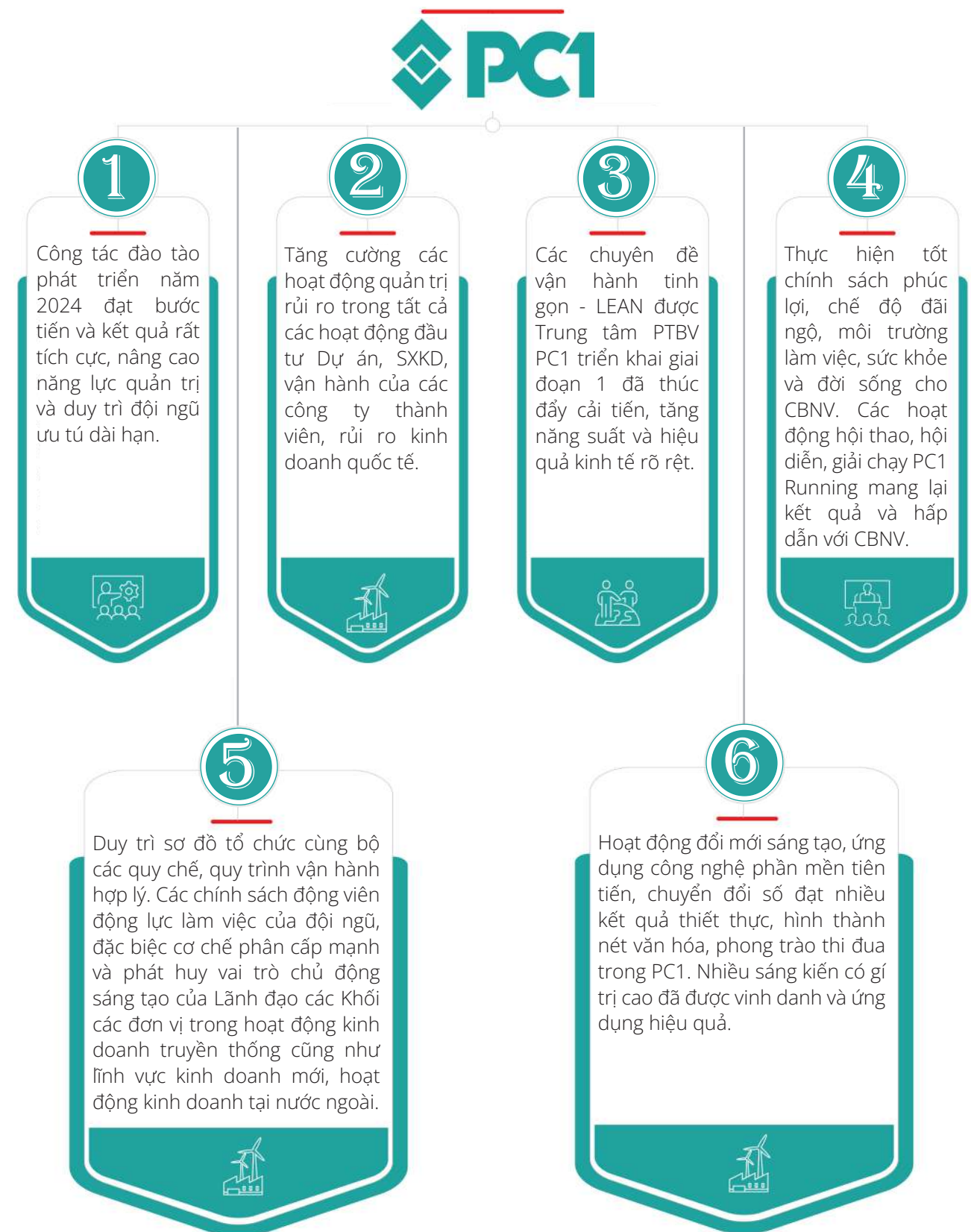
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến ngày 31/12/2024, nợ phải trả của Tập đoàn đạt 13.272 tỷ đồng, giảm 244 tỷ đồng, tương đương giảm 2% so với đầu năm; chiếm 63% tổng nguồn vốn. Trong đó, nợ ngắn hạn là 5.078 tỷ đồng, chiếm 38% tổng nợ phải trả; nợ dài hạn là 8.193 tỷ đồng, chiếm 62% tổng nợ phải trả. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2024, PC1 giảm bớt các khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn khi đa số các hợp đồng còn dang dở đã hoàn thành, giảm bớt vay và không còn nợ thuê tài chính dài hạn. Thay vào đó, doanh nghiệp tăng cường huy động vốn bằng các khoản nợ ngắn hạn. Các giao dịch này nằm trong kế hoạch phát triển dài hạn của PC1, nhằm bổ sung vào chuỗi giá trị chiến lược đầu tư, từng bước phát triển hệ sinh thái của Tập đoàn.

Năm 2024, lạm phát tại Việt Nam và trên thế giới cơ bản được kiểm soát, FED bắt đầu hạ lãi suất mở ra thời kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng điều chỉnh linh hoạt lãi suất điều hành, PC1 được hưởng lợi từ lãi suất thấp; đồng thời Tập đoàn cũng giảm vay dài hạn khiến chi phí lãi vay cả năm giảm đáng kể so với cùng kỳ. Tuy nhiên lãi tiền gửi và lãi cho vay của doanh nghiệp cũng giảm so với năm 2023.

Tỷ giá USD/VND tăng làm tăng chi phí tài chính chưa thực hiện của việc đánh giá lại toàn bộ số dư khoản vay ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2024. Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện đều tăng cao hơn so với đầu năm (tăng lần lượt 11.695 tỷ đồng và 51.926 tỷ đồng). Doanh nghiệp đang có 3 khoản vay bằng đồng USD của Ngân hàng Phát triển Châu Á và Export Finance Australia. Tuy nhiên, các khoản nợ này sẽ được trả dần và đáo hạn vào năm 2036 do đó không ảnh hưởng đến dòng tiền hiện tại của Công ty. Ngoài ra, giá bán điện được tính theo USD cũng làm giảm rủi ro tỷ giá của PC1.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Khối năng lượng

- Thực hiện đầu tư dự án TĐ Bảo Lạc A & Thượng Hà đúng kế hoạch
- Vận hành tin cậy, hiệu quả và an toàn các Nhà máy điện

Khối BĐS Khu công nghiệp

- Thực hiện đầu tư dự án KCN Nomura 2 đúng kế hoạch
- Phát triển thành công tối thiểu 01 KCN mới

Khối BĐS Dân dụng

- Hoàn thành đầu tư và kinh doanh dự án Tháp Vàng
- Phát triển và khởi công một dự án nhà ở căn hộ đúng kế hoạch

Khối Khoáng sản và thương mại

- Công ty cổ phần Khoáng sản Tấn Phát
- + Vận hành tin cậy nhà máy hiện tại
- + Thực hiện tốt chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2
- Ban KDTM: Nghiên cứu và phát triển thành công một dự án kinh doanh mới

Khối TT EPC

- Thực hiện thành công dự án EPC Nhà máy điện gió Philipines
- Thực hiện thành công dự án EPC Cáp ngầm biển đưa điện ra Côn Đảo

Khối Điện Công nghiệp

- Đấu thầu và thực hiện thành công Đz 500kv Lào Cai - Vĩnh Yên
- Nâng cao tỷ trọng xuất khẩu trong cơ cấu doanh thu

Khối Đảm bảo kinh doanh

- Đảm bảo vốn cho đầu tư, SXKD năm 2025 và mục tiêu đầu tư dài hạn.
- Thực hiện thành công đề án Trung tâm dữ liệu tập trung và văn phòng số trên nền tảng Microsoft.
- Thực hiện thành công Chiến lược nhân sự Tập đoàn GĐ 2026-2030
- Thực hiện thành công kế hoạch đào tạo Tập đoàn năm 2025
- Thực hiện thành công đề án Phát triển văn hóa PC1 và truyền thông nội bộ theo Cẩm nang văn hóa
- Thực hiện thành công ĐHĐCĐ thường niên - Nhiệm kỳ 5 năm"



CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ KINH DOANH

CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ KINH DOANH NĂM 2025 CỦA TẬP ĐOÀN

Năm 2025, được xác định là năm tăng tốc hoàn thành chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 và tạo tiền đề cho xây dựng chiến lược giai đoạn 2026 - 2030, PC1 đặt các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Giá trị kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ với thực hiện năm 2024
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	13.395	133%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	836	118%
Cổ tức (%)	15	100

Tổng lợi nhuận
sau thuế

836
TỶ ĐỒNG

05

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Đánh giá của Hội đồng quản trị về
về các mặt hoạt động của PC1

[80-85]

Đánh giá của Hội đồng quản trị về
hoạt động của Ban Tổng giám đốc

[86-86]

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

[86-87]



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA PC1

CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ KINH DOANH

HDQT, Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã kịp thời đưa ra những quyết định, những giải pháp sáng tạo trong ngắn hạn, đồng thời hoạch định lại Kế hoạch phát triển dài hạn nhằm thích nghi với diễn biến trong tình hình mới, thiết kế nguồn lực mới sẵn sàng đón cơ hội mới, mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Ban Tổng giám đốc đầy đủ năng lực, năng động, nhiệt huyết, tư duy đổi mới, sáng tạo, đoàn kết và tận tâm; Đội ngũ CBNV, các Khối, các Ban thuộc Tập đoàn, các Công ty thành viên đã nỗ lực trước những khó khăn, phát huy thể mạnh và năng lực vượt trội của mình, tiếp tục khẳng định uy tín và thương hiệu PC1, mang đến cho các đối tác, khách hàng, cộng đồng xã hội hơn cả lợi ích là sự tin cậy, uy tín và trách nhiệm đến cùng trong các hoạt động kinh doanh và sản phẩm của Tập đoàn trong bối cảnh khó khăn lớn của cộng đồng các doanh nghiệp năm qua.

HDQT và Ban Lãnh đạo tập đoàn đã khách quan đánh giá và ghi nhận những điểm mạnh và tích cực đó là:

- Thứ nhất - Năng lực lãnh đạo và quản trị hệ thống, năng lực thích ứng và sáng tạo luôn đảm bảo dẫn dắt tin cậy và kiểm soát tất cả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước những thách thức và khó khăn lớn;
- Thứ hai - Phát triển các nguồn lực, sẵn sàng để nắm bắt được những cơ hội, vận hội mới trong năm 2025 và giai đoạn đến 2030;
- Thứ ba - Các hoạt động Đào tạo, Đổi mới sáng tạo, công nghệ mới và chuyển đổi số, Nhận diện thương hiệu mới PC1, Quan hệ đối tác quốc tế và phát triển thị trường nước ngoài đã được quan tâm đầu tư sát thực tế và kết quả đang trên đà đóng góp tích cực, quan trọng trong dài hạn.
- Thứ tư- Vị thế, Uy tín PC1 tiếp tục được khẳng định, Thương hiệu PC1 tiếp tục được phát triển.
- Và thứ năm- Đã chuẩn bị tốt cho Kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2025, các dự liệu cơ bản cho Chiến lược đến năm 2030 được bám sát các hoạch định kinh tế của Chính phủ và xu thế quốc tế.

Trong năm 2024 Tập đoàn đã nhận được các giải thưởng vinh danh ghi nhận trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội, trách nhiệm cộng đồng như:

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Lần thứ 10 liên tiếp).
- Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Lần thứ 8 liên tiếp)
- Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính
- Giải thưởng Nhà phát triển Bất động sản công nghiệp có chiến lược chuyển đổi xanh

CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ - PHÁP CHẾ RỦI RO

- Năm 2024 thực hiện công tác KTNB theo kế hoạch và chức năng kiểm soát viên tại các đơn vị thành viên, các công ty liên kết.
- Thực hiện kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư các Dự án hoàn thành. Kiểm toán hoạt động, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quá trình đầu tư. Kiểm toán tuân thủ quy trình pháp luật về quản lý đầu tư, tuân thủ quy trình, quy định của PC1. Báo cáo định lượng rủi ro các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế. Kiểm toán hoạt động tại các Công ty thành viên.
- Các hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ đã phát huy vai trò tích cực để kiểm soát hoạt động và hạn chế rủi ro của các Khối kinh doanh, các phòng ban và Công ty thành viên trong quá trình triển khai đầu tư, sản xuất và tổng thầu xây lắp.
- Tham mưu cho HDQT, đổi mới các nội dung, phạm vi kiểm soát rủi ro đối với các dự án đầu tư, quản lý đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO KINH DOANH

- Không chỉ đảm nhận vai trò tham mưu, tối ưu hóa hiệu quả vận hành, mà còn là bộ phận cho những chiến lược tăng trưởng dài hạn.
- Nhân sự**
- Phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu của các dự án trọng điểm và hội nhập quốc tế.
 - Xây dựng chương trình đào tạo bài bản, nâng cao kỹ năng quản trị, kỹ năng công nghệ, và tư duy chiến lược.
- Tài chính**
- Tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án trọng điểm.
 - Đa dạng hóa nguồn vốn từ các đối tác chiến lược tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước.
 - Quản lý tài chính hiệu quả, tối ưu hóa chi phí và gia tăng giá trị cho cổ đông
- Chuyển đổi số**
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) triển khai các giải pháp công nghệ số trong quản lý, vận hành hướng đến hệ sinh thái số toàn diện.
 - Đảm bảo an ninh mạng và quản lý dữ liệu thông minh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong kỷ nguyên số.
 - Với mục tiêu xây dựng nền tảng vận hành minh bạch, hiệu quả các Ban chuyên môn - Khối Đảm bảo Kinh doanh là lực lượng nòng cốt giúp Tập đoàn không chỉ duy trì vị thế dẫn đầu mà còn tạo ra giá trị phù hợp với định hướng phát triển bền vững, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội và khẳng định vị thế thương hiệu PC1 trên trường quốc tế.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA PC1 (TIẾP)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
CÁC KHỐI KINH DOANH TƯ NHÂN

Khối năng lượng

- Các Nhà máy Điện gió và Thủy điện của PC1 đang sản xuất điện sạch một cách tin cậy, tạo dòng tiền ổn định và hiệu quả đầu tư cho Tập đoàn;
- Lũy kế đến năm 2024, 10 nhà máy Năng lượng tái tạo của PC1 đã cung cấp hơn 5 tỷ kWh (kilo oatt giờ) điện sạch, cắt giảm hơn 4 triệu tấn CO2 (các bon đi ô xít), đóng góp tích cực vào nguồn năng lượng xanh & sạch của Quốc gia;
- Năm 2024, PC1 khởi công đầu tư các NM thủy điện mới: Bảo Lạc A & Thượng Hà nhằm khai thác tài nguyên quý hiếm vùng Đông Bắc, nằm trong kế hoạch đầu tư Năng lượng tái tạo của Tập đoàn;
- Phát triển các dự án năng lượng mới tại Việt Nam và nghiên cứu các dự án Năng lượng nước ngoài, tìm kiếm cơ hội đầu tư năng lượng sạch theo xu thế Năng lượng Xanh toàn cầu.

Khối tổng thầu EPC

- Trên lộ trình chiến lược khẳng định TOP 3 Việt nam và TOP 5 ĐNA trong lĩnh vực tổng thầu các Nhà máy Điện Năng lượng tái tạo; Năm 2024 đã và đang đầu tư phát triển về nghiên cứu thị trường, ứng dụng các công nghệ quản lý và công nghệ thi công mới, đào tạo phát triển nguồn nhân lực hợp tác Quốc tế và đầu tư vào thị trường Quốc tế tại một số Quốc gia phát triển.
- Khai thác thị trường trong nước với 1 số các hợp đồng, dự án, sản phẩm có tính chất Kỹ thuật công nghệ cao, đặc thù như: Cung cấp thiết bị đz 500kV; Thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công xây dựng đoạn cáp ngầm biển Dự án Cấp điện từ lưới quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Năm 2024, Khởi đầu tươi sáng cho 1 giai đoạn phát triển thị trường Quốc tế :
 - + Ký kết thành công Hợp đồng tổng thầu nhà máy điện gió Camarines Sur (Philippines)
 - + Thành công ký kết hợp đồng cung cấp kết cấu thép tại Úc
 - + TPC Phục vụ dự án điện gió ngoài khơi của Đài Loan
 - + Xây dựng Đz 500kV đấu nối với nhà máy điện gió 600MW tại Lào
- Khối Tổng thầu với khát vọng Khẳng định là 1 Nhà tổng thầu quốc tế có tốc độ tăng trưởng cao, uy tín và thương hiệu.

Khối bất động sản

Bất động sản Khu công nghiệp

- Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội Việt Nam đến năm 2030 là nước đang phát triển có Công nghiệp hiện đại, tốc độ phát triển Công nghiệp Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng cao, thu hút FDI hấp dẫn. Với lợi thế của Tập đoàn, PC1 tập trung nguồn lực đầu tư các Khu công nghiệp sinh thái, xanh và thông minh trong giai đoạn 10 năm tới;
- Năm 2024, Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng- thuộc Tập đoàn PC1 được chứng nhận xanh, kiểu mẫu về đầu tư hạ tầng đồng bộ, chất lượng cao, thành công về thu hút FDI. Công ty đã đầu tư hạ tầng IOC vận hành thông minh cùng nền tảng công nghệ APP kết nối Realtime với khách hàng và các cơ quan quản lý Nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Khu công nghiệp Nomura 2 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, PC1 sẵn sàng triển khai theo mô hình chuỗi Khu công nghiệp xanh, thông minh, tiện ích;
- Chiến lược phát triển các Khu công nghiệp mới tại các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia, cùng các tư vấn hàng đầu quốc tế nhằm gia tăng giá trị tài nguyên đất nước, ưu tiên công nghiệp sạch, công nghệ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
CÁC KHỐI KINH DOANH TƯ NHÂN (Tiếp)

tiền tiến, giá trị gia tăng cao góp phần phát triển kinh tế địa phương và kinh tế quốc gia.

Bất động sản Nhà ở

- Phát huy nền tảng PC1 - Nhà đầu tư kinh doanh Bất động sản chuyên nghiệp, tin cậy, trách nhiệm. Năm 2024, khối BĐS nhà ở đã khởi công dự án Tháp Vàng, đầu tư xây dựng và chuẩn bị đưa ra thị trường sp nhà ở có công năng hiện đại, tiện ích, ứng dụng công nghệ xanh và thân thiện môi trường; dự án góp phần hiện đại hóa đô thị tại địa phương;
- Với nhiều chính sách mới của Chính phủ, PC1 tập trung hoàn thiện hồ sơ đầu tư các dự án đang triển khai, đồng thời phát triển các dự án mới tiềm năng.

Khối Chế biến và khai thác khoáng sản

- Vận hành tin cậy Nhà máy tuyển khoáng PC1 tại Cao Bằng, khai thác với công nghệ tiên tiến tự động hóa cao, tiên phong về giải pháp bảo vệ môi trường. Năm 2024, Khối Chế biến và Khai thác Khoáng sản tiếp tục vận hành thành công và thực hiện tốt các quy định của ngành, đóng góp ngân sách với tỷ trọng lớn cho địa phương
- Hợp đồng hợp tác về tiêu thụ sản phẩm và mở rộng phát triển công nghệ đối với Tập đoàn hàng đầu Thế giới trong lĩnh vực kim loại màu - Trafigura tiếp tục được ký kết và hợp tác thành công.

Khối điện và công nghiệp

- Với sứ mệnh khẳng định, phát triển bề dày và thương hiệu PC1 trong ngành xây lắp điện Việt Nam. Năm 2024 nhiều dự án quan trọng hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh, trong đó Đz 500 mạch 3, PC1 là đại diện dẫn đầu về quản lý dự án chuyên nghiệp, thiết bị thi công tiên tiến, năng suất và tiến độ dẫn đầu, được Chính phủ và ngành điện ghi nhận và phong tặng nhiều Danh hiệu thi đua cao quý.
- Các Dự án, công trình điển hình trong năm:
 - + Trạm biến áp 220kV GIS Hải Châu và đường dây 220kV Hoà Khánh - Hải Châu
 - + Dự án EPC 500kV Nhà Bè - Metro City
 - + Dự án Đz 500kV Monsoon - Thạnh Mỹ
 - + Kế hoạch 2025 và chiến lược giai đoạn tới, khối điện và Công nghiệp tiếp tục đào tạo phát triển, ưu tiên thực hiện các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, dự án có tính chất đặc thù đồng thời phối hợp trong hệ sinh thái để thực hiện thành công tổng thầu EPC (i pi ci) các dự án hạ tầng Khu công nghiệp sinh thái.

Khối thiết kế, chế tạo kết cấu thép ngành điện và viễn thông

- Khẳng định vị thế dẫn đầu VN về thiết kế và chế tạo các loại kết cấu thép cho Đường dây Siêu cao áp, công trình viễn thông. Năm 2024 là 1 năm thành công của Khối, tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, quản trị tinh gọn (LEAN), học tập và phát triển, các giải pháp tăng công suất nhà máy trong thời gian dài. Khối sản xuất đã thành công với nhiều hợp đồng quan trọng trong nước và xuất khẩu, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Trong đó sản xuất trên 48.000 tấn sản phẩm cột thép các loại và đặc biệt là sản phẩm cột thép thanh ống do DAST thiết kế và chế tạo đã được sử dụng chính thức với số lượng lớn cho công trình Đường dây 500 mạch 3 có nhiều ưu việt ngành điện Việt Nam cũng như lợi thế khác biệt của PC1.
- Với tôn chỉ lấy Khách hàng làm trọng tâm, không ngừng đổi mới sáng tạo trong thiết kế, sản xuất và chế tạo, đầu tư phát triển thị trường Quốc tế phát huy thế mạnh trong hệ sinh thái. Năm 2025, Khối đã và đang sẵn sàng, tự tin phát triển kinh doanh nâng cao đời sống CBNV và phát triển kinh tế xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA PC1 (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (CSR)
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ESG

Thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững được PC1 xác định là định hướng chiến lược phát triển dài hạn, đây không chỉ là lựa chọn mà từng bước sẽ trở thành chuẩn mực, văn hóa của PC1, trong đó:

Xây dựng chiến lược kinh doanh được tích hợp với phát triển bền vững

- Đặt mục tiêu tăng trưởng, tài chính cần song hành với các yếu tố phát triển bền vững.
- Gắn kết chuỗi giá trị cốt lõi của Tập đoàn: sản phẩm, vận hành, nhân sự, khách hàng..với các hoạt động CSR.

Hoạt động quản trị hướng đến tiêu chuẩn ESG

- Về môi trường: PC1 xuyên suốt các hoạt động kinh doanh đều gắn với trách nhiệm: giảm phát thải CO₂, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu xanh, xử lý chất thải theo quy chuẩn.
- Về xã hội: Chăm lo nâng cao đời sống người lao động, an toàn lao động, bình đẳng giới và phát triển cộng đồng.
- Về quản trị: Vận hành HĐQT, Ban điều hành trách nhiệm, tuân thủ, hiệu quả và minh bạch.

Tương tác với các bên liên quan và báo cáo minh bạch

- Đối thoại cởi mở với người lao động, khách hàng, chính quyền, cộng đồng và các cơ quan quản lý.
- Cập nhật và truyền thông thường xuyên đến cổ đông, đối tác, công chúng.
- Công bố báo cáo PTBV định kỳ, minh bạch.

Đổi mới sáng tạo hướng tới bền vững:

Trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình kinh doanh và trong Đổi mới sáng tạo đầu tư công nghệ

- PC1 luôn ưu tiên chọn mô hình và công nghệ xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng và giải pháp bảo vệ môi trường tiên tiến.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững:

Hiện nay PC1 đang ưu tiên phát triển văn hóa cấp tiến PC1, truyền cảm hứng cho nhân viên sống có trách nhiệm xã hội và cộng đồng.

Các hoạt động đào tạo nội bộ, triển khai chiến lược, phát triển kinh doanh, sản phẩm mới, thị trường mới đều tính toán, lồng ghép giá trị phát triển bền vững trong từng hoạt động.

Một số hoạt động tiêu biểu về trách nhiệm cộng đồng và An sinh xã hội 2024:

Trách nhiệm cộng đồng: PC1 đã ký kết Hợp tác chiến lược với các Bệnh viện tuyến TW. Năm 2024, Trung tâm Phát triển bền vững - PC1 đã triển khai thành công các Dự án tài trợ:

- i- Nâng cao năng lực quản trị chiến lược và tư duy quản trị tinh gọn tại Bệnh viện Bạch Mai;
- ii- Bổ sung trang thiết bị y tế và Tư vấn chuẩn hóa, tinh gọn hệ thống quy trình, an toàn

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (CSR)
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ESG (TIẾP)

phẫu thuật tại Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, Bệnh viện phụ sản Trung ương.

Các dự án trên đây đã mang lại ý nghĩa và giá trị thiết thực góp phần giảm quá tải, nâng cao chất lượng quản lý, vận hành khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân tại các Bệnh viện tuyến đầu, được ban Lãnh đạo và đội ngũ Y bác sỹ đánh giá rất cao.

Nhiều các hoạt động an sinh xã hội tại các vùng miền để chia sẻ khó khăn với các địa phương, đồng bào như:

- + Chương trình Đông ấm vùng cao, hỗ trợ trang bị cho các em học sinh và gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Cao Bằng;
- + Hỗ trợ kinh phí, vật chất, nhân lực, chuyên gia để khắc phục ảnh hưởng sau bão lịch sử - Yagi tại các tỉnh Cao Bằng, Hải Phòng, Quảng Trị, Hà Nội.
- + Tặng nhà cho hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trao tặng gói Hỗ trợ máy tính - nâng cao chất lượng công việc cho CBNV UBMT Tổ quốc Việt Nam.
- + Huy động phương tiện, máy móc, trang thiết bị và nhân lực để khắc phục sạt lở đất, ngập lụt do thiên tai, chia sẻ khó khăn tại một số địa phương.

Lãnh đạo Tập đoàn nhận thức cần làm tốt CSR và phát triển bền vững không chỉ là xu thế, là trách nhiệm mà còn vai trò nâng cao Năng lực cạnh tranh của PC1, tạo sự tin tưởng của cộng đồng, nhà đầu tư, sự trung thành của khách hàng và sự gắn bó của người lao động, thúc đẩy PC1 phát triển bền vững.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đội ngũ kỹ sư và công nghệ PC1 tiếp tục nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, cấu hình và lắp đặt các mô hình công nghệ, thiết bị chuyên dùng thông minh như: Trung tâm vận hành thông minh IOC cho KCN NHIZ Hải phòng; Nâng cấp Robot thi công cáp ngầm cao áp dưới biển cùng Hệ thiết bị đồng bộ thi công cáp ngầm biển; Đề tài vận hành thông minh lưới điện, nguồn điện tích hợp, tích trữ năng lượng; Nhiều nghiên cứu cải tiến ứng dụng trong quản lý và vận hành các nhà máy Sản xuất thành công, hiệu quả.

Chiến lược phát triển hợp tác đối tác chiến lược với các Tập đoàn, các Công ty hay các tổ chức uy tín trong và ngoài nước về công nghệ, về các chuyên ngành kinh doanh, về tín dụng ngân hàng trong năm 2024 đạt được nhiều kết quả tích cực.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị ghi nhận và đánh giá cao về năng lực lãnh đạo, điều hành, tinh thần trách nhiệm, sự quyết liệt và linh hoạt trong thực hiện mục tiêu của Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả các chiến lược kinh doanh, duy trì sự ổn định và tăng trưởng và kết quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường có nhiều khó khăn, biến động. Tổ chức hiệu quả các hoạt động nâng cao năng lực quản lý hệ thống như: Đào tạo phát triển, Phát triển văn hóa PC1, Các chính sách chăm sóc đời sống, phong trào, tinh thần, sức khỏe cho CBNV.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH NĂM KẾ HOẠCH 2025

Thế giới năm 2025 bước vào giai đoạn “bình thường mới” với kỳ vọng tăng trưởng ổn định hơn, nhưng vẫn còn nhiều rủi ro, biến động phức tạp. Việt Nam có nhiều cơ hội bứt phá từ xu thế chuyển dịch chuỗi cung ứng, chuyển đổi xanh và số hóa. Đặc biệt xu thế Phát triển bền vững đã bao trùm và sẽ là trục chính trong hoạch định chính sách và chiến lược của cộng đồng doanh nghiệp.

Căn cứ dự báo tình hình chung quốc tế và trong nước, của ngành, xuất phát thực tế của PC1, kế hoạch 2025 cần được xác định rõ các trụ cột kinh doanh ưu tiên, tối ưu hóa danh mục đầu tư, phân bổ ưu tiên hiệu quả các nguồn lực, giải pháp tạo nguồn lực mới, nâng cao năng lực tổng thầu và chuyển đổi số đồng thời xây dựng chiến lược tích hợp ESG, quản trị rủi ro sẽ là chìa khóa để kế hoạch 2025 PC1 đạt kết quả và kết nối phát triển dài hạn.

Nhận định cơ hội và thách thức

Cơ hội đối với PC1 trong năm 2025

- Chính sách chuyển dịch năng lượng và chính sách tăng trưởng xanh;
- Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công và phát triển hạ tầng năng lượng;
- Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng về Việt Nam;
- Tín dụng xanh và vốn quốc tế hỗ trợ doanh nghiệp năng lượng sạch;
- Chuyển đổi số ứng dụng AI trong công nghiệp và quản lý dự án.

Thách thức lớn PC1 phải đối mặt

- Biến động địa chính trị và chi phí đầu vào;
- Tiếp cận vốn và dòng tiền đầu tư khó khăn;
- Thủ tục pháp lý vẫn chậm, đặc biệt với năng lượng và BĐS;
- Cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực tổng thầu và đầu tư năng lượng;
- Áp lực chuyển đổi ESG và minh bạch trong hoạt động

MỤC TIÊU CHÍNH NĂM KẾ HOẠCH 2025

Tổng lợi nhuận sau thuế

836
TỶ ĐỒNG

Năm 2025, được xác định là năm tăng tốc hoàn thành chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2025 và tạo tiền đề cho xây dựng chiến lược giai đoạn 2026 - 2030, PC1 đặt các chỉ tiêu kế hoạch:

Chỉ tiêu	Giá trị kế hoạch năm 2025	Tỷ lệ với thực hiện năm 2024
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	13.395	133%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	836	118%
Cổ tức (%)	15	100

ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ HĐQT NĂM 2025

HĐQT trách nhiệm Quản trị hiệu quả, dẫn dắt Tập đoàn phát triển bền vững, minh bạch và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

HĐQT hoạch định chiến lược, định hướng tầm nhìn, kiểm soát rủi ro, tạo dựng niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông, cộng đồng, hỗ trợ và thúc đẩy Ban điều hành chủ động, sáng tạo, minh bạch và hiệu quả.

Chiến lược phát triển Tập đoàn:

- Chủ trì xây dựng và phê duyệt Chiến lược PC1 giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn 2045;
- Xác định tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược kinh doanh, đầu tư, tái cấu trúc..., xu thế phát triển bền vững -ESG, chuyển đổi số, phát triển xanh.
- Thúc đẩy các mục tiêu kinh doanh 2025 bám sát và kết nối chiến lược dài hạn.

Giám sát hoạt động điều hành và hiệu quả kinh doanh:

- Giám sát Ban điều hành việc thực hiện các mục tiêu đã phê duyệt.
- Đánh giá định kỳ về tăng trưởng, lợi nhuận, dòng tiền, rủi ro...
- Xem xét và điều chỉnh kế hoạch, mục tiêu quan trọng, giải pháp quản trị.

Kiểm soát tài chính và đầu tư:

- Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tài chính, các khoản đầu tư lớn, mua bán - sáp nhập v.v.. theo định kỳ và theo dự án.
- Kiểm soát các chỉ tiêu về tài chính, tài sản, nguồn vốn, đảm bảo sử dụng hiệu quả và an toàn.

Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ:

- Phê duyệt và giám sát hoạt động quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ.
- Kiểm soát và xử lý các rủi ro lớn về tài chính, pháp lý, thị trường, uy tín...
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

Đảm bảo quản trị doanh nghiệp minh bạch - chuyên nghiệp:

- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT, đánh giá kết quả thực hiện.
- Đầy đủ các trách nhiệm quản trị, bảo đảm công khai, minh bạch thông tin.

Phát triển nguồn nhân lực cấp cao có chất lượng, đoàn kết, liêm chính:

- Phát triển và bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo quản lý các cấp theo quy chế;
- Xây dựng chính sách, chế độ lương thưởng, ESOP, KPIs ... tạo động lực dài hạn đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

Lồng ghép yếu tố ESG và phát triển bền vững:

- Định hướng doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ESG, công bố báo cáo bền vững.
- Phê duyệt các chương trình trách nhiệm xã hội (CSR), chuyển đổi xanh, quản trị đạo đức, văn hóa.

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị [90-94]

Ban kiểm soát [95-95]

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát [96-107]



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu
		Chủ tịch HĐQT		
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	26/4/2015	21,382%
2	Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó TGD	26/4/2015	1,330%
3	Ông Võ Hồng Quang	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó TGD	26/4/2015	1,884%
4	Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm TGD	03/06/2020	0,289%
5	Ông Mai Lương Việt	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	03/06/2020-01/02/2024	0,289%
6	Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT không độc lập, không điều hành	26/04/2024	0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp và 22 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp HĐQT cũng như lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự/lấy ý kiến	Tỷ lệ tham dự họp/lấy ý kiến	Lý do không tham dự
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	32/32	100%	21,382%
2	Ông Vũ Ánh Dương	32/32	100%	1,330%
3	Ông Võ Hồng Quang	32/32	100%	1,884%
4	Ông Nguyễn Minh Đệ	32/32	100%	0,289%
5	Ông Mai Lương Việt	02/32	6%	Đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 01/02/2024
6	Ông Phan Ngọc Hiếu	20/32	63%	Bầu làm thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 26/04/2024

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT thường xuyên duy trì giám sát Ban TGD thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát, cũng như tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính, trong việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trong năm 2024, HĐQT đã tập trung chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động chủ yếu sau:
 - Tổ chức Đại hội đồng thường niên 2024 vào ngày 26/04/2024.
 - Điều chỉnh Sơ đồ tổ chức của Công ty và bổ nhiệm nhân sự theo Sơ đồ tổ chức.
 - Tái cơ cấu, sắp xếp lại hoạt động của các đơn vị thành viên trong lĩnh vực xây lắp điện (Đợt 2 và Đợt 3) thông qua việc chuyển đổi loại hình hoạt động, thoái vốn và ban hành Quy chế kiểm soát các công ty.
 - Công tác đầu tư: Góp vốn điều lệ bổ sung vào Công ty dự án, công ty liên kết; Chuyển nhượng Dự án thủy điện Thượng Hà; Tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện đầu tư kinh doanh dự án bất động sản dân dụng .v.v..
 - Thành lập công ty con ở nước ngoài (Philippines)
 - Thay đổi Người đại diện vốn tại các Công ty con trong lĩnh vực năng lượng, bất động sản, xây lắp.

Các Nghị quyết/Quyết nghị của Hội đồng quản trị trong năm 2024

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-PC1-HĐQT	05/01/2024	Thực hiện giao dịch, hợp đồng với doanh nghiệp liên quan	100%
2	02/NQ-PC1-HĐQT	31/01/2024	Từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của Ông Mai Lương Việt	100%
3	03/QĐ-PC1-HĐQT	05/02/2024	Miễn nhiệm Giám đốc Ban Điện và Công nghiệp	100%
4	04/NQ-PC1-HĐQT	22/02/2024	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2024	100%
5	05/NQ-PC1-HĐQT	01/3/2024	Chuyển nhượng Dự án thủy điện Thượng Hà	100%
6	06/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần điện gió Liên Lập	100%
7	07/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần điện gió Phong Huy	100%
8	08/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần điện gió Phong Nguyên	100%
9	09/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Tiến Bộ	100%
10	10/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần thiết bị Thương mại	100%
11	11/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Mỹ Đình	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	12/QĐ-PC1-HĐQT	19/3/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần cơ khí ô tô Hòa Bình	100%
13	13/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Góp vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	100%
14	14/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Thực hiện giao dịch, hợp đồng với doanh nghiệp liên quan	100%
15	15/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Tái cơ cấu các công ty thành viên xây lắp điện (Đợt 2)	100%
16	16/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Ninh Bình	100%
17	17/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV xây lắp điện I Miền Nam	100%
18	18/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Mỹ Đình	100%
19	19/QĐ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần PC1 Miền Nam	100%
20	20/QĐ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần PC1 Mỹ Đình	100%
21	21/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Điều chỉnh sơ đồ tổ chức Công ty	100%
22	22/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Ban Đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN	100%
23	23/NQ-PC1-HĐQT	30/03/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Ban Điện & Công nghiệp	100%
24	24/NQ-PC1-HĐQT	03/04/2024	Góp vốn điều lệ đợt 1 năm 2024 tại Công ty thủy điện Sông Gâm	100%
25	25/NQ-PC1-HĐQT	03/04/2024	Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
26	26/NQ-PC1-HĐQT	03/04/2024	Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị Công ty năm 2023	100%
27	27/NQ-PC1-HĐQT	03/04/2024	Tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện đầu tư kinh doanh dự án bất động sản dân dụng	100%
28	28/NQ-PC1-HĐQT	24/04/2024	Bổ sung nội dung và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100%
29	29/NQ-PC1-HĐQT	06/05/2024	Thế chấp cổ phần của PC1 tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm	100%
30	30/QĐ-PC1-HĐQT	12/07/2024	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty	100%
31	31/NQ-PC1-HĐQT	26/07/2024	Phân giao nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025	100%
32	32/QĐ-PC1-HĐQT	26/07/2024	Tạm ứng thù lao HĐQT 06 tháng đầu năm 2024	100%
33	33/QĐ-PC1-HĐQT	06/08/2024	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Thượng Hà	100%
34	33A/QĐ-PC1-HĐQT	10/09/2024	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	100%
35	34/NQ-PC1-HĐQT	23/09/2024	Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
36	35/NQ-PC1-HĐQT	09/10/2024	Góp vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Western Pacific	100%
37	36/QĐ-PC1-HĐQT	11/10/2024	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty	100%
38	37/QĐ-PC1-HĐQT	22/10/2024	Ban hành Quy chế Quản trị của Tập đoàn PC1 đối với công ty con, người đại diện vốn và người quản lý tại công ty con lĩnh vực xây lắp điện	100%
39	38/NQ-PC1-HĐQT	28/10/2024	Thực hiện giao dịch, hợp đồng với doanh nghiệp liên quan	100%
40	39/QĐ-PC1-HĐQT	28/10/2024	Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc	100%
41	40/NQ-PC1-HĐQT	25/11/2024	Tái cơ cấu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê Khu đất số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Hà Đông, Hà Nội	100%
42	41/NQ-PC1-HĐQT	02/12/2024	Thành lập Công ty con tại Philippines và bổ nhiệm nhân sự	100%
43	42/NQ-PC1-HĐQT	02/12/2024	Thành lập Công ty con tại Philippines	100%
44	43/QĐ-PC1-HĐQT	05/12/2024	Thay đổi Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần đầu tư địa ốc Mỹ Đình	100%
45	44/QĐ-PC1-HĐQT	05/12/2024	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần cơ khí ô tô Hòa Bình	100%
46	45/QĐ-PC1-HĐQT	05/12/2024	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	100%
47	46/NQ-PC1-HĐQT	13/12/2024	Tái cấu trúc Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình	100%
48	47/NQ-PC1-HĐQT	13/12/2024	Chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình	100%
49	48/NQ-PC1-HĐQT	13/12/2024	Cử người đại diện vốn tại Công ty cổ phần PC1 Ninh Bình	100%
50	49/NQ-PC1-HĐQT	14/12/2024	Thế chấp bổ sung cổ phần của PC1 tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Gâm	100%
51	50/NQ-PC1-HĐQT	31/12/2024	Chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của PC1 tại Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Miền Bắc	100%
52	51/QĐ-PC1-HĐQT	31/12/2024	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần PC1 Hà Nội	100%
53	52/QĐ-PC1-HĐQT	31/12/2024	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần thương mại đầu tư Tiến Bộ	100%
54	53/QĐ-PC1-HĐQT	31/12/2024	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần thiết bị Thương Mại	100%
55	54/QĐ-PC1-HĐQT	31/12/2024	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần kho bãi Phú Bình	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT
CÓ THAM GIA ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2024:

STT	Thành viên HĐQT	Chương trình đào tạo đã tham gia	Đơn vị tổ chức
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Quản lý lãnh đạo "Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership"	FPT
2	Ông Nguyễn Minh Đệ	Quản lý lãnh đạo "Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership"	FPT
3	Ông Võ Hồng Quang	Quản lý lãnh đạo "Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership"	FPT
4	Ông Vũ Ánh Dương	Quản lý lãnh đạo "Lãnh đạo chuyển đổi - Transformational Leadership"	FPT

Hiện nay, các thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành vẫn liên tục cập nhật và tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản trị công ty. Trong thời gian tới, các thành viên này sẽ sắp xếp thời gian để tham gia khóa học đào tạo về quản trị công ty.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban kiểm soát	0,045%
2	Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên	0,003%
3	Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	02/02	100%	100%	-
2	Ông Hoàng Văn Sáng	02/02	100%	100%	-
3	Ông Hoàng Văn Cường	02/02	100%	100%	-

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

- Tham gia các kỳ họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Tham gia họp kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tháng, quý do Tổng giám đốc chủ trì.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tất cả các lĩnh vực: xây lắp, sản xuất công nghiệp, sản xuất vật liệu mới, đầu tư bất động sản, đầu tư dự án thủy điện, điện gió...
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu
- Giám sát việc chấp hành điều lệ Công ty; Chấp hành Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, quản lý.

Nội dung và kết quả cuộc họp Ban kiểm soát

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Giá trị năm 2024 (Đồng)
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị			
1	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	3.975.000.000
2	Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên HĐQT	540.000.000
3	Ông Võ Hồng Quang	Thành viên HĐQT	540.000.000
4	Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên HĐQT	540.000.000
5	Ông Mai Lương Việt	Thành viên HĐQT	45.000.000
6	Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	360.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc	1.306.734.106
2	Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	1.244.577.696
3	Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc	206.000.000
4	Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc	918.759.840
5	Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	851.733.190
5	Ông Trịnh Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	315.074.696
6	Ông Trịnh Quang Thành	Phó Tổng Giám đốc	325.780.897
Thù lao của Ban Kiểm soát			
1	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	72.000.000
2	Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000
3	Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/1/2024)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trịnh Văn Tuấn	CT HĐQT	66.497.271	21,382%	76.471.860	21,382%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 9.974.589 cổ phiếu
2	Lê Thị Thoi	Vợ ông Trịnh Văn Tuấn- Chủ tịch HĐQT	5.850.805	1,881%	6.728.425	1,881%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 877.620 cổ phiếu
3	Trịnh Ngọc Anh	Phó TGD - Con ông Trịnh Văn Tuấn- Chủ tịch HĐQT	15.870	0,005%	18.250	0,005%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 2.380 cổ phiếu
4	Nguyễn Thị Hồng Liên	Em dâu ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT	20	0,000%	23	0,000%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 3 cổ phiếu
5	Phan Ngọc Hiếu	Ủy viên HĐQT	15.552.449	5%	0	0%	Bán 15.552.449 cổ phiếu
6	Nguyễn Minh Đệ	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	2.869.973	0,923%	3.300.468	0,923%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 430.495 cổ phiếu
7	Võ Hồng Quang	Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	5.858.309	1,884%	6.737.055	1,884%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 878.746 cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Dung	Vợ ông Võ Hồng Quang-Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	509.627	0,164%	302.826	0,085%	Bán 246.300 cổ phiếu, nhận cổ tức bằng cổ phiếu 39.499 cổ phiếu
9	Võ Thị Anh	Em gái ông Võ Hồng Quang-Ủy viên HĐQT kiêm PTGD	21.688	0,007%	24.940	0,007%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 3.252 cổ phiếu
10	Vũ Ánh Dương	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	897.710	0,289%	1.032.366	0,289%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 134.656 cổ phiếu
11	Lê Thị Thanh	Mẹ vợ ông Vũ Ánh Dương - Ủy viên HĐQT kiêm TGD	57.133	0,018%	65.702	0,018%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 8.569 cổ phiếu
12	Nguyễn Nhật Tân	Phó TGD	1.404.240	0,452%	1.614.875	0,452%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 210.635 cổ phiếu
13	Đặng Quốc Tường	Phó TGD	619.062	0,199%	711.921	0,199%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 92.859 cổ phiếu
14	Nguyễn Thị Hời	Vợ của ông Đặng Quốc Tường P TGD	26.189	0,008%	30.117	0,008%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 3.928 cổ phiếu
15	Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng BKS	140.773	0,045%	161.888	0,045%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 21.115 cổ phiếu
16	Nguyễn Văn Trung	Chồng của bà Nguyễn Thị Hải Hà-Trưởng BKS	58.977	0,019%	67.823	0,019%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 8.846 cổ phiếu
17	Hoàng Văn Sáng	Thành viên BKS kiêm Người được UQ CBTT	9.375	0,003%	10.781	0,003%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 1.406 cổ phiếu
18	Trần Thị Minh Việt	Kế toán trưởng	391.377	0,126%	450.082	0,126%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 58.705 cổ phiếu
19	Nguyễn Hồng Thái	Anh rể bà Trần Thị Minh Việt – Kế toán trưởng	172.420	0,055%	198.283	0,055%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 25.863 cổ phiếu
20	Vũ Thị Lan Mỹ	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty	5.408	0,002%	6.219	0,002%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu 811 cổ phiếu

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2024, không có phát sinh giao dịch liên quan đến Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan. Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, thi công các công trình với công ty con, công ty liên kết.

Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết phát sinh thường xuyên, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty về mối quan hệ Công ty mẹ- công ty con, công ty liên kết và quy định của Luật doanh nghiệp. Giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết trong năm 2024, thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024 v/v thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Tập đoàn PC1 với doanh nghiệp có liên quan; Nghị quyết số 14/NQ-PC1-HĐQT ngày 30/03/2024 v/v thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty CP Tập đoàn PC1 với Asia Dragon Trading Pte.Ltd.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2024	Ghi chú
1	Công ty cổ phần PC1 Miền Nam	Công ty con	0305599821	Lầu 1, Block B, Cao ốc An Khang, số 28, đường 19, P An Phú, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2022-2024		Mua khối lượng xây lắp: 173.717.060.603 đồng Bán: vật tư, khác: 2.824.616.930 đồng Cổ tức được chia: 16.970.431.356 đồngG	Giao dịch thường xuyên
2	Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Công ty con	0105514387	Phố Chợ, Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua hàng xây lắp: 210.189.431.839 đồng Bán: Tiền thuê đất, vật tư, khác: 20.989.781.936 đồng Cổ tức được chia: 990.000.000 đồngG	Giao dịch thường xuyên
3	Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh	Công ty con	0100113906	Tổ 14, TT Đông Anh, H Đông Anh, TP Hà Nội	Năm 2022-2024	Nghị quyết số 01/NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024	Mua hàng cột thép: 9.809.583.450 đồng Bán hàng vật tư: 39.177.521.453 đồng	Giao dịch thường xuyên
4	Công ty cổ phần PC1 Mỹ Đình	Công ty con	0103985486	Số 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua: Khối lượng xây lắp: 191.009.563.589 đồng Bán: cho thuê văn phòng, vật tư, khác: 10.653.532.082 đồng Cổ tức được chia: 19.976.872.018 đồng	Giao dịch thường xuyên
5	Công ty TNHH MTV PC1 - Nàng Hương	Công ty con	0104236835	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua: Dịch vụ tòa nhà: 859.518.588 đồng Bán thuê văn phòng, khác: 807.246.496 đồng	Giao dịch thường xuyên
6	Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Công ty con	0104770469	Số 471, Nguyễn Tam Trinh, P.Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, HN	Năm 2022-2024		Mua: Khối lượng xây lắp 106.366.477.623 đồng Bán: Tiền thuê đất, vật tư: 16.308.186.375 đồng Cổ tức được chia: 495.000.000 đồng	Giao dịch thường xuyên
7	Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1- Miền Bắc	Công ty con	0105802071	Tổ dân phố Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội		Nghị quyết số 01/NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024	Không phát sinh	
8	Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Từ Liêm	Công ty con	0106052368	Số 32, Phương Canh, tổ 2, P Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội			Không phát sinh	
9	Công ty TNHH MTV xây lắp điện 1 - Hà Đông	Công ty con	0106053499	Phố Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua hàng lãi vay: 116.067.482 đồng	Giao dịch thường xuyên

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ (Tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2024	Ghi chú
10	Công ty cổ phần PC1 Ninh Bình (Trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình)	Công ty con	2700845969	Ngõ 2, đường Xuân Thành, phố Khánh Thành, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Năm 2022-2024		Mua: Khối lượng xây lắp 60.148.734.725 đồng Bán: Tiền thuê đất, vật tư: 264.496.208đồng	Giao dịch thường xuyên
11	Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu	Công ty con	5600185792	SN 157, tổ dân phố 16, P Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, T.Điện Biên	Năm 2022-2024	Nghị quyết số 01/ NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024	Bán: cho thuê văn phòng, khác: 89.318.844 đồng Cổ tức được chia: 18.187.476.000 đồng	Giao dịch thường xuyên
12	Công ty cổ phần lắp máy công nghiệp Việt Nam	Công ty con	0106885962	Số 138 Trần Bình, P.Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua hàng lắp máy: 4.615.671.865 đồng Bán: cho thuê VP: 115.854.546 đồng Cổ tức được chia: 1.020.000.000 đồng	Giao dịch thường xuyên
13	Công ty CP cơ khí ô tô Hòa Bình	Công ty con	0100104034	Số 44 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua lãi vay: 883.411.980 đồng Bán khác: 308.712.329 đồng	Giao dịch thường xuyên
14	Công ty CP đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Công ty con	0105045664	Tầng 1, Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Năm 2022-2024		Bán: cho thuê VP: 47.650.908 đồng Mua hàng: thuê VP 18.181.818 đồng	Giao dịch thường xuyên
15	Công ty CP năng lượng Bảo Lâm	Công ty con	4800876241	Thôn Nà Pổng, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	Năm 2022-2024		Bán: lãi cho vay 295.890.411 đồng Mua: Quản lý vận hành thủy điện và xây lắp 20.284.111.969 đồng	Giao dịch thường xuyên
16	Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Công ty con	4800876234	Thôn Nà Pổng, xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	Năm 2022-2024	Nghị quyết số 01/ NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024	Bán: cho thuê VP; khác: 88.555.554 đồng	Giao dịch thường xuyên
17	Công ty cổ phần thương mại đầu tư Tiến Bộ	Công ty con	0100509545	Số 1, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	Năm 2022-2024		Bán khác: 446.465.753 đồng Mua hàng lãi vay: 441.863.014 đồng	Giao dịch thường xuyên
18	Công ty CP thiết bị Thương mại	Công ty con	0100106641	Số 1, ngõ 120 Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua hàng lãi vay: 1.121.917.808 đồng	Giao dịch thường xuyên
19	Công ty cổ phần điện gió Liên Lập	Công ty con	3200688847	Km5, Thôn Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Năm 2022-2024		Bán hàng: cho thuê VP: 38.400.000 đồng Cổ tức: 12.977.606.711 đồng	Giao dịch thường xuyên

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ (Tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2024	Ghi chú
20	Công ty cổ phần điện gió Phong Huy	Công ty con	0401994334	Km5, Thôn Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Năm 2022-2024		Bán hàng: cho thuê VP: 38.400.000 đồng Cổ tức: 14.766.595.201 đồng	Giao dịch thường xuyên
21	Công ty cổ phần điện gió Phong Nguyên	Công ty con	0401994327	Km5, Thôn Cửa, xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Năm 2022-2024	Nghị quyết số 01/ NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024	Bán hàng: cho thuê VP: 38.400.000 đồng Cổ tức: 15.379.289.657 đồng	Giao dịch thường xuyên
22	Công ty CP Đầu tư và dịch vụ Công Nghệ	Công ty con	0107067494	Tầng 2, toàn nhà PCC1 Thanh Xuân, Số 44 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, TP Hà Nội	Năm 2022-2024		Mua: Lắp đặt thiết bị: 4.150.689.000 đồng	Giao dịch thường xuyên
23	Công ty CP cơ khí ô tô Hòa Bình	Công ty con	0100104034	Số 44 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Năm 2022-2024		Bán hàng: thuê văn phòng, khác: 15.720.914.594 đồng Bán lãi cho vay: 2.388.249.955 đồng	Giao dịch thường xuyên
24	Công ty cổ phần cột thép mạ kẽm Thái Nguyên	Công ty con của Công ty TNHH chế tạo cột thép Đồng Anh	4601567295	Lô CN2-1 và CN2-2 Khu công nghiệp Diêm Thụy B, xã Diêm Thụy, H.Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Năm 2022-2024	Nghị quyết số 01/ NQ-PC1-HĐQT ngày 05/01/2024	Bán hàng vật tư: 19.368.748.378 đồng Bán lãi cho vay: 1.287.224.315 đồng Mua hàng cột thép: 6.072.300.375 đồng	Giao dịch thường xuyên
25	Công ty CP thí nghiệm điện ETIK	Công ty con của Cty TNHH MTV xây lắp điện 1- Mỹ Đình	0107430679	Số 138 Trần Bình- Phường Mỹ Đình 2- Quận Nam Từ Liêm- TP Hà Nội.			Không phát sinh	
26	Công ty CP thủy điện Sông Gâm	Công ty con	4800920691	Thôn Nà Rò, xã Bảo Toàn, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Năm 2022-2024		Bán: chuyển nhượng dự án, thuê văn phòng, dịch vụ khác: 10.558.542.379 đồng Bán lãi cho vay: 64.323.288 đồng	Giao dịch thường xuyên
27	Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng	Công ty con	0200107945	Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, xã Tân Tiến, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Năm 2022-2024		Bán dịch vụ xây lắp: 28.160.108.464 đồng; Cổ tức lợi nhuận được chia: 18.618.085.619 đồng	Giao dịch thường xuyên
28	Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	Công ty con	0202193587	Tòa nhà điều hành, Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, xã Tân Tiến, huyện An Dương, TP Hải Phòng.	Năm 2024		Bán dịch vụ: 5.235.000.000 đồng	Giao dịch thường xuyên
29	Asia Dragon Trading Pte. Ltd	Công ty con	200810187W	10 Collyer Quay, #10-01 Ocean Financial Centre, Singapore 049315	Năm 2024	Nghị quyết số 14/ NQ-PC1-HĐQT ngày 30/03/2024	Bán dịch vụ: 200.000.000 đồng	Giao dịch thường xuyên

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

PC1 đánh giá việc thực hiện quản trị công ty theo tiêu chuẩn Việt Nam CG Code.

Những điểm đã làm được

- Tuân thủ tốt quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:**
Đội ngũ cán bộ phụ trách Công bố thông tin của PC1 am hiểu và luôn thực hiện tốt các quy định pháp luật về công bố thông tin tại Luật chứng khoán 2019, Thông tư 96/2020/TT-BTC, Quyết định 340/QĐ-SGDHCM, ...
PC1 luôn công bố đầy đủ và đúng thời hạn các công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm kiểm toán, Báo cáo thường niên, CBTT về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ, ... và các công bố bất thường khác.
- Hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR):**
Một trong những điều kiện tiên quyết để một doanh nghiệp ngày càng được các nhà đầu tư tin tưởng đồng hành chính là tính minh bạch và kịp thời về thông tin của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì các hoạt động công bố thông tin thường xuyên - đẩy mạnh công tác quan hệ nhà đầu tư nên PC1 luôn chủ động cập nhật thông tin rộng rãi, chính xác tới các cổ đông, nhà đầu tư quan tâm thông qua các ấn phẩm Báo cáo thường niên, Bản tin nhà đầu tư, Thông cáo báo chí..., thông qua ĐHĐCĐ thường niên, các buổi tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp qua website, mạng xã hội cũng như các hình thức khác.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:**
Hệ thống quản trị của Tập đoàn được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. HĐQT cũng như BKS đều tiến hành họp định kỳ, nghiêm túc theo quy chế làm việc. Thể hiện tinh thần dân chủ và tôn trọng các ý kiến phản biện. Thông qua các kỳ họp đã kịp thời ra những quyết định, nghị quyết kịp thời, đúng đắn theo nguyên tắc quản trị doanh nghiệp.

Những điểm hạn chế

- Tính đến 31/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, chưa có thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020. PC1 đã có văn bản giải trình Ủy ban chứng khoán nhà nước/HOSE về nội dung này, đồng thời đã và đang tích cực tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập bổ sung vào HĐQT nhằm nâng cao năng lực quản trị cũng như tuân thủ quy định của pháp luật.

Tăng cường công tác quản trị công ty

- Kế hoạch học tập, đào tạo quản trị công ty**
Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Tập đoàn thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị công ty do Sở giao dịch CK TP Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty khi các cơ sở đào tạo được UBCKNN công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

Tăng cường công tác quản trị công ty (tiếp)

- Quan hệ nhà đầu tư**
Tập đoàn có bộ phận Quan hệ nhà đầu tư và Bộ phận Công bố thông tin chịu trách nhiệm cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và giám sát truyền thông ra bên ngoài cho các cổ đông và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật. Là một trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, PC1 luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư hướng tới minh bạch thông tin, tuân thủ các quy định pháp luật, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cho cổ đông.
Trong tất cả các cuộc trao đổi, gặp gỡ với nhà đầu tư và tại ĐHĐCĐ thường niên, nhà đầu tư được quyền chủ động đặt câu hỏi liên quan đến hoạt động của Tập đoàn và được lãnh đạo Tập đoàn giải đáp trực tiếp ngay tại sự kiện. Đồng thời, Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên được đăng tải công khai và đầy đủ trên website của Tập đoàn giúp các cổ đông, nhà đầu tư chủ động nắm bắt thông tin.
PC1 sẽ tiếp tục tuân thủ và cập nhật các quy định về quản trị công ty như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hay tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Tiếp tục cải tiến chất lượng báo cáo thường niên và báo cáo định kỳ, Bản tin nhà đầu tư ...

Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

- Quản trị hệ thống thông tin**
 - Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và ban hành Lộ trình chuyển đổi số Tập đoàn phù hợp với chiến lược kinh doanh và cấu trúc doanh nghiệp cấp Tập đoàn.
 - Đồng bộ quản trị, phân tích chuyên sâu dữ liệu kinh doanh toàn Tập đoàn; Tiếp tục cải tiến vận hành hệ thống thông tin quản trị thông minh - Business Intelligence.
 - Xây dựng các chính sách, quy định về bảo mật thông tin nội bộ; an ninh mạng; quy định phân cấp và quyền khai thác dữ liệu kinh doanh...
- Quản trị Tài chính – Kế toán:**
 - Tập đoàn và các công ty con sử dụng nhất quán một phần mềm kế toán để tiện lợi cho việc hạch toán, báo cáo và hợp nhất số liệu. Ứng dụng công nghệ số vào hệ thống kế toán Tập đoàn và toàn bộ các công ty thành viên để đưa ra các phân tích chính xác, kịp thời cho Ban lãnh đạo điều hành.
 - Xây dựng hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, từ đó, xây dựng phương án tài chính phù hợp đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo trong chiến lược phát triển Tập đoàn.
- Quản trị nhân sự:**
 - Tập trung hoàn thành đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các mục tiêu chiến lược tầm nhìn đến 2030.
 - Tiếp tục vận hành sơ đồ tổ chức mới hiệu quả theo mô hình tập đoàn, hướng tới chuyên nghiệp và chuyên môn hóa cao, trong đó vận hành phần mềm quản lý nhân sự hiện đại (HRM).
 - Tiếp tục xây dựng và ban hành các chính sách phát triển nhân lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo, đảm bảo an toàn thông tin nội bộ, ...
- Quản trị quan hệ khách hàng**
 - PC1 tạo được sự tin cậy cao với khách hàng, bao gồm các khách hàng truyền thống và khách hàng mới. PC1 có các quy trình quản trị khách hàng chặt chẽ, từ tìm kiếm đến bán hàng và sau bán hàng.
 - Công tác chuyển đổi số được nghiên cứu áp dụng trong quản trị quan hệ khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Tập đoàn. Tiếp tục đẩy mạnh đưa vào sử dụng phần mềm CRM để nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng và hiệu quả công tác thị trường.
- Quản trị chất lượng:**
 - Thực hiện tốt công tác đào tạo nhận thức và huấn luyện CBNV về chuyển đổi số thông qua chuỗi chương trình đào tạo.
 - Ứng dụng thành công các phần mềm quản lý và số hóa để nâng cao năng lực quản trị hệ thống, đồng thời gia tăng hiệu quả kinh doanh.

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về Báo cáo	[110-111]
Mô hình phát triển bền vững	[112-112]
Định hướng phát triển bền vững	[113-113]
Các chỉ tiêu phát triển bền vững	[114-131]



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO

GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2024 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Tập đoàn, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

MỤC TIÊU

Báo cáo phát triển bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo thường niên nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của PC1 ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Tập đoàn.

PHẠM VI

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Tập đoàn, các đơn vị thành viên và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2024, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

CĂN CỨ LẬP BÁO CÁO

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm Báo cáo thường niên tại Thông tư 96/2020/TT-BTC; dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI).

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

PC1 nỗ lực hết mình để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan bằng việc minh bạch hóa thông tin, tăng trưởng bền vững, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội. Do đó chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

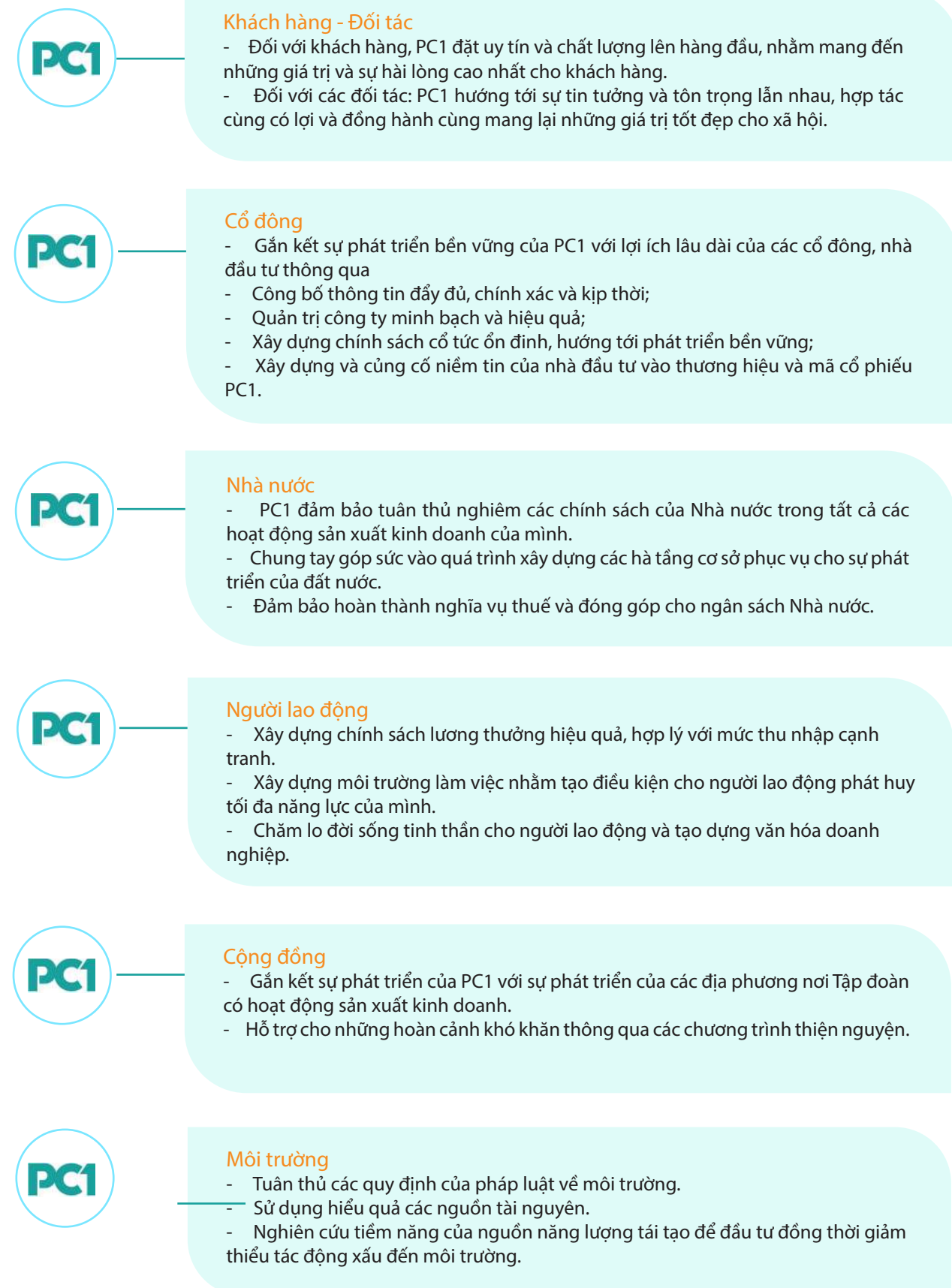
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Địa chỉ: Tòa CT2, Số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
Điện thoại: (+84) 024 3845 6329
Fax: (+84) 024 3823 1997

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tập đoàn luôn gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Bên cạnh đó, Tập đoàn mong muốn tạo ra các giá trị cho xã hội, môi trường, đáp ứng kỳ vọng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi đối với các bên liên quan. Từ đó các kế hoạch hành động được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Tập đoàn hiện nay.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, PC1 liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nguyên vật liệu, nguồn nước, năng lượng sử dụng, tác động của nước thải, chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp).



TỔNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

PC1 có phát thải trực tiếp khí nhà kính ở lĩnh vực sản xuất công nghiệp trong quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành bể mạ và chạy xe nâng và phát thải gián tiếp khí nhà kính trong quá trình sử dụng điện năng mua của các nhà máy phát điện quốc gia để phục vụ sản xuất kinh doanh.

STT	Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2023	Hệ thống xử lý khí thải và chất thải
1	Tổng Tổng lượng khí thải (m3)	45.696	40.800	Hệ thống xử lý khí thải công suất 45.000m3/h (DAST)
2	Chất thải rắn thông thường (tấn)	898	742.536	
3	Chất thải nguy hại (tấn)	574.472	227.797	Xi kềm và bùn kềm

Các biện pháp/sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính

- Năm 2024, DAST đã bổ sung lắp đặt hệ thống xử lý khí thải và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo
- Sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện, tối ưu ca sản xuất, giờ máy chạy để giảm điện năng tiêu thụ
- Cải tiến công nghệ, sử dụng hiệu quả nhiên liệu đốt trong quá trình sản xuất
- Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải, giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu của các xe cơ giới
- Quản lý, giảm phát thải chất thải rắn, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải, bao gồm chất thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt...

GẮN SẢN XUẤT VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh nhận hai chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào ngày 28/02/2018 và ISO 14001:2015 vào ngày 09/04/2018 do tổ chức AFNOR - thành viên của một trong các tổ chức chứng nhận lớn nhất được công nhận cấp quốc tế.

Năm 2021, Nhà máy Cột thép mạ kẽm Thái Nguyên cũng đã hoàn thành cấp Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, được cấp bởi tổ chức chứng nhận Universal GmbH - DAkkS của Cộng Hòa Liên Bang Đức, là 01 trong 03 dấu chứng nhận có uy tín nhất trên toàn cầu.

Tập đoàn đã ban hành nhiều quy định liên quan đến quản trị chất lượng, môi trường và các biện pháp thực hiện cụ thể đối với nhà máy sản xuất công nghiệp của PC1. Từ đó đến nay, các nhà máy vẫn luôn duy trì thực hiện tốt công tác quản trị chất lượng và môi trường.

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh và Nhà máy cột thép mạ kẽm Thái Nguyên		Mục tiêu chất lượng, môi trường và biện pháp thực hiện		
Mục tiêu	Biện pháp thực hiện	Thực hiện		
		Thời gian	Trách nhiệm	Tài liệu
Duy trì tỷ lệ sản phẩm sai hỏng không phù hợp dưới 0,2%	- Kiểm soát các quá trình	Liên tục	Các phòng ban	Báo cáo thực hiện mục tiêu chiến lược, báo cáo khắc phục & cải tiến
	- Thực hiện hành động khắc phục kịp thời, không để xảy ra sai hỏng hàng loạt	Hàng ngày	Ban QA và các Phòng Ban liên quan	Báo cáo khắc phục và cải tiến
	- Kiểm soát sản phẩm từ khâu nhập nguyên liệu đầu vào cho đến khi giao cho khách hàng	Hàng ngày	Ban QA và các Phòng Ban liên quan	Phiếu kiểm tra đầu vào và biên bản làm việc
	- Đào tạo	Theo kế hoạch đào tạo của các phòng ban	Các phòng ban	Hồ sơ đào tạo

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG (Tiếp)

Nhà máy chế tạo cột thép Đông Anh và Nhà máy cột thép mạ kẽm Thái Nguyên		Mục tiêu chất lượng, môi trường và biện pháp thực hiện		
Mục tiêu	Biện pháp thực hiện	Thực hiện		
		Thời gian	Trách nhiệm	Tài liệu
Đảm bảo đạt 100% sự hài lòng của khách hàng	- Kiểm soát chất lượng sản phẩm của Nhà máy và nhà thầu phụ	Hàng ngày	Ban QA, Sản xuất, Kinh doanh	Báo cáo kiểm tra sản phẩm biên bản làm việc
	Đảm bảo 100% tiến độ giao hàng các dự án	Hàng ngày	Ban sản xuất, Ban kinh doanh	Báo cáo tiến độ sản xuất
	Chăm sóc khách hàng	Thường xuyên	Ban Kinh doanh và các phòng ban liên quan	Báo cáo xử lý ý kiến thắc mắc, khiếu nại nếu có của khách hàng
100% các loại rác thải được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định	- Kiểm soát quá trình phân loại rác thải	Hàng ngày	Các phòng ban	Biên bản kiểm tra
	- Hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng để xử lý rác thải	Liên tục	Ban sản xuất, Phòng Hành chính	Các hợp đồng, bảng kê khối lượng rác xử lý
	- Đào tạo cho nhân viên mới, người thực hiện chưa tốt	Khi có nhân viên mới	Phòng Hành chính	Hồ sơ đào tạo
Tạo môi trường làm việc an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng	- Bảo trì các trang thiết bị an toàn tại các máy, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Kế hoạch bảo dưỡng, kiểm định	Xưởng cơ điện, Ban TK&KT	Hồ sơ thiết bị
	- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động	Liên tục	Phòng Hành chính, Sản xuất, Vật tư, Mua hàng	Hồ sơ theo dõi cấp phát thiết bị bảo hộ lao động
	- Huấn luyện về ATLĐ	Theo kế hoạch năm	Cán bộ an toàn, Phòng Hành chính	Hồ sơ đào tạo
	- Định kỳ tập huấn ứng phó với các tình trạng khẩn cấp (Cháy nổ, ...)	Theo kế hoạch năm	Ban sản xuất, Phòng Hành chính, đội ngũ an toàn viên	Kế hoạch tập huấn và kết quả đào tạo

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

PC1 đang sở hữu và vận hành an toàn, tin cậy 10 nhà máy điện năng lượng tái tạo điện gió và thủy điện trên cả nước, không phát thải khí nhà kính ra môi trường. Đến hết năm 2022 PC1 đã cung cấp cho lưới điện quốc gia 3,7 tỷ kWh điện sạch, cắt giảm 2,8 triệu tấn CO2 tương đương với 100 triệu cây xanh.

Trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án điện gió Liên Lập, Phong Huy và Phong Nguyên tại địa bàn huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị, PC1 Group đã thực hiện các hoạt động môi trường tại địa phương, cụ thể:

- Hỗ trợ giếng khoan tại các địa phương: Trao tặng giếng khoan cho người dân xã Hướng Tân, Tân Lập, Tân Liên, Hướng Phùng với số lượng 15 giếng, tổng giá trị khoảng 450 triệu đồng.
- Chương trình Trồng cây tạo cảnh quan môi trường sinh thái: PC1 Group thực hiện trồng Cây Bơ, Trầu (20 tr/ha) (10 ha) (mật độ khoảng 300 cây/ha), trồng xen cafe giai đoạn đầu và trồng Cây Keo (25tr/ha) và chăm sóc 5 năm đầu (20 ha) (mật độ 2500 - 3000 cây/ha) sinh trưởng nhanh, sớm khép kín tạo tán rừng vào giai đoạn sau, trong khoảng thời gian kéo dài từ 2020 đến 2024 tại diện tích đất sử dụng tạm thời của các nhà máy điện gió.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

TỔNG NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

STT	Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2023
1	Điện (kW)	5.032.911	4.959.613
2	Dầu (lít)	839	968

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Đổi mới công nghệ đốt lò bằng cách thiết kế lại buồng nhiệt và nâng cấp hệ thống đầu đốt: Bình quân lượng dầu tiêu hao trong 9 tháng đầu năm 2024 là 31,03 lít, tiết kiệm gần 14l/1 tấn so với định mức. Với khối lượng thực hiện từ đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo sáng kiến là 23.701 tấn, DAST đã tiết kiệm được 330.984 lít dầu.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả:

Đổi mới công nghệ đốt lò bằng cách thiết kế lại buồng nhiệt và nâng cấp hệ thống đầu đốt: Bình quân lượng dầu tiêu hao trong 9 tháng đầu năm 2024 là 31,03 lít, tiết kiệm gần 14l/1 tấn so với định mức. Với khối lượng thực hiện từ đầu năm 2024 đến thời điểm báo cáo sáng kiến là 23.701 tấn, DAST đã tiết kiệm được 330.984 lít dầu.

Nhờ sáng kiến trên, điều kiện môi trường được cải thiện đáng kể với nhiệt độ xung quanh buồng đốt giảm xuống còn 43 độ C so với mức trên 60 độ C trước đây, nhiệt độ tại mặt sàn thao tác của lò cũng được giảm từ trên 90 độ C xuống dưới 70 độ C.

Nhờ hệ thống đầu đốt mới và hệ thống điều khiển tự động, quá trình vận hành trở nên dễ dàng và an toàn hơn.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Bảng thống kê khối lượng nguyên vật liệu sử dụng năm 2024 như sau:

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2023
1	Thép các loại	Kg	51.410.940	38.736.041
	Kẽm	Kg	800.900	481.654
	Dầu Diesel	lít	573.028	540.210
2	Kẽm	Kg	1.075.616	1.062.677
3	Dầu diesel	Lít	839.160	967.870
4	Hóa chất	Kg	1.033.369	345.861
	Hợp kim nhôm kẽm	Kg	839.160	7.280
	H2S04	Kg	14	299.119
	NaOH	Kg	119.190	30.037
	NH4Cl	Kg	29.950	5.500
	ZnCl2	Kg	45.013	3.575
	Na2S03	Kg	42	350

Chi tiết các loại phế liệu, phế phẩm được thu gom xử lý tái chế làm nguyên liệu cho các sản phẩm khác

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng khối lượng được sử dụng	Tổng khối lượng được tái chế
1	Phế liệu thép tái sử dụng	Kg	51.410.940	256,15
2	Phế liệu kẽm tái sử dụng	Kg	800.900	60,84

Các sản phẩm cột thép của hai nhà máy DAST và TNST chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm (thép góc, thép hình ... nguyên cây) và sử dụng một tỷ lệ nhỏ nguyên vật liệu thu hồi từ sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất, không sử dụng nguyên vật liệu tái chế mua ngoài; điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại các nhà máy.

Trong năm 2024, lượng phế liệu thép và kẽm được tái sử dụng đã tăng lên đáng kể, giúp Tập đoàn giảm bớt gánh nặng chi phí nguyên vật liệu; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

STT	Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2023	Các biện tiết kiệm/xử lý nước năm 2024
1	Nhà cung cấp nước	Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội - Xí nghiệp nước sạch Đông Anh Công ty CP nước sạch Thái Nguyên	Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội - Xí nghiệp nước sạch Đông Anh Công ty CP nước sạch Thái Nguyên	
2	Lượng nước tiêu thụ năm (m3)	38.710	37.404	
3	Chi phí tiền nước năm (VNĐ/ năm)	721.138.021	609.913.631	
4	Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng (m3)	- Từ năm 2024 nước thải sản xuất được tái sử dụng (100% lượng nước thải ra được tái sử dụng). Do không có thiết bị đo nên không tính được khối lượng và tỷ lệ/ tổng lượng nước sử dụng.		
5	Tỷ lệ % lượng nước tái chế và tái sử dụng/ tổng lượng nước sử dụng (%)		Chưa tái chế	- Tuyên truyền ý thức về tích kiệm nước đến toàn thể CBCNV - Lắp đặt mới các thiết bị tiết kiệm nước. - Hệ thống tuần hoàn nước, giảm nước thải
6	Thông tin về hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước/ môi trường	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công nghiệp 150m3/ ngày đêm Cuối năm 2024 Công ty lắp đặt thêm và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt - công suất 30m3/ ngày đêm	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công nghiệp 150m3/ngày đêm Năm 2023 chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm không tuân thủ pháp luật: 0

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	Diễn giải	Số người (người)	Tỷ lệ (%)
1	Theo trình độ lao động	Trình độ Đại học và trên Đại học	708	43%
		Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	300	18%
		Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	240	15%
		Lao động phổ thông	402	24%
2	Theo đối tượng lao động	Lao động trực tiếp	747	45%
		Lao động gián tiếp	903	55%
3	Theo giới tính	Nam	1.345	82%
		Nữ	305	18%
4	Theo thời hạn HĐLĐ	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	488	30%
		Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	373	23%
		Hợp đồng không xác định thời hạn	789	48%
5	Theo cấp quản lý	Quản lý cấp cao	51	3%
		Quản lý cấp trung	49	3%
		Quản lý cấp chi nhánh	275	17%
		Chuyên viên, nhân viên, công nhân	1275	77%
		Lao động khác	-	0%
6	Theo độ tuổi	Từ 18 đến 25 tuổi	97	6%
		Từ 26 đến 35 tuổi	549	33%
		Từ 36 đến 45 tuổi	675	41%
		Trên 45	329	20%
		TỔNG CỘNG	1.650	100%



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc
Thời gian làm việc: Tập đoàn tổ chức làm việc 7,5 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Thực hiện nghỉ vào thứ 7 và ngày Chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Tập đoàn có trách nhiệm làm thêm giờ và Tập đoàn có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.
Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Chính sách tuyển dụng
Mục tiêu tuyển dụng của Tập đoàn là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những vị trí quản lý được Tập đoàn đưa ra các tiêu chí tuyển dụng cao nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.
Năm 2024, Tập đoàn đã tuyển dụng bổ sung 30 nhân sự có trình độ và chuyên môn tốt, đáp ứng với nhu cầu phát triển của các Phòng, Ban, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP)

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp)

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp)



Chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ

Thu nhập người lao động bình quân toàn Tập đoàn năm 2024 đạt 19.695 triệu đồng/người/tháng. Tiền lương đều được chi trả kịp thời. Ngoài ra nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Tập đoàn đều tổ chức bình bầu, đánh giá, biểu dương, vinh danh các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Tập đoàn cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.



Chính sách bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tập đoàn thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Tập đoàn luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Tập đoàn luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Tập đoàn thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Tập đoàn luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBNV trong Tập đoàn.

Tập đoàn mua thêm gói khám sức khỏe bổ sung cho NLĐ để giảm bớt gánh nặng chi phí y tế nếu không may bị ốm đau, bệnh tật; Tổ chức tiêm cúm mùa định kỳ hàng năm cho NLĐ

Ngoài ra, Tập đoàn cũng quan tâm, thăm hỏi và tặng quà ngày Quốc tế Thiếu nhi, Trung thu cho con em CBNV Tập đoàn và đồng thời thường xuyên tổ chức sinh nhật cho CBNV.

Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn

- PC1 luôn duy trì khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể CBCNV. Năm 2024, PC1 triển khai khám sức khỏe định kỳ cho 255 lao động vào tháng 1.
- Đảm bảo đầy đủ chế độ ăn ca, bồi dưỡng tại chỗ cho người lao động.
- Hàng năm đều được đào tạo học an toàn, tập huấn phòng cháy chữa cháy, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.
- Trang bị đầy đủ vật tư y tế, thuốc và vật tư chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động. Kiểm định các thiết bị y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe người lao động
- Quan trắc môi trường, xét nghiệm nước uống và nước sinh hoạt.



Hình ảnh khám sức khỏe định kỳ tại PC1

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP)

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp)

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp)

Hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên

Tập đoàn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Tập đoàn được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ và sự hiểu biết của người lao động. Tập đoàn tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tập đoàn luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Số giờ đào tạo trung bình năm 2024 của PC1 như sau:

Đối tượng	Số giờ đào tạo trung bình năm 2024
Đào tạo nội bộ cho công nhân	64 giờ
Đào tạo nội bộ cho nhân viên văn phòng	24 giờ
Đào tạo thuê ngoài cho công nhân	320 giờ
Đào tạo thuê ngoài cho nhân viên và cán bộ quản lý cấp trung	288 giờ

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý và lãnh đạo cấp cao tham gia các lớp đào tạo phát triển kỹ năng, học tập tại tập đoàn PC1 (Công ty mẹ).



Một số hình ảnh hoạt động đào tạo của Tập đoàn năm 2024



Một số hình ảnh hoạt động đào tạo của Tập đoàn năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP)

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp)

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG (Tiếp)



Đảm bảo bình đẳng giới

Tập đoàn luôn chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới - bảo vệ quyền lợi của CBNV nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Trên 24% CBNV PC1 là nữ giới.
- Tỷ lệ lao động nữ tăng dần qua các năm, nhiều lãnh đạo là nữ giới giữ những vị trí chủ chốt trong Tập đoàn, cho thấy sự quan tâm, chú trọng của Ban lãnh đạo Tập đoàn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới.
- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp
- Định kỳ hàng năm, Tập đoàn có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

Các hoạt động công đoàn đối với người lao động

Công đoàn Tập đoàn gồm 12 công đoàn cơ sở, bộ phận trực thuộc với gần 1.600 đoàn viên công đoàn. Công đoàn Tập đoàn gồm 10 công đoàn cơ sở, bộ phận trực thuộc với gần 1.000 đoàn viên công đoàn. Trong những năm qua, Lãnh đạo, Đảng ủy và Công đoàn luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần đối với cán bộ, người lao động, đặc biệt là với những đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn. Đây là những người lao động gặp phải những không may trong cuộc sống, bản thân bị bệnh nặng, ốm đau thường xuyên, phải chữa trị bệnh trong thời gian dài, chi phí tốn kém trong khi điều kiện gia đình cũng hết sức khó khăn; hoặc có trường hợp bản thân khỏe mạnh là trụ cột chính trong gia đình đông người, có người thân bệnh nặng, hiểm nghèo, chi phí hàng tháng tốn kém.



Một số hình ảnh hoạt động Công đoàn Tập đoàn năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



PC1 đã ký kết Hợp tác chiến lược với các Bệnh viện tuyến TW. Năm 2024, Trung tâm Phát triển bền vững - PC1 đã triển khai thành công các Dự án tài trợ: i- Nâng cao năng lực quản trị chiến lược và tư duy quản trị tinh gọn tại Bệnh viện Bạch Mai; ii- Bổ sung trang thiết bị y tế và Tư vấn chuẩn hóa, tinh gọn hệ thống quy trình, an toàn phẫu thuật tại Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức, Bệnh viện phụ sản Trung ương.

Các dự án trên đây đã mang lại ý nghĩa và giá trị thiết thực góp phần giảm quá tải, nâng cao chất lượng quản lý, vận hành khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân tại các Bệnh viện tuyến đầu, được ban Lãnh đạo và đội ngũ Y bác sỹ đánh giá rất cao.

Nhiều các hoạt động an sinh xã hội tại các vùng miền để chia sẻ khó khăn với các địa phương, đồng bào như:

- Chương trình Đông ấm vùng cao, hỗ trợ trang bị cho các em học sinh và gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Cao Bằng;
- Hỗ trợ kinh phí, vật chất, nhân lực, chuyên gia để khắc phục ảnh hưởng sau bão lịch sử - Yagi tại các tỉnh Cao Bằng, Hải Phòng, Quảng Trị, Hà Nội.
- Tặng nhà cho hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi;



- Trao tặng gói Hỗ trợ máy tính - nâng cao chất lượng công việc cho CBNV UBMT Tổ quốc Việt Nam.
- Huy động phương tiện, máy móc, trang thiết bị và nhân lực để khắc phục sạt lở đất, ngập lụt do thiên tai, chia sẻ khó khăn tại một số địa phương.

Lãnh đạo Tập đoàn nhận thức cần làm tốt CSR và phát triển bền vững không chỉ là xu thế, là trách nhiệm mà còn vai trò nâng cao Năng lực cạnh tranh của PC1, tạo sự tin tưởng của cộng đồng, nhà đầu tư, sự trung thành của khách hàng và sự gắn bó của người lao động, thúc đẩy PC1 phát triển bền vững.

Trong năm 2024, PC1 đã thực hiện nhiều đóng góp tài chính cho cộng đồng:

STT	Thời gian	Hoạt động hướng đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
1	17/09/2024	Ủng hộ nhân dân vùng bị bão lụt: 36.085.000 đồng chuyển vào tài khoản UBMTTQ Việt Nam huyện Đông Anh
2	17/09/2024	Ủng hộ nhân dân vùng bị bão lụt: 36.085.000 đồng chuyển vào tài khoản UBMTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội
3	18/09/2024	Ủng hộ nhân dân vùng bị bão lụt: 200.000.000 đồng chuyển vào tài khoản UBMTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng (ủng hộ MTTQ huyện Bảo Lạc)
4	06/09/2024	- Ủng hộ Tết Trung thu xóm Trại; xã Điểm Thuỵ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên với số tiền: 2,000,000 đ
5	12/10/2024	- TNST đã phối hợp với Hội Chữ thập đỏ huyện Phú Bình hỗ trợ cho 06 hộ gia đình thuộc hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn bị thiệt hại do hậu quả bão số 3 tại xã Úc Kỳ và xã Đào Xá. Mỗi hộ gia đình được TNST hỗ trợ 5.000.000 triệu đồng/ hộ, tổng trị giá 30.000.000 triệu đồng.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP)

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH
THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN



Tháng 10/2021, PC1 đã phát điện thành công 36 tua bin gió tại Quảng Trị lên lưới điện quốc gia do Tập đoàn làm chủ đầu tư với sự hợp tác của RENOVA Nhật Bản. Dự án được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB, Tổ chức Tín dụng xuất khẩu Úc (EFA), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) trị giá 173 triệu USD. Đây là khoản tài trợ đầu tiên của ADB cho một dự án điện gió ở Việt Nam, và đã được chứng nhận là khoản vay “xanh” bởi Sáng kiến Trái phiếu khí hậu, đơn vị quản lý Chương trình tiêu chuẩn và chứng nhận Trái phiếu khí hậu quốc tế.

Dự án Nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Huy và Phong Nguyên do PC1 và Công ty Renova, Inc. cùng đầu tư xây dựng và vận hành với tổng công suất phát điện 422 GWH một năm. Cụm 03 nhà máy sẽ góp phần cắt giảm phát thải 162.430 tấn CO2 mỗi năm. Cùng với 07 nhà máy năng lượng tái tạo đang vận hành, trung bình mỗi năm, PC1 Group sẽ góp phần cắt giảm hơn 500.000 tấn CO2.

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024



Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 4 tháng 12 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng quản trị	Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
	Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
	Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
	Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
	Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên (từ ngày 26/4/2024)
	Ông Mai Lương Việt	Thành viên (đến ngày 1/2/2024)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trịnh Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/7/2024)
	Ông Trịnh Quang Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/10/2024)
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
	Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
	Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 80.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trong yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trong yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – Số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 48 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00204-25-2

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00204-25-2



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2024 (VND) Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 (VND)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.683.571.516.940	8.085.980.091.224
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.082.217.682.721	2.277.327.707.879
Tiền	111		472.109.384.006	734.582.707.879
Các khoản tương đương tiền	112		1.610.108.298.715	1.542.745.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		780.833.305.437	1.016.759.191.654
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	780.833.305.437	1.016.759.191.654
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.771.030.121.203	3.112.002.764.045
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.877.968.983.905	2.015.189.876.899
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	217.194.103.053	456.269.424.703
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	10	-	9.187.149.775
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	288.724.410.051	309.543.410.051
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	399.538.361.777	416.873.034.466
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(12.395.737.583)	(95.060.131.849)
Hàng tồn kho	140	14	957.516.125.979	1.587.602.430.478
Hàng tồn kho	141		958.222.146.097	1.587.734.464.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(706.020.118)	(132.033.826)
Tài sản ngắn hạn khác	150		91.974.281.600	92.287.997.168
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	12.689.346.830	17.708.787.217
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.977.525.733	70.925.701.528
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	26	1.307.409.037	1.173.507.815
Tài sản ngắn hạn khác	155	15	-	2.480.000.608

	Mã số		1/1/2024 (VND) Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 (VND)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		13.491.573.366.000	12.901.664.649.904
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.779.136.760	32.830.193.500
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	14.779.136.760	32.830.193.500
Tài sản cố định	220		10.880.286.863.661	10.146.675.462.841
Tài sản cố định hữu hình	221	16	9.639.510.928.689	8.970.795.915.918
Nguyên giá	222		12.548.275.257.128	12.617.358.387.910
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.908.764.328.439)	(3.646.562.471.992)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		4.905.112.226	-
Nguyên giá	225		5.791.150.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(886.037.774)	-
Tài sản cố định vô hình	227	17	1.235.870.822.746	1.175.879.546.923
Nguyên giá	228		1.382.368.621.252	1.383.299.121.252
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.497.798.506)	(207.419.574.329)
Bất động sản đầu tư	230	18	145.675.172.322	112.102.582.263
Nguyên giá	231		558.088.029.012	536.746.846.681
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(412.412.856.690)	(424.644.264.418)
Tài sản dở dang dài hạn	240		112.686.564.279	372.571.762.744
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	19	-	202.549.187.157
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	112.686.564.279	170.022.575.587
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.606.569.505.763	1.709.056.198.340
Đầu tư vào công ty liên kết	252	7(b)	1.605.353.748.672	1.708.234.428.340
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(3.606.012.909)	(4.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		731.576.123.215	528.428.450.216
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	478.808.935.599	290.930.501.865
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	34.226.534.092	30.280.921.273
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.198.615.537	25.969.362.920
Lợi thế thương mại	269	23	216.342.037.987	181.247.664.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.175.144.882.940	20.987.644.741.128

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2024 (VND) Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 (VND)
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.027.533.672.586	13.271.625.448.232
Nợ ngắn hạn	310		4.777.754.337.912	5.078.147.101.360
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	1.048.601.949.747	1.120.664.359.789
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	169.442.503.266	299.209.751.506
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	26	143.917.465.802	230.165.562.350
Phải trả người lao động	314		56.308.500.869	98.754.378.100
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27	216.868.137.878	83.045.126.902
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	850.614.873
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.697.211.060	6.780.962.417
Phải trả ngắn hạn khác	319	28(a)	102.223.715.675	109.774.770.645
Vay ngắn hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	320	29(a)	2.838.478.333.363	2.950.283.971.656
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30	12.523.794.502	11.957.159.622
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	31	184.692.725.750	166.660.443.500
Nợ dài hạn	330		8.249.779.334.674	8.193.478.346.872
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		926.919.632	480.757.160
Phải trả dài hạn khác	337	28(b)	10.845.031.988	12.033.085.858
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	7.902.006.174.976	7.830.630.395.563
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	304.986.716.432	305.205.522.136
Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	31.014.491.646	45.128.586.155

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2024 (VND) Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 (VND)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.147.611.210.354	7.716.019.292.896
Vốn chủ sở hữu	410	32	7.147.611.210.354	7.716.019.292.896
Vốn cổ phần	411	33	3.109.955.580.000	3.576.421.210.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.109.955.580.000	3.576.421.210.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Vốn khác của chủ sở hữu	414		46.847.073.442	50.847.073.442
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		708.285.511	708.285.511
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.277.863.726)	(3.183.517.143)
Quỹ đầu tư phát triển	418		292.725.159.814	298.573.907.310
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		65.403.533.120	65.403.533.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		852.993.584.938	826.354.445.227
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		819.716.498.088	364.771.554.741
LNST năm nay	421b		33.277.086.850	461.582.890.486
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.069.119.300.469	2.189.757.798.643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.175.144.882.940	20.987.644.741.128

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng





Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	2023 (VND) Đã điều chỉnh lại	2024 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	35	7.693.781.062.664	10.088.901.620.619
Giá vốn hàng bán	11	36	6.245.614.973.514	7.996.507.019.628
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.448.166.089.150	2.092.394.600.991
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	182.694.013.188	138.085.670.369
Chi phí tài chính	22	38	967.330.851.856	881.568.197.542
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		848.375.555.662	701.206.757.837
Phần lãi trong công ty liên kết	24		1.577.383.209	45.794.608.983
Chi phí bán hàng	25	39	55.980.734.072	78.532.757.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	335.208.954.077	487.725.540.156
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		273.916.945.542	828.448.385.131
Thu nhập khác	31	41	10.795.650.746	19.285.546.398
Chi phí khác	32	42	28.732.891.615	8.723.300.716
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.937.240.869)	10.562.245.682
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		255.979.704.673	839.010.630.813
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	78.860.979.685	124.870.818.560
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	44	(4.511.197.107)	4.164.418.523
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52))	60		181.629.922.095	709.975.393.730
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty	61		36.167.086.850	467.582.890.486
Cổ đông không kiểm soát	62		145.462.835.245	242.392.503.244
Lãi trên cổ phiếu			Điều chỉnh lại	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	53	1.177

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

	Mã số	2023 (VND) Đã điều chỉnh lại	2024 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	255.979.704.673	839.010.630.813
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	771.515.106.980	877.613.082.201
Các khoản dự phòng	3	8.927.585.946	72.564.007.143
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	4	87.854.980.078	135.493.717.598
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(188.221.520.054)	(151.743.983.202)
Chi phí lãi vay	6	848.375.555.662	701.206.757.837
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	1.784.431.413.285	2.474.144.212.390
Biến động các khoản phải thu	9	501.603.209.478	(266.543.535.144)
Biến động hàng tồn kho	10	(37.742.965.910)	(628.938.061.378)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(211.424.749.853)	322.176.376.246
Biến động chi phí trả trước	12	12.055.953.375	4.901.864.912
		2.048.922.860.375	1.905.740.857.026
Tiền lãi vay đã trả	14	(860.760.606.701)	(698.053.796.352)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(102.724.509.099)	(76.541.785.887)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.052.117.239)	(41.196.926.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.051.385.627.336	1.089.948.348.435
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(492.252.091.207)	(446.492.057.301)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	168.210.675.156	31.808.133.068
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(1.047.101.801.345)	(1.594.612.558.972)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	1.239.957.199.980	1.337.867.672.755

	Mã số	2023 (VND) Đã điều chỉnh lại	2024 (VND)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(68.400.000.000)	(90.243.900.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	28.472.376.468	17.285.093.051
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phần phối lợi nhuận	27	98.803.414.042	98.284.542.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.310.226.906)	(646.103.074.527)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát	31	3.213.643.532	44.200.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn và dài hạn	33	5.792.450.483.265	7.718.291.063.222
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.161.637.703.122)	(7.826.829.309.098)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.577.956.458)	(1.454.373.074)
Tiền trả cổ tức	36	(124.230.827.303)	(202.587.071.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.491.782.360.086)	(268.379.690.296)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(512.706.959.656)	175.465.583.612
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.581.357.801.353	2.082.217.682.721
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.727.995.325	21.550.094.963
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	61	(1.161.154.301)	(1.905.653.417)
Tiền và các khoản tương đương tiềncuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	2.082.217.682.721	2.277.327.707.879

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng





Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 25 ngày 4 tháng 12 năm 2024.

(b)Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Khai thác, chế biến và bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Tập đoàn căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 27 công ty con cấp 1 và 2 công ty con cấp 2 (1/1/2024: 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty con cấp 2) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu		
				31/12/2024		1/1/2024
				Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết
Công ty con cấp 1						
1	Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Xây lắp điện	Hà Nội	66,00%	66,00%	66,00%
2	Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam) (i)	Xây lắp điện	Thành phố Hồ Chí Minh	80,00%	80,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình) (ii)	Xây lắp điện	Hà Nội	80,00%	80,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	Cung cấp dịch vụ	Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%
7	Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình) (iii)	Xây lắp điện	Ninh Bình	66,00%	66,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Xây lắp điện	Hà Nội	66,00%	66,00%	66,00%
9	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ vẽ mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện	Hà Nội	90,00%	90,00%	90,00%
10	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu (iv)	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Điện Biên	60,00%	60,00%	60,00%
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,39%	99,39%	99,39%
12	Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,83%	99,83%	99,83%
14	Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Quản lý sau đầu tư thủy điện và điện gió	Cao Bằng	99,90%	99,90%	99,90%
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc (iv)	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Cao Bằng	51,00%	51,00%	51,00%

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu		
				31/12/2024	01/01/2024	
16	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,95%	99,95%	99,95%
17	Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	55,54%	55,54%	55,54%
18	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,70%	54,70%	54,70%
19	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,73%	54,73%	54,73%
20	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%
21	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Khai thác khoáng sản	Cao Bằng	57,27%	57,27%	57,27%
22	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm (v)	Sản xuất điện	Cao Bằng	60,00%	60,00%	99,00%
23	Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Cho thuê nhà xưởng	Hà Nội	99,75%	99,75%	99,75%
24	Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (viii)	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	Singapore	100,00%	100,00%	100,00%
25	Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (vi)	Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp	Hải Phòng	99,96%	99,96%	99,96%
26	Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (viii)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp	Hải Phòng	70,00%	70,00%	70,00%
27	PC1 Australia Pty Ltd	Kinh doanh sản phẩm thép	Australia	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty con cấp 2						
Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh						
1	Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm	Thái Nguyên	81,00%	90,00%	90,00%
Công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình						
2	Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK (vii)	Kiểm định, thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dụng cụ điện áp đến 110 kV	Hà Nội	-	51,00%	51,00%
Công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam						
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm	Xây lắp điện	Hà Nội	80,00%	100,00%	100,00%

- (i) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam cho các cá nhân.
- (ii) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình cho các cá nhân.
- (iii) Trong Quý 1 năm 2024, Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình) trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của công ty này từ Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình.
- Trong Quý 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 34% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình cho các cá nhân.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ số cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản trái phiếu mà Tập đoàn phát hành (Thuyết minh 29(b)(ii)).
- (v) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp 66.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm.
- (vi) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp 415.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng.
- (vii) Trong Quý 4 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn thành việc thanh lý 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK, một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 4). Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, số cổ phần còn lại là 310.000 cổ phần mà Tập đoàn đang nắm giữ sẽ được thanh lý không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK được ghi nhận theo giá gốc (Thuyết minh 15).
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại Asia Dragon Trading Pte. Ltd. và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 29(b)(i)).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn có 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 7(b).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 1.625 nhân viên (1/1/2024: 1.595 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

- (a) Tuyên bố về tuân thủ
- Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (b) Cơ sở đo lường
- Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.
- (c) Kỳ kế toán năm
- Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.
- (d) Đơn vị tiền tệ kế toán
- Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

- Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.
- (a) Cơ sở hợp nhất
- (i) Công ty con
- Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.
- (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.
- Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.
- (iii) Công ty liên kết
- Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, theo đó các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.
- (iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất
- Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.
- (v) Hợp nhất kinh doanh
- Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.
- Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua, nếu có phát sinh chênh lệch.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ với tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng phản ánh phần chênh lệch giữa lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ và các hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Với trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đối với các chi phí đã phát sinh nhưng chưa được khách hàng xác nhận tại thời điểm lập báo cáo.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 30 năm
- Máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
- Phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
- Dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 7 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản phản ánh giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản tại mỏ niken – đồng phát sinh từ hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát, một công ty con của Công ty. Giá trị hợp lý của quyền khai thác khoáng sản có được thông qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan. Quyền khai thác khoáng sản sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 21,5 năm.

(ii) Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (“NHIZ”)

Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp NHIZ mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình theo giá trị hợp lý tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Giá trị hợp lý của quyền khai thác, vận hành có được thông qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan. Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp NHIZ sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 22 năm.

(iii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 đến 49 năm. Tập đoàn không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(iv) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(j) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

-	quyền sử dụng đất	48 năm
-	chung cư cho thuê	5 – 30 năm
-	nhà xưởng	30 năm

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê trong khoảng thời gian từ 44 đến 49 năm.

(iii) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Trung Thu, Mông Ân. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Tập đoàn phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên trong khoảng thời gian từ 11 đến 67 năm.

(iv) Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió thể hiện tiến bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình điện gió trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các dự án nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Nguyên và Phong Huy trong vòng 49 năm.

(v) Chi phí thuê hạ tầng

Chi phí thuê hạ tầng đầu nối dự án được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 48 năm.

(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(n) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác: Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(iii) Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mỏ

Tập đoàn có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường tại mỏ niken - đồng thuộc khu vực xã Quang Trung và xã Hà Trì huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nghĩa vụ bao gồm cải tạo, phục hồi môi trường khu khai thác, khu bãi thải đất đá, mặt bằng sản công nghiệp, một số khu vực ngoài biên giới mỏ và một số nghĩa vụ duy tu, bảo trì, cải tạo khác.

Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại. Trong đó, giá trị dự kiến của dòng tiền được dựa trên dự toán kinh phí cải tạo môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và sản lượng khoáng sản nguyên khai khai thác từng năm.

(p) Trái phiếu thường: Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(q) Vốn cổ phần: Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế từ khoản đầu tư vào công ty liên kết không được ghi nhận do Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự kiến được do Công ty không có kế hoạch thanh lý các khoản đầu tư này trong tương lai.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán tinh quặng khoáng sản, doanh thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày ghi nhận doanh thu, sau đó được điều chỉnh theo các thông tin cập nhật về khối lượng và giá bán khi quyết toán. Tại ngày lập báo cáo, doanh thu tạm tính được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(t) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h)(ii).

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan để cập đến các công ty liên kết và các công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Thanh lý công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình, một công ty con cấp 1 của Công ty, đã thanh lý 200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK, một công ty con cấp 2 của Công ty, cho cá nhân với giá thanh lý là 2 tỷ VND. Lỗ từ hoạt động thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm (Thuyết minh 38).

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, 310.000 cổ phiếu còn lại tương đương với 31% quyền sở hữu sẽ được thanh lý trước ngày 30 tháng 6 năm 2025. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư vào công ty này được ghi nhận là tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 15). Giao dịch này đã ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày quyền kiểm soát của Tập đoàn với công ty con này chấm dứt như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm quyền kiểm soát chấm dứt
	Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.114.906.949
Các khoản phải thu ngắn hạn	15.314.235.929
Hàng tồn kho	3.738.898.935
Tài sản ngắn hạn khác	446.248.505
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh16)	13.331.939
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	4.186.077.254
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 29(a))	(11.419.767.560)
Nợ ngắn hạn khác	(6.513.649.529)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	8.880.282.422
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày quyền kiểm soát chấm dứt (Thuyết minh 32)	4.351.338.386
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)	2.480.000.608
Lỗ từ hoạt động thanh lý ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 38)	48.943.428
Giá thanh lý nhận được	2.000.000.000
Khoản tiền giảm do thanh lý công ty con	(3.114.906.949)
Khoản tiền thuần mất do thanh lý công ty con	(1.114.906.949)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận, các giao dịch giữa các bộ phận này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và xây dựng;
- Sản xuất công nghiệp;
- Bất động sản;
- Năng lượng;
- Thương mại;
- Khai thác, vận hành khu công nghiệp;
- Khai khoáng; và
- Các hoạt động khác.

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành khu công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024										
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	5.285.078.775.132	1.581.906.381.343	44.268.528.613	1.793.512.897.375	963.624.187.857	599.664.683.839	2.977.772.087.865	117.846.878.266	(3.274.772.799.671)	10.088.901.620.619
Giá vốn hàng bán bộ phận	(5.041.373.321.868)	(1.428.042.082.448)		(854.536.585.123)	(952.021.397.380)		(2.367.570.349.563)	(107.936.778.887)	3.229.229.304.724	(7.996.507.019.628)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	243.705.453.264	153.864.298.895	20.862.765.354	938.976.312.252	11.602.790.477	148.814.638.015	610.201.738.302	9.910.099.379	(45.543.494.947)	2.092.394.600.991
Chi phí bán hàng										(78.532.757.514)
Chi phí quản lý doanh nghiệp										(487.725.540.156)
Doanh thu hoạt động tài chính										138.085.670.369
Chi phí tài chính										(881.568.197.542)
Phân lỗ trong công ty liên kết										45.794.608.983
Kết quả từ hoạt động khác										10.562.245.682
Chi phí TNDN										(129.035.237.083)
Lợi nhuận sau thuế TNDN										709.975.393.730

Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác vận hành khu công nghiệp VND	Khai khoáng VND Đã điều chỉnh lại	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND	
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023										
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	3.828.968.348.359	1.218.148.180.352	192.537.977.998	1.532.041.358.298	1.042.889.712.645	614.102.201.835	1.297.936.440.269	164.182.450.358	(2.197.025.607.450)	7.693.781.062.664
Giá vốn hàng bán bộ phận	(3.595.376.108.331)		(143.827.157.734)	(804.734.609.638)	(1.024.318.503.004)	(475.527.762.175)	(1.176.869.402.638)	(127.032.116.211)	2.190.380.659.834	(6.245.614.973.514)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	233.592.240.028	129.838.206.735	48.710.820.264	727.306.748.660	18.571.209.641	138.574.439.660	121.067.037.631	37.150.334.147	(6.644.947.616)	1.448.166.089.150
Chi phí bán hàng										(55.980.734.072)
Chi phí quản lý doanh nghiệp										(335.208.954.077)
Doanh thu hoạt động tài chính										182.694.013.188
Chi phí tài chính										(967.330.851.856)
Phân lỗ trong công ty liên kết										1.577.383.209
Kết quả từ hoạt động khác										(17.937.240.869)
Chi phí TNDN										(74.349.782.578)
Lợi nhuận sau thuế TNDN										181.629.922.095

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành khu công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Tài sản của bộ phận	1.902.631.794.913	723.731.548.075	1.309.608.304.859	9.008.063.060.286	241.386.683.338	1.399.100.103.337	2.170.526.667.505	27.819.880.071	16.782.868.042.384
Tài sản không phần bổ									4.204.776.698.744
Tổng tài sản	1.902.631.794.913	723.731.548.075	1.309.608.304.859	9.008.063.060.286	241.386.683.338	1.399.100.103.337	2.170.526.667.505	27.819.880.071	20.987.644.741.128
Nợ phải trả của bộ phần	1.600.967.413.927	511.673.313.711	405.093.392.252	5.406.095.610.792	4.396.392.430	36.453.218.308	1.439.154.983.426	10.079.376.073	9.413.913.700.919
Nợ phải trả không phần bổ									3.857.711.747.313
Tổng nợ phải trả	1.600.967.413.927	511.673.313.711	405.093.392.252	5.406.095.610.792	4.396.392.430	36.453.218.308	1.439.154.983.426	10.079.376.073	13.271.625.448.232
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Chi tiêu vốn	12.087.381.208	28.751.027.771	658.125.908	20.168.478.436	-	42.264.954.186	130.204.202.650	361.446.824	234.495.616.983
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	137.756.617.361	13.781.020.069	1.140.490.051	376.066.914.222	-	18.148.266.141	212.660.366.549	-	759.553.674.393
Khấu hao tài sản cố định vô hình	219.846.464	17.586.936.688	-	-	-	356.284.750	42.758.707.921	-	60.921.775.823
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	719.034.972	-	-	-	-	-	-	-	719.034.972
Khấu hao bất động sản đầu tư	4.276.124.919	-	1.306.897.517	-	-	13.282.764.912	-	-	18.865.787.348
Phân bổ lợi thế thương mại	-	-	3.561.645.403	27.785.389.507	-	1.961.471.982	1.785.866.937	-	35.094.373.829

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Bán hàng VND	Khai thác, vận hành khu công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024									
Tài sản của bộ phận	1.785.112.438.471	615.627.526.236	641.021.661.625	9.375.187.205.478	427.528.123.407	967.507.580.226	2.063.841.041.187	60.903.882.697	15.936.729.459.327
Tài sản không phần bổ									4.238.415.423.613
Tổng tài sản									20.175.144.882.940
Nợ phải trả của bộ phần	1.285.497.458.389	462.921.677.656	175.788.886.205	5.961.831.694.396	87.253.110.028	46.218.223.152	1.439.010.636.513	3.828.607.130	9.462.350.293.469
Nợ phải trả không phần bổ									3.565.183.379.117
Tổng nợ phải trả									13.027.533.672.586
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023									
Chi tiêu vốn	7.472.558.750	16.465.294.758	-	25.554.140.852	-	19.878.004.297	417.551.228.726	19.400.866.320	506.322.093.703
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	19.195.175.416	10.976.436.527	1.308.947.444	502.465.450.199	-	15.719.182.762	90.736.504.951	7.031.049.896	647.432.747.195
Khấu hao tài sản cố định vô hình	83.832.799	30.768.719	-	-	-	17.837.760.714	45.466.804.505	255.999.998	63.675.166.735
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	714.741.008	-	-	-	-	-	-	-	714.741.008
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	11.283.445.012	-	-	13.314.633.201	-	-	24.598.078.213
Phân bổ lợi thế thương mại	-	-	3.561.645.403	27.785.389.507	-	1.961.471.982	1.785.866.937	-	35.094.373.829

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý
Tập đoàn có các bộ phận địa lý bao gồm Việt Nam và Singapore như sau

	Việt Nam		Singapore		Hợp nhất
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	
Năm kết thúc ngày					31/12/2023 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán ra bên ngoài	8.378.027.842.020	7.069.882.829.605	1.710.873.778.599	623.898.233.059	10.088.901.620.619
Chi tiêu vốn	234.495.616.983	506.322.093.703	-	-	7.693.781.062.664
Tại ngày	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	Chi tiêu vốn Đã điều chỉnh lại
Tài sản bộ phận	20.955.239.643.987	20.158.857.394.690	32.405.097.141	16.287.488.250	20.175.144.882.940

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	32.254.830.129	22.292.697.470
Tiền gửi ngân hàng	702.327.877.750	449.156.686.536
Tiền đang chuyển	-	660.000.000
Các khoản tương đương tiền(*)	1.542.745.000.000	1.610.108.298.715
	2.277.327.707.879	2.082.217.682.721

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại hưởng lãi suất 1,6% – 4,75%/năm (1/1/2024: 2,3% – 4,2%/năm).

7. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.016.759.191.654	780.833.305.437

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,0% – 9,5%/năm (1/1/2024: 1,4% – 9,5%/năm).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

31/12/2024			
	Tỷ lệ % sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	86.390.209.542	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	300.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Western Pacific	30,08%	1.253.444.218.798	(*)
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	36,00%	68.400.000.000	(*)
		1.708.234.428.340	

1/1/2024			
	Tỷ lệ % sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	126.907.281.952	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	300.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Western Pacific (*)	30,08%	1.110.046.466.720	(*)
		1.605.353.748.672	

Năm kết thúc ngày		
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu năm	1.605.353.748.672	1.536.564.981.744
Vốn cổ phần góp thêm trong năm	90.243.900.000	68.400.000.000
Phần lãi trong công ty liên kết	45.794.608.983	1.577.383.209
Nhận cổ tức trong năm	(33.029.268.000)	-
Biến động do thay đổi khác của vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	(128.561.315)	(1.188.616.281)
Số dư cuối năm	1.708.234.428.340	1.605.353.748.672

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2024						
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	79.625	0,00115%	0,00115%	821.770.000	-	2.989.918.750
Công ty Cổ phần Bé tổng Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	10,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(*)
				4.821.770.000	(4.000.000.000)	
1/1/2024						
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	65.806	0,00115%	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
Công ty Cổ phần Bé tổng Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(*)
				4.821.770.000	(3.606.012.909)	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại	31/12/2024 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	300.562.675.147	263.669.955.793
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	152.899.801.367	234.656.351.299
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	79.296.269.106-	139.310.796.227
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Tp. Hồ Chí Minh	43.526.996.092	118.049.317.475
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	76.016.197.514	95.618.342.792
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	199.345.804.016	79.023.533.034
Ban Quản lý Dự án Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	162.767.074.244	33.480.528.945
Các khoản phải thu khách hàng khác	863.554.166.419	1.051.381.051.334
	1.877.968.983.905	2.015.189.876.899

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	1/1/2024 VND	31/12/2024 VND
Bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dững	-	2.686.454.802
Các bên thứ ba khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	105.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	59.974.554.174	-
Dongfang Electric International Corporation	40.926.457.094	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	-	17.877.622.227
Các nhà cung cấp khác	246.693.118.151	103.327.640.344
	456.269.424.703	217.194.103.053

10. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	1/1/2024 VND	31/12/2024 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	-	165.278.407.869
Lợi nhuận ước tính	-	23.546.075.329
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	-	188.824.483.198
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	-	(179.637.333.423)
	-	9.187.149.775

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2024 VND	31/12/2024 VND
Nguyễn Tất Cường (*)	255.075.000.000	305.725.000.000
Trần Thị Tuyết	29.631.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn cầu	2.588.410.051	2.588.410.051
Cá nhân khác	1.430.000.000	1.230.000.000
	288.724.410.051	309.543.410.051

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của các công ty con đối với một cá nhân mà Ban Tổng Giám đốc xác nhận không phải là bên liên quan của Tập đoàn. Khoản cho vay này hưởng lãi suất từ 3,5% – 6,0%/năm (1/1/2024: 3,5% – 6,0%/năm). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, gốc và lãi vay của các khoản cho vay này đã được gia hạn đến Quý 2 và Quý 3 năm 2025. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng các khoản cho vay đối với ông Cường hoàn toàn có khả năng thu hồi do các khoản cho vay này đã được bảo đảm bằng 13,8 triệu cổ phiếu niêm yết thuộc sở hữu của một cá nhân và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của 2 bất động sản thuộc sở hữu của ông Cường.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	1/1/2024 VND	31/12/2024 VND
Tạm ứng đến bù giải phóng mặt bằng (*)	176.611.651.982	170.802.845.302
Tạm ứng cho nhân viên	103.920.144.217	118.427.028.832
Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy công trình	24.856.454.080	18.596.869.461
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	58.534.783.875	53.533.562.158
Phải thu về cổ tức từ công ty liên kết	-	33.029.268.000
Ký cược, ký quỹ	29.474.663.501	18.823.501.517
Phải thu khác	6.140.664.122	3.659.959.196
	399.538.361.777	416.873.034.466

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đến bù tại các công trình xây lắp và sẽ được chủ đầu tư (khách hàng) hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đến bù dự án bất động sản, dự án năng lượng.

(b) Phải thu dài hạn khác

	1/1/2024 VND	31/12/2024 VND
Ký cược, ký quỹ	14.779.136.760	32.830.193.500

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	1/1/2024				31/12/2024			
Nợ quá hạn	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khách hàng nhóm 1	Dưới 1 năm	2.631.941.262	(789.582.379)	1.842.358.883	Dưới 1 năm	-	-	-
Các khách hàng nhóm 2	Từ 1 đến 2 năm	9.868.790.946	(4.934.395.473)	4.934.395.473	Từ 1 đến 2 năm	38.275.992.822	(38.275.992.822)	-
Các khách hàng nhóm 3	Từ 2 đến 3 năm	2.468.067.900	(1.971.083.590)	496.904.300	Từ 2 đến 3 năm	36.830.154.593	(36.830.154.593)	-
Các khách hàng nhóm 4	Trên 3 năm	4.751.242.337	(4.700.676.141)	50.646.206	Trên 3 năm	19.953.984.434	(19.953.984.434)	-
		19.720.042.445	(12.395.737.583)	7.324.304.862		95.060.131.849	(95.060.131.849)	-
Trong đó								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(12.395.737.583)				(95.060.131.849)	

14. Hàng tồn kho

	1/1/2024		31/12/2024	
	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	499.380.000	-	21.640.946.639	-
Nguyên vật liệu	209.282.409.642	(706.020.118)	162.915.930.790	(132.033.826)
Công cụ, dụng cụ	21.353.261.041	-	69.274.218.598	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	511.603.111.316	-	1.189.241.573.075	-
Thành phẩm	144.758.628.534	-	141.134.751.701	-
Hàng hoá	70.725.355.564	-	3.527.043.501	-
	958.222.146.097	(706.020.118)	1.587.734.464.304	(132.033.826)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	1/1/2024	31/12/2024
	VND	VND
Hoạt động kinh doanh bất động sản	28.494.850.392	637.750.974.807
Dự án xây nhà ở thấp tầng để bán và công trình thương mại tại khu đất Thấp Vàng, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội (**)	-	607.095.061.671
Khu hỗn hợp văn phòng, thương mại và căn hộ PCC1 Vĩnh Hưng	14.399.687.700	14.399.687.700
Dự án khu nhà ở PC1 Bắc Từ Liêm (G5 – CT2 và G8 – CT3)	7.494.996.417	7.499.726.417
Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm	2.596.191.784	2.596.191.784
Dự án khác	4.003.974.491	6.160.307.235
Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	461.179.631.063	446.703.858.416
Dự án xây lắp đường điện 500 kV Nhơn Hòa	18.867.261	55.161.921.742
Tổng thầu Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ Mở rộng 110kV tại Trạm biến áp 220kV Năm Căn	34.710.041.195	42.014.157.613
Gói tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật – KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	26.799.806.529	40.737.850.000
Các công trình khác	399.650.916.078	308.789.929.061
Hoạt động sản xuất công nghiệp	21.928.629.861	92.561.598.050
Đường điện 220kv Trường Sơn Đô Lương	-	30.977.942.707
Dự án xây lắp đường dây 110- 500kV thuộc vành đai 4, tỉnh Bắc Ninh	-	15.173.594.324
Các công trình, dự án khác	21.928.629.861	46.410.061.019
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	-	12.225.141.802
	511.603.111.316	1.189.241.573.075

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 29(b)(i)).

15. Tài sản ngắn hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản ngắn hạn khác thể hiện 310.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK với giá gốc là 2.480.000.608 VND (1/1/2024: Không). Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, số cổ phiếu này sẽ được chuyển nhượng toàn bộ với giá trị 3.100.000.000 VND không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	4.562.691.033.787	7.458.551.372.525	437.631.588.944	33.227.921.998	56.173.339.874	12.548.275.257.128
Số dư đầu năm – như báo cáo trước đây	4.490.916.121.931	7.402.759.299.564	436.867.823.789	33.112.570.550	56.173.339.874	12.419.829.155.708
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	71.774.911.856	55.792.072.961	763.765.155	115.351.448	-	128.446.101.420
Tăng trong năm	4.437.318.379	20.877.304.861	7.412.286.912	2.458.317.065	1.154.312.000	36.339.539.217
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	71.409.357.178	16.075.528.970	29.499.752.908	-	-	116.984.639.056
Thanh lý	-	(16.804.919.561)	(8.972.561.849)	-	-	(25.777.481.410)
Xóa sổ	(331.388.034)	-	-	-	-	(331.388.034)
Điều chỉnh theo quyết toán	59.951.768.630	(136.526.197.917)	50.800.000	-	-	(76.523.629.287)
Giảm do thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	-	(46.327.200)	-	-	-	(46.327.200)
Tăng/(giảm) khác	16.224.354.154	2.287.064.497	(76.786.607)	3.146.396	-	18.437.778.440
Số dư cuối năm	4.714.382.444.094	7.344.413.826.175	465.545.080.308	35.689.385.459	57.327.651.874	12.617.358.387.910

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	978.458.558.517	1.531.978.960.683	334.033.239.260	18.695.700.948	45.597.869.031	2.908.764.328.439
Số dư đầu năm – như báo cáo trước đây	974.617.251.548	1.527.729.377.108	334.002.295.854	18.680.722.480	45.597.869.031	2.900.627.516.021
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	3.841.306.969	4.249.583.575	30.943.406	14.978.468	-	8.136.812.418
Khấu hao trong năm	256.091.871.298	468.044.276.801	27.245.315.692	3.861.750.331	4.310.460.271	759.553.674.393
Thanh lý	-	(15.569.381.184)	(5.821.766.361)	-	-	(21.391.147.545)
Xóa sổ	(331.388.034)	-	-	-	-	(331.388.034)
Giảm do thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	-	(32.995.261)	-	-	-	(32.995.261)
Số dư cuối năm	1.234.219.041.781	1.984.420.861.039	355.456.788.591	22.557.451.279	49.908.329.302	3.646.562.471.992
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	3.584.232.475.270	5.926.572.411.842	103.598.349.684	14.532.221.050	10.575.470.843	9.639.510.928.689
Số dư cuối năm	3.480.163.402.313	5.359.992.965.136	110.088.291.717	13.131.934.180	7.419.322.572	8.970.795.915.918

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.750 tỷ VND (1/1/2024 – đã điều chỉnh: 9.533 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 29(b)(i)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 679 tỷ VND (1/1/2024: 674 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Quyền khai thác, vận hành khu công nghiệp NHIZ VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	977.536.296.866	385.284.021.525	14.249.528.442	5.193.442.600	105.331.819	1.382.368.621.252
Tăng trong năm	-	-	-	899.700.000	-	899.700.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	30.800.000	-	30.800.000
Số dư cuối năm	977.536.296.866	385.284.021.525	14.249.528.442	6.123.942.600	105.331.819	1.383.299.121.252
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	115.561.461.450	19.898.472.334	6.292.457.574	4.640.075.329	105.331.819	146.497.798.506
Khấu hao trong năm	42.758.707.921	17.418.614.786	269.749.116	474.704.000	-	60.921.775.823
Số dư cuối năm	158.320.169.371	37.317.087.120	6.562.206.690	5.114.779.329	105.331.819	207.419.574.329
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	861.974.835.416	365.385.549.191	7.957.070.868	553.367.271	-	1.235.870.822.746
Số dư cuối năm	819.216.127.495	347.966.934.405	7.687.321.752	1.009.163.271	-	1.175.879.546.923

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 2,6 tỷ VND (1/1/2024: 1,7 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Chung cư cho thuê VND	Nhà xưởng tiêu chuẩn cho thuê VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.974.479.862	157.755.932.150	395.357.617.000	558.088.029.012
Thanh lý	-	(21.341.182.331)	-	(21.341.182.331)
Số dư cuối năm	4.974.479.862	136.414.749.819	395.357.617.000	536.746.846.681
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.684.968.425	55.994.085.496	353.733.802.769	412.412.856.690
Khấu hao trong năm	104.177.436	5.583.022.436	13.178.587.476	18.865.787.348
Thanh lý	-	(6.634.379.620)	-	(6.634.379.620)
Số dư cuối năm	2.789.145.861	54.942.728.312	366.912.390.245	424.644.264.418
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.289.511.437	101.761.846.654	41.623.814.231	145.675.172.322
Số dư cuối năm	2.185.334.001	81.472.021.507	28.445.226.755	112.102.582.263

19. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của một dự án có thời gian triển khai dự kiến kéo dài hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại	112.686.564.279	1.375.792.992.689
Số dư đầu năm – như báo cáo trước đây	107.818.401.504	1.375.792.992.689
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	4.868.162.775	-
Tăng trong năm	205.983.257.429	425.904.103.008
Tăng trong năm – như báo cáo trước đây	-	421.035.940.233
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	4.868.162.775
Phân loại sang hàng tồn kho	(4.197.499.906)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(21.767.624.401)	(3.408.313.487)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(116.984.639.056)	(1.543.801.714.501)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(30.800.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.666.682.758)	(44.244.934.517)
Giảm trừ thu nhập phát sinh trong giai đoạn chạy thử	-	(69.179.711.869)
Biến động khác	-	(28.375.857.044)
Số dư cuối năm	170.022.575.587	112.686.564.279

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Dự án Thủy điện Bảo Lạc A	76.972.368.337	23.555.749.753
Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken - Đồng	24.467.389.358	48.933.828.605
Dự án Thủy điện Thượng Hà	22.230.259.134	-
Các dự án khác	46.352.558.758	40.196.985.921
	170.022.575.587	112.686.564.279

21. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.105.334.421	6.243.883.752
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.603.452.796	6.445.463.078
	17.708.787.217	12.689.346.830

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Tiến thuê đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện (*) VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió VND	Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công VND	Chi phí thuê hạ tầng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.476.083.808	15.676.027.118	9.682.960.255	111.069.822.306	11.979.155.590	192.928.100.767	62.099.554.928	67.897.230.827	478.808.935.599
Tăng trong năm	5.293.532.570	9.499.316.912	-	-	911.868.000	-	-	52.092.032.142	67.796.749.624
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(4.050.983.743)	-	-	5.666.682.758
Phân bổ trong năm	(5.784.574.739)	(9.762.171.508)	(2.458.435.836)	(2.852.203.332)	(333.308.241)	-	(1.663.962.445)	(43.418.027.846)	(66.272.683.947)
Phân loại lại	-	-	13.459.600.778	-	-	-	-	(13.459.600.778)	-
Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	-	(192.928.100.767)	-	-	(192.928.100.767)
Tăng/(giảm) khác	229.958.947	-	-	(1.696.440.811)	-	-	-	(674.599.538)	(2.141.081.402)
Số dư cuối năm	7.215.000.586	21.079.855.280	20.684.125.197	106.521.178.163	12.557.715.349	-	60.435.592.483	62.437.034.807	290.930.501.865

(*) Tiến bổ thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Trung Thu, Mông Ân được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng, Cục thuế tỉnh Hà Giang và Cục thuế tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ VND
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Trung Thu	Thông báo số 1091/TB-STC ngày 30/6/2016	70.790.693.435
Công trình thủy điện Mông Ân	Thông báo số 1217/TB-CT ngày 10/12/2019	21.334.749.436
		122.862.913.178

Tiền thuê đất đã được bù trừ cho tới ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 15.614.606.295 VND.

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất áp dụng	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Hàng tồn kho	20%	1.120.138.530	2.611.849.364
Tài sản cố định	20%	27.517.011.859	25.220.668.171
Xây dựng cơ bản dở dang	20%	1.169.977.722	4.201.763.973
Các khoản khác	20%	473.793.162	2.192.252.584
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		30.280.921.273	34.226.534.092
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Tài sản cố định	20%	(164.298.912.250)	(173.598.586.632)
Tài sản cố định	10%	(35.100.407.888)	(36.842.269.367)
Hàng tồn kho	20%	(303.714.448)	(303.714.448)
Dự phòng đầu tư dài hạn	20%	(7.465.603.887)	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	20%	(40.509.837.431)	-
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con	20%	(52.402.000.000)	(52.402.000.000)
Lỗ thanh lý công ty con	20%	(757.751.421)	(757.751.421)
Chi phí trả trước dài hạn	20%	-	(38.651.428.518)
Các khoản khác	20%	(4.367.294.811)	(2.430.966.046)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(305.205.522.136)	(304.986.716.432)
		(274.924.600.863)	(270.760.182.340)

23. Lợi thế thương mại

	2024 VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	440.096.768.989
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	223.754.731.002
Phân bổ trong năm	35.094.373.829
Số dư cuối năm	258.849.104.831
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	216.342.037.987
Số dư cuối năm	181.247.664.158

24. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

Giá gốc và số có khả năng trả nợ		
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	32.306.117.963	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là “Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân”)	5.669.517.606	-
Các bên thứ ba khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	110.037.444.656	-
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS-Vina	101.670.943.560	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hòa Thịnh	50.562.242.897	-
Công ty Cổ phần Thịnh Cường	43.599.805.132	83.134.119.522
Siemens Energy Limited Company	-	96.229.903.174
Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	-	73.920.000.000
Khác	776.818.287.975	795.317.927.051
	1.120.664.359.789	1.048.601.949.747

25. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND Đã điều chỉnh lại
Ban Quản lý Dự án Lưới điện Miền Nam	66.904.600.092	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	31.515.453.438
Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam	23.036.620.441	-
Ban Quản lý Dự án lưới điện Hà Nội	22.752.187.170	-
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	21.360.763.271	-
Ban Quản lý Đường sắt Đô thị	-	31.214.189.119
Các khách hàng khác	133.640.127.094	106.712.860.709
	299.209.751.506	169.442.503.266

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

26. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước

	1/1/2024 – đã điều chỉnh lại		31/12/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	27.002.841.082	-	24.351.505.334
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	(479.632)	-	-	23.895.402.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(761.034.370)	53.303.354.682	124.870.818.560	(76.541.785.887)
Số dư – như báo cáo trước đây	(761.034.370)	64.860.106.555	-	-
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	(11.556.751.873)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(265.779.457)	1.826.958.355	23.352.974.579	(23.160.055.959)
Thuế tài nguyên (**)	-	52.737.936.718	188.879.558.892	(170.846.083.757)
Số dư – như báo cáo trước đây	-	10.710.095.829	-	-
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	42.027.840.889	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(280.115.578)	237.290.873	578.834.924.020	(579.068.154.485)
Thuế bảo vệ môi trường	-	7.272.570.324	43.640.901.604	(50.913.471.928)
Các loại thuế khác	-	-	5.220.198.755	(5.220.198.755)
Phí lệ phí và các khoản khác	-	1.536.513.768	48.464.208.033	(42.376.382.578)
	(1.307.409.037)	143.917.465.802	1.532.789.460.125	(1.173.507.815)
				230.165.562.350

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

(**) Như trình bày trong Thuyết minh 48(b), do có sự chưa nhất quán giữa các quy định hiện hành hướng dẫn cách tính thuế tài nguyên và do chưa có sự hướng dẫn cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền, trong năm 2023, một công ty con của Công ty đã thực hiện tạm kê khai và nộp thuế tài nguyên dựa trên giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng công bố và sản lượng tài nguyên nguyên khai khai thác.

Trong năm 2024, công ty con này đã xác định lại phương pháp tính thuế tài nguyên dựa trên những diễn giải về quy định của Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Thuế tài nguyên (“Thông tư 152”). Theo đó, công ty con này đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên theo trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu không bao gồm thuế xuất khẩu và chi phí vận chuyển được nêu trên hóa đơn bán hàng, và xác định sản lượng tài nguyên tính thuế tại khâu khai thác để xác định lại nghĩa vụ thuế phải nộp cho năm 2023 và các năm sau đó. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ thuế tài nguyên theo phương pháp mới này, phù hợp với các diễn giải về quy định pháp luật liên quan và thực tiễn sản xuất của công ty con.

Hiện tại, công ty con này vẫn đang trong quá trình xin hướng dẫn chi tiết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về phương pháp tính thuế tài nguyên phù hợp với thực tiễn sản xuất của công ty. Kết quả cuối cùng phụ thuộc vào hướng dẫn chi tiết của các cơ quan này. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí trích trước lãi vay	55.406.703.006	63.043.534.451
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	9.664.512.412	14.333.821.819
Chi phí trích trước hoạt động khai thác quặng	8.613.272.911	2.295.589.848
Chi phí trích trước công trình xây dựng nhà máy khoáng sản hoàn thành	5.666.155.719	25.243.009.226
Chi phí trích trước vận hành các nhà máy điện gió	607.756.400	11.045.051.431
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện và phong điện hoàn thành	-	93.386.367.366
Chi phí phải trả khác	3.086.726.454	7.520.763.737
	83.045.126.902	216.868.137.878

28. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.337.343.594	2.918.719.672
Phải trả các đội xây lắp, ban chỉ huy công trình	19.415.879.856	22.291.589.264
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.884.868.933	37.940.430.492
Chi phí lãi vay phải trả	6.246.575.342	230.136.986
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	3.826.000.000	2.610.000.000
Kinh phí công đoàn	2.152.993.283	2.127.550.317
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	745.439.097	1.922.165.960
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	66.665.566	1.273.002.527
Phải trả về thư tín dụng trả chậm (UPAS LC)	-	15.529.179.387
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.099.004.974	15.380.941.070
	109.774.770.645	102.223.715.675

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.033.085.858	10.845.031.988

29. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả

	Biến động trong năm					31/12/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thanh lý công ty con (Thuyết minh 4) VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.092.378.794.844	6.595.491.481.483	(6.573.879.025.643)	(10.472.403.176)	-	2.103.518.847.508
Vay dài hạn đến hạn trả	744.512.949.711	844.049.332.193	(746.226.316.557)	-	4.429.158.801	846.765.124.148
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	1.586.588.808	815.148.650	(1.454.373.074)	(947.364.384)	-	-
	2.838.478.333.363	7.440.355.962.326	(7.321.559.715.274)	(11.419.767.560)	4.429.158.801	2.950.283.971.656

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	757.606.557.645	774.440.817.954
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	341.644.138.655	128.988.248.251
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	252.648.011.672	228.883.383.427
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	196.861.263.264	4.853.534.209
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	191.093.418.913	215.792.607.518
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	171.609.360.756	283.545.093.202
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	98.415.102.212	227.759.337.190
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	90.023.511.038	2.258.907.851
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	VND	2.797.252.789	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	820.230.564	-
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	-	115.608.041.597
Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	53.591.299.638
Các cá nhân khác	VND	-	56.657.524.007
		2.103.518.847.508	2.092.378.794.844

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	7.488.722.401.619	7.461.804.212.519
Trái phiếu thương (ii)	1.188.673.118.092	1.183.899.763.518
Nợ thuê tài chính	-	2.401.737.458
	8.677.395.519.711	8.648.105.713.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 29(a))	(846.765.124.148)	(746.099.538.519)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.830.630.395.563	7.902.006.174.976

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản đảm bảo	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Asian Development Bank – B Loan	USD	Sofr kỳ hạn 3 tháng + biên độ	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	1.660.238.919.837	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Tuyền quảng Nicken – Đồng	818.905.248.588	983.905.248.588
Asian Development Bank – A Loan	USD	5.5103%-5,517%	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	717.387.217.208	773.582.431.955
Export Finance Australia	USD	4,65% - 5,02%	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	655.896.867.534	707.275.348.923
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	(*)	Toàn bộ phần vốn góp của PC1 tại Asia Dragon Trading Pre.Ltd và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	541.000.000.000	-
Japan International Cooperation Agency	USD	Sofr kỳ hạn 6 tháng + biên độ	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên	512.423.628.257	552.558.844.932
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Mông Ân	372.585.979.418	386.100.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Tháp Vàng, Phú Thị	350.054.116.104	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	(**)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	338.968.395.700	386.968.395.700
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	274.986.568.179	305.034.568.179
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	262.709.898.607	310.709.898.607
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(**)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Trung Thu	224.440.000.000	269.328.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	145.862.523.972	152.212.523.972

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản đảm bảo	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	132.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Bảo Lạc A	128.513.687.186	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	9,0%	Không có tài sản bảo đảm	100.929.000.713	364.929.000.713
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành dự án Thủy điện Thượng Hà	62.355.142.561	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Mạ kẽm Thái Nguyên	48.965.207.755	54.573.185.348
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	Cầu 800 tấn ZCC9800W	40.500.000.000	55.900.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	7,5%	Xe ô tô Ford Everest	-	436.065.590
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,2%	Không có tài sản bảo đảm	-	100.000.000.000
Các cá nhân khác	VND	4,7% - 6,0%	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	120.000.000.000
				7.488.722.401.619	7.461.804.212.519
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(846.765.124.148)	(744.512.949.711)

Các khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 8.750 tỷ VND (1/1/2024 – đã điều chỉnh: 9.533 tỷ VND) (Thuyết minh 16) và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND (Thuyết minh 14).

(*) Lãi suất vay trong vòng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên là lãi suất cố định. Các năm tiếp theo áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(**) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
			1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(11.326.881.908)	(16.100.236.482)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.188.673.118.092	1.183.899.763.518

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và toàn bộ số cổ phiếu phổ thông của hai công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Tập đoàn sở hữu (Thuyết minh 1(d)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc mua các cổ phần hiện có và cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Western Pacific, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

30. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND	Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường mở VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	39.055.642.790	3.118.063.697	-	1.364.579.661	43.538.286.148
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	17.504.492.596	(1.112.452.160)	2.936.432.120	-	19.328.472.556
Sử dụng trong năm	(5.593.896.367)	(79.156.000)	-	(107.960.560)	(5.781.012.927)
Số dư cuối năm	50.966.239.019	1.926.455.537	2.936.432.120	1.256.619.101	57.085.745.777
Trong đó:					
Dự phòng phải trả ngắn hạn	11.957.159.622	-	-	-	11.957.159.622
Dự phòng phải trả dài hạn	39.009.079.397	1.926.455.537	2.936.432.120	1.256.619.101	45.128.586.155
	50.966.239.019	1.926.455.537	2.936.432.120	1.256.619.101	57.085.745.777

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	184.692.725.750	147.348.887.255
Trích lập trong năm (Thuyết minh 32)	18.380.644.102	71.395.955.734
Sử dụng trong năm	(36.412.926.352)	(34.052.117.239)
Số dư cuối năm	166.660.443.500	184.692.725.750

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	2.704.330.020.000	711.136.556.786	29.026.800.000	708.285.511	(116.709.425)	261.072.092.951	65.418.160.381	1.344.532.665.968	2.056.638.211.199	7.172.746.083.371
Tăng vốn tại công ty con bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	23.051.946.468	-	-	(2.879.601.168)	(14.627.261)	(20.157.718.039)	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	3.213.643.532	3.213.643.532
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	405.625.560.000	-	-	-	-	-	-	(405.625.560.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	139.972.323.571	163.060.665.930	303.032.989.501
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(70.711.269.837)	(684.685.897)	(71.395.955.734)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	34.532.668.031	-	(34.532.668.031)	-	-
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(161.815.088.795)	(161.815.088.795)
Biến động do thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	(1.188.616.282)	-	(1.188.616.282)
Thoái một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát	-	-	(5.231.673.026)	-	-	-	-	7.399.664.309	26.304.385.185	28.472.376.468
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	-	-	221.878.783	-	-	-	-	221.878.783
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	(2.890.000.000)	-	(2.890.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2024 (theo báo cáo trước đây)	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	105.169.358	292.725.159.814	65.403.533.120	956.798.821.659	2.086.717.131.154	7.270.397.310.844

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024 – đã điều chỉnh lại	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	(1.277.863.726)	292.725.159.814	65.403.533.120	852.993.584.938	2.069.119.300.469	7.147.611.210.354
Số dư tại ngày 1/1/2024 – theo báo cáo trước đây	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	105.169.358	292.725.159.814	65.403.533.120	956.798.821.659	2.086.717.131.154	7.270.397.310.844
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 48)	-	-	-	-	(1.383.033.084)	-	-	(103.805.236.721)	(17.597.830.685)	(122.786.100.490)
Tăng vốn tại công ty con bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	5.000.000.000	-	-	(5.000.000.000)	-	-	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	466.465.630.000	-	-	-	-	-	-	(466.465.630.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	467.582.890.486	242.392.503.244	709.975.393.730
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.125.651.021)	(1.254.993.081)	(18.380.644.102)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	11.124.148.057	-	(11.124.148.057)	-	-
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(180.531.509.787)	(180.531.509.787)
Biến động do thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	(128.561.315)	-	(128.561.315)
Thoái một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát	-	-	(1.000.000.000)	-	-	-	-	848.269.093	15.551.730.907	15.400.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	-	-	(1.905.653.417)	-	-	-	-	(1.905.653.417)
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.351.338.386)	(4.351.338.386)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(275.400.561)	-	5.773.691.103	4.632.105.277	10.130.395.819
Số dư tại ngày 31/12/2024	-	711.136.556.786	50.847.073.442	708.285.511	(3.183.517.143)	298.573.907.310	65.403.533.120	826.354.445.227	2.189.757.798.643	7.716.019.292.896

(i) Quý 4 năm 2024, Công ty đã phân phối cho cổ đông khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 466.465.630.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2023: 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

33. Vốn cổ phần

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài				
	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
Trong vòng một năm	10.185.240.588		8.103.354.214	
Trong vòng hai đến năm năm	18.716.445.636		21.353.478.791	
Sau năm năm	20.823.489.920		21.380.860.579	
	49.725.176.144		50.837.693.584	
(b) Ngoại tệ				
	31/12/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Kíp Lào	608.001	528.961	602.363	409.607
Đô la Úc	207.918	3.292.374.996	236.216	3.896.971.349
Đô la Mỹ	29.175.465	736.692.180.528	26.991.418	648.611.902.269
(c) Nợ khó đòi đã xử lý				
	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Không có khả năng thu hồi	2024	418.555.690	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DHT Việt Nam	Không có khả năng thu hồi	2021	1.396.500.000	1.396.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Giang	Không có khả năng thu hồi	2021	216.700.000	216.700.000
Công ty AG Ajikawa Corporation	Không có khả năng thu hồi	2006	12.373.726.137	12.373.726.137
Các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi	2007	1.285.920.000	1.285.920.000
			15.691.401.827	15.272.846.137

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	3.686.739.333.726	2.607.422.011.497
Doanh thu bán tinh quặng khoáng sản	1.710.873.778.599	623.898.233.059
Doanh thu bán điện	1.706.289.302.547	1.460.798.810.292
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	1.457.375.933.958	1.166.132.058.047
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	837.422.249.307	994.824.547.901
Doanh thu khai thác, vận hành khu công nghiệp	599.334.946.399	614.102.201.835
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	23.597.687.931	160.297.723.757
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	15.627.596.166	26.903.425.827
Doanh thu khác	51.640.791.986	39.402.050.449
	10.088.901.620.619	7.693.781.062.664

36. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	3.428.358.689.800	2.372.274.698.716
Giá vốn bán tinh quặng khoáng sản	1.146.153.010.488	516.565.167.657
Giá vốn bán điện	760.402.029.935	724.542.698.502
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	1.313.703.277.941	1.048.752.856.813
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	831.146.744.500	976.253.338.260
Giá vốn khai thác, vận hành khu công nghiệp	450.520.308.384	475.527.762.175
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	14.940.529.320	99.433.178.443
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	3.421.989.423	8.699.335.901
Giá vốn khác	48.434.426.129	31.282.682.219
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(573.986.292)	(7.716.745.172)
	7.996.507.019.628	6.245.614.973.514

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	93.283.321.155	124.286.757.899
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.186.780.749	14.026.085.555
Lãi bán hàng trả chậm chiết khấu thanh toán	1.247.594.132	3.107.431.620
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.367.973.858	4.081.031.891
Lãi từ hợp đồng hoán đổi lãi suất	-	37.054.307.890
Doanh thu hoạt động tài chính khác	475	138.398.333
	138.085.670.369	182.694.013.188

38. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	696.433.403.263	843.641.541.921
Chi phí phát hành trái phiếu	4.773.354.574	4.734.013.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.551.283.929	3.856.016.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	143.861.691.456	91.936.011.969
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	393.987.091	220.390.619
Thuế nhà thầu của chi phí lãi vay	19.987.042.151	22.578.035.297
Lỗ từ thanh lý công ty con (Thuyết minh 4)	48.943.428	-
Chi phí tài chính khác	518.491.650	364.841.845
	881.568.197.542	967.330.851.856

39. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	64.864.256	40.769.833
Chi phí nhân công	6.044.346.563	4.112.300.895
Chi phí khấu hao	8.027.398	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.014.224.228	29.996.039.972
Chi phí khác bằng tiền	1.896.802.473	4.954.074.566
Trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	17.504.492.596	16.877.548.806
	78.532.757.514	55.980.734.072

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.308.412.475	9.023.242.874
Chi phí nhân công	233.436.878.491	178.720.392.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.677.326.669	56.473.218.386
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	82.471.887.079	5.380.165.276
Thuế, phí, lệ phí	7.478.769.712	4.860.721.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.765.541.236	51.686.039.621
Chi phí khác	25.586.724.494	29.065.174.568
	487.725.540.156	335.208.954.077

41. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.641.799.407	397.179.895
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	4.057.837.881	1.492.833.632
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	3.118.063.697	5.382.018.313
Thu nhập khác	10.467.845.413	3.523.618.906
	19.285.546.398	10.795.650.746

42. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Phân bổ quyền khai thác khoáng sản	-	11.366.701.126
Chi phí phân bổ quyền sử dụng khu đất tại 120 Định Công	-	4.050.983.743
Chi phí khác	8.723.300.716	13.315.206.746
	8.723.300.716	28.732.891.615

43. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu	2.435.290.264.669	1.653.911.421.551
Chi phí nhân công	477.242.770.235	400.639.911.030
Chi phí khấu hao tài sản cố định	877.613.082.201	771.515.106.980
Trích lập dự phòng	69.445.943.446	8.618.981.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.153.808.230.900	2.627.929.245.660
Chi phí khác	377.292.336.953	176.304.617.375
	8.390.692.628.404	5.638.919.283.800

44. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024 VND	20223 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	123.455.036.456	65.984.177.991
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.415.782.104	12.876.801.694
	124.870.818.560	78.860.979.685
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.164.418.523	(4.511.197.107)
	129.035.237.083	74.349.782.578

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	839.010.630.813	255.979.704.673
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	167.802.126.163	51.195.940.935
Chênh lệch tạm thời về chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	14.897.489.764	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	6.601.282.521	21.095.302.840
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.624.076.833	2.478.022.148
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất không làm phát sinh chênh lệch tạm thời	(1.958.774.269)	9.101.923.739
Ưu đãi thuế	(31.001.273.622)	(49.376.581.072)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	1.783.721.852	27.265.259.748
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.415.782.104	12.876.801.694
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác tại công ty con	(26.174.888.579)	(520.390.729)
Lỗ tính thuế các năm trước được sử dụng trong năm	(14.927.671.291)	-
Khác	(26.634.393)	233.503.275
	129.035.237.083	74.349.782.578

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ngoài các ưu đãi thuế sau đây, Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

Đối với Dự án Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Trung Thu có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với Dự án Thủy điện Mông Ân, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Mông Ân có lợi nhuận chịu thuế (từ 2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2024 đến 2032).

Đối với Dự án Phong điện Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, các công ty con của Công ty, được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm tròn năm đầu tiên các dự án điện gió có lợi nhuận chịu thuế (từ 2022 đến 2025) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2026 đến 2034).

Đối với Dự án Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, một công ty con của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích và cung cấp dịch vụ cần thiết cho hoạt động của khu công nghiệp.

Đối với dự án của Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên, một công ty con cấp 2 của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong thời hạn 10 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu dự án đầu tư. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2021 và 2022) và giảm 50% số thuế trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2026).

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 Đã điều chỉnh lại	2023 Theo báo cáo trước đây
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	467.582.890.486	36.167.086.850	139.972.323.571
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(46.758.289.049)	(17.125.651.021)	(13.997.232.357)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	420.824.601.437	19.041.435.829	125.975.091.214
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	357.642.121	357.642.121	310.995.558
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.177	53	405

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty tạm ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận thuần trong năm 2024.

(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trong năm, Công ty và các công ty con đã phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty của năm 2023 với số tiền 17.125.651.021 VND. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Ngoài ra, Tập đoàn đã thực hiện các điều chỉnh về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và doanh thu của một số công ty con (Thuyết minh 48), qua đó làm thay đổi lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền
Quý 4 năm 2024, Công ty đã phân phối cho các cổ đông cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 15% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tương đương 466.465.630.000 VND.

	2024	2023 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	310.995.558	310.995.558
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	46.646.563	46.646.563
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	357.642.121	357.642.121

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2023		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	405	(352)	53

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Western Pacific		
Mua cổ phần	90.243.900.000	-
Lợi nhuận được chia	33.029.268.000	-
Công ty Cổ phần kho bãi Phú Bình		
Vay	22.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	22.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	113.301.370	-
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	39.402.848.900	-
Mua hàng	79.166.213.680	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là “Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân”)		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	11.173.944.456	-
Mua hàng	25.332.449.710	-
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị		
Ông Trịnh Văn Tuấn	3.975.000.000	1.810.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	540.000.000	270.000.000
Ông Võ Hồng Quang	540.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	540.000.000	270.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu (từ ngày 26/4/2024)	360.000.000	-
Ông Mai Lương Việt (đến ngày 1/2/2024)	45.000.000	270.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Ánh Dương	1.306.734.106	1.125.749.371
Ông Võ Hồng Quang	1.244.577.696	871.136.214
Ông Nguyễn Minh Đệ	206.000.000	206.000.000
Ông Đặng Quốc Tường	918.759.840	994.540.361
Ông Nguyễn Nhật Tân	851.733.190	878.279.634
Ông Trịnh Ngọc Anh (từ ngày 15/7/2024)	315.074.696	-
Ông Trịnh Quang Thành (từ ngày 11/10/2024)	325.780.897	-
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	466.465.630.000	405.625.560.000
Vốn hóa chi phí khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang	-	1.953.180.857

48. Thông tin so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám Đốc đã nhận thấy báo cáo tài chính hợp nhất đã phát hành năm trước cần điều chỉnh về cách tính và hạch toán thuế và xác định doanh thu tại hai công ty con như trình bày dưới đây.

(a) Điều chỉnh về thuế giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (“Công ty Tấn Phát”)

Theo quy định tại Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung Khoản 23, Điều 4, Thông tư 219/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên vật liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất trở lên là sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”). Công ty Tấn Phát bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ giữa năm 2023. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2023, Công ty Tấn Phát đã tính toán tỷ lệ của trị giá tài nguyên khoáng sản cộng với chi phí năng lượng trên tổng giá thành sản phẩm xuất khẩu (“tỷ lệ CPTNNL”) nhỏ hơn 51%, vì vậy công ty con này đã ghi nhận các khoản thuế GTGT đầu vào trong khoản mục Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ với số tiền là 148.418 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, Tập đoàn đã xem xét, tính toán lại tỷ lệ CPTNNL thực tế của sản phẩm xuất khẩu của năm 2023 là trên 51%. Do đó, Tập đoàn đã điều chỉnh lại số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Hàng tồn kho tăng 10.255 triệu VND;
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ giảm 148.418 triệu VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng 128.446 triệu VND;
- Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tăng 8.137 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước giảm 3.571 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 8.180 triệu VND; và
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm 6.103 triệu VND.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Giá vốn hàng bán tăng 17.854 triệu VND;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 3.571 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông phổ thông giảm 8.180 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát giảm 6.103 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế giảm 17.854 triệu VND;
- Khấu hao và phân bổ tăng 8.137 triệu VND;
- Biến động các khoản phải thu tăng 37.667 triệu VND;
- Biến động hàng tồn kho giảm 10.255 triệu VND; và
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác tăng 17.695 triệu VND.

(b) Điều chỉnh về thuế tài nguyên của Công ty Tấn Phát

Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 – sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên quy định: “Trường hợp tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì giá tính thuế tài nguyên khai thác được xác định căn cứ vào trị giá hải quan của sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến xuất khẩu hoặc giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và các chi phí có liên quan từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu xuất khẩu hoặc từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu bán tại thị trường trong nước.

Căn cứ giá tính thuế tài nguyên đã xác định để áp dụng sản lượng tính thuế đối với đơn vị tài nguyên tương ứng. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”

Tuy nhiên, Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Thuế tài nguyên (“Thông tư 152”) quy định: “Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm”. Và giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra là “trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu (trường hợp xuất khẩu) không bao gồm thuế xuất khẩu tương ứng với sản lượng tài nguyên xuất khẩu ghi trên chứng từ xuất khẩu nhưng không thấp hơn giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định.”

Do có sự chưa nhất quán giữa các quy định hiện hành, Công ty Tấn Phát đã gửi văn bản xin hướng dẫn của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tuy nhiên chưa nhận được sự hướng dẫn cụ thể. Do đó Công ty Tấn Phát đã thực hiện tạm kê khai và nộp thuế tài nguyên cho năm tài chính 2023 dựa trên giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Cao Bằng công bố và sản lượng tài nguyên nguyên khai khai thác.

Trong năm 2024, khi rà soát lại nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp, Tập đoàn đã xác định lại giá tính thuế tài nguyên theo trị giá hải quan của sản phẩm tài nguyên xuất khẩu không bao gồm thuế xuất khẩu và xác định sản lượng tài nguyên tính thuế tại khâu khai thác bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm (tức là dựa trên diễn giải về quy định của Thông tư 152) để ghi nhận thêm 42.027 triệu VND nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp cho năm 2023. Do đó, các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Hàng tồn kho tăng 3.534 triệu VND;
- Xây dựng cơ bản dở dang tăng 4.868 triệu VND;
- Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng 35.303 triệu VND. Trong đó, thuế tài nguyên tăng 42.028 triệu VND và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 6.725 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 15.406 triệu VND; và
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm 11.495 triệu VND.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Giá vốn hàng bán tăng 33.626 triệu VND;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 6.725 triệu VND;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông phổ thông giảm 15.406 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát giảm 11.495 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế giảm 33.626 triệu VND;
- Biến động hàng tồn kho giảm 3.533 triệu VND; và
- Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác tăng 37.159 triệu VND.

(c) Điều chỉnh doanh thu tạm tính của Công ty Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (“ADT”)

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa thực hiện điều chỉnh doanh thu tạm tính mà công ty con ADT ghi nhận theo giá bán thực tế cuối cùng cho hai lô hàng bán trong tháng 9 và tháng 12 năm 2023. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện tính lại và điều chỉnh phần doanh thu liên quan đến hai lô hàng này về đúng kỳ báo cáo năm 2023. Các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2024:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 50.201 triệu VND;
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 32.662 triệu VND;
 - Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước giảm 1.261 triệu VND;
 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm 1.383 triệu VND; và
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 80.219 triệu VND.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 81.459 triệu VND;
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 1.239 triệu VND; và
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông phổ thông giảm 80.220 triệu VND.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế giảm 81.459 triệu VND;
- Biến động các khoản phải thu tăng 50.201 triệu VND;
- Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác tăng 32.641 triệu VND; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo giảm 1.383 triệu VND.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1/1/2024				
	Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.928.169.781.905	(50.200.798.000)	1.877.968.983.905
Hàng tồn kho	141	944.433.461.208	13.788.684.889	958.222.146.097
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	226.395.550.873	(148.418.025.140)	77.977.525.733
Tài sản cố định hữu hình	221	9.519.201.639.687	120.309.289.002	9.639.510.928.689
Nguyên giá	222	12.419.829.155.708	128.446.101.420	12.548.275.257.128
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.900.627.516.021)	(8.136.812.418)	(2.908.764.328.439)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	107.818.401.504	4.868.162.775	112.686.564.279
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	136.780.178.266	32.662.325.000	169.442.503.266
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	113.446.376.786	30.471.089.016	143.917.465.80
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	105.169.358	(1.383.033.084)	(1.277.863.726)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	956.798.821.659	(103.805.236.721)	852.993.584.938
Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b	137.082.323.571	(103.805.236.721)	33.277.086.850
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.086.717.131.154	(17.597.830.685)	2.069.119.300.469

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

2023				
	Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.775.239.783.868	(81.458.721.204)	7.693.781.062.664
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.194.135.244.151	51.479.729.363	6.245.614.973.514
Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	90.396.362.846	(11.535.383.161)	78.860.979.685
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông phổ thông của Công ty	61	139.972.323.571	(103.805.236.721)	36.167.086.850
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	62	163.060.665.930	(17.597.830.685)	145.462.835.245

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

2023				
	Mã số	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Lợi nhuận trước thuế	01	388.918.155.240	(132.938.450.567)	255.979.704.673
Khấu hao và phân bổ	02	763.378.294.562	8.136.812.418	771.515.106.980
Biến động các khoản phải thu	09	413.735.295.286	87.867.914.192	501.603.209.478
Biến động hàng tồn kho	10	(23.954.281.021)	(13.788.684.889)	(37.742.965.910)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(281.225.384.255)	69.800.634.402	(211.424.749.853)
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(474.556.898.735)	(17.695.192.472)	(492.252.091.207)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	61	221.878.783	(1.383.033.084)	(1.161.154.301)

Ngoại trừ các thông tin so sánh được điều chỉnh lại như trình bày ở trên, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Lưu Thanh Hương
Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc